

Số: 32/TB-HĐTD

Nghệ An, ngày 30 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết quả bài thi trên giấy đối với các thí sinh dự tuyển vòng 2 và nhận đơn phúc khảo, thuộc Kỳ tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS công lập đợt 1, Năm học 2025-2026

Thực hiện Kế hoạch số 3456/KH-SGDĐT ngày 14/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tuyển dụng viên chức;

Căn cứ kết quả thi của thí sinh dự tuyển Vòng 2, thuộc Kỳ tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS công lập đợt 1, Năm học 2025-2026;

Hội đồng tuyển dụng viên chức Thông báo kết quả bài thi trên giấy của các thí sinh: *Có danh sách cụ thể kèm theo.*

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày 31/01/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 04/02/2026, nếu thí sinh có nguyện vọng đề nghị phúc khảo bài thi thì nộp đơn (theo mẫu gửi kèm) và lệ phí (150.000đ/01 thí sinh) về Hội đồng tuyển dụng viên chức (nộp trực tiếp tại Phòng Tổ chức Cán bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Số 67, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An; Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 12 giờ, Buổi chiều: từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện đến Sở Giáo dục và Đào tạo trước 17 giờ ngày 04/02/2026). Quá thời hạn nêu trên, Hội đồng tuyển dụng viên chức sẽ không nhận đơn phúc khảo và tiến hành chấm phúc khảo bài thi theo quy định.

Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo để các thí sinh được biết, Thông báo này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Sở Giáo dục Đào tạo nghean.edu.vn và niêm yết công khai tại cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo./

Nơi nhận:

- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Hội đồng tuyển dụng viên chức;
- Trang thông tin điện tử của Sở GDĐT;
- Lưu: HĐTD.



**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH HĐTD**

**GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Văn Khoa**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC



THÔNG BÁO KẾT QUẢ BÀI THI TRÊN GIẤY
 Kỳ tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS
đợt 1, năm học 2025-2026
 (Kèm theo Thông báo số 32/TB-HDTD ngày 30/01/2026 của Hội đồng tuyển dụng)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1	Trương Mai An	28/06/1997	1	41.5	
2	Lê Thị An	28/05/1994	2	52	
3	Lê Thị An	18/10/1999	3	58.5	
4	Nguyễn Thị Linh An	03/11/1996	4	45.5	
5	Nguyễn Thị An	22/11/1984	5	44	
6	Phan Thị An	23/08/1996	6	39	
7	Nguyễn Thị Thanh An	26/08/1999	7	41	
8	Đặng Thị Thúy An	06/07/2003	8	44.5	
9	Vương Thị An	10/12/1995	9	26.5	
10	Nguyễn Lê Tú Anh	22/07/2003	10	63.5	
11	Nguyễn Nữ Hoàng Anh	17/12/1993	11	43.5	
12	Hoàng Thị Anh	10/04/1985	12	38.5	
13	Tô Thị Hồng Anh	20/09/1993	13	60.5	
14	Trần Thị Kim Anh	15/01/2003	14	58.5	
15	Trần Thị Lan Anh	15/03/1998	15	37	
16	Trần Thị Lê Anh	23/11/2001	16	41.5	
17	Lương Thị Anh	03/11/1997	17	14.5	
18	Đặng Thị Mai Anh	20/06/2003	18	75	
19	Nguyễn Thị Minh Anh	17/04/2003	19	45	
20	Đặng Thị Ngọc Anh	23/05/1998	20	50.5	
21	Trần Thị Ngọc Anh	24/02/1999	21	54.5	
22	Nguyễn Thị Anh	20/11/2003	22	62	
23	Hoàng Thị Phương Anh	01/09/2001	23	45.5	
24	Phạm Thị Phương Anh	18/04/2003	25	47.5	
25	Hoàng Thị Thảo Anh	04/04/1998	26	40.5	
26	Trần Thị Thúy Anh	26/09/1989	27	33	
27	Hoàng Thị Vân Anh	07/06/1994	28	80	
28	Hồ Thị Vân Anh	23/02/1993	29	59	
29	Lê Thị Vân Anh	01/10/1997	30	63.5	
30	Lê Thị Vân Anh	08/02/2001	31	62.5	
31	Nguyễn Thị Vân Anh	02/01/1998	32	54.5	
32	Nguyễn Thị Vân Anh	19/07/2003	33	47.5	
33	Phan Thị Vân Anh	05/09/2000	34	50.5	
34	Trương Thị Vân Anh	20/10/2003	35	47.5	
35	Lê Thị Việt Anh	24/01/1999	36	45.5	
36	Nguyễn Tú Anh	15/08/2004	37	51.5	
37	Lê Vân Anh	28/10/2003	38	25.5	

Handwritten signatures and initials in blue ink.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
38	Đình Xuân Hoàng Anh	18/05/2004	39	28	
39	Nguyễn Thị Ánh	21/08/1995	40	51	
40	Trương Ngọc Ánh	26/01/2003	41	52.5	
41	Hoàng Thị Ánh	01/04/2000	42	53.5	
42	Hồ Thị Lan Ánh	23/05/2004	43	46.5	
43	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/05/1999	45	75	
44	Nguyễn Thị Ánh	12/01/1997	46	67.5	
45	Nguyễn Thị Ánh	19/05/1998	47	45	
46	Nguyễn Thị Ánh	20/05/1999	48	56	
47	Nguyễn Thị Ánh	08/07/2002	49	64	
48	Phạm Thị Ánh	08/10/1998	50	40	
49	Nguyễn Trương Ngọc Ánh	22/04/2002	51	30.5	
50	Nguyễn Thị Ban	16/09/1999	52	40	
51	Phạm Thị Bảo	21/09/1993	53	41	
52	La Thị Bắc	20/03/1996	54	45	
53	Lê Thị Bé	18/06/1992	55	34	
54	Trần Thị Bé	21/02/1998	56	40.5	
55	Lữ Thị Bình	15/12/2003	57	50.5	
56	Lô Thị Bích	19/10/2001	58	66	
57	Trần Thị Bích	06/04/2003	59	53.5	
58	Xông Y Bô	15/07/2003	60	73.5	
59	Hồ Thị Bông	05/09/2002	61	34	
60	Nguyễn Thị Minh Châu	23/11/2004	62	55.5	
61	Trần Thị Châu	13/09/1996	63	27	
62	Lương Quỳnh Chi	16/07/2004	64	32.5	
63	Trần Thị Huệ Chi	08/03/2004	66	18.5	
64	Lê Thị Khánh Chi	10/02/1999	67	50.5	
65	Trần Thị Chinh	13/02/1996	68	62.5	
66	Nguyễn Thị Mỹ Chính	15/11/2001	69	38.5	
67	Xông Ý Cu	14/09/2003	70	60.5	
68	Nguyễn Thị Cúc	08/03/1998	71	41.5	
69	Nguyễn Thị Cúc	12/08/2000	72	76	
70	Tăng Thị Cúc	10/06/1987	73	51.5	
71	Nguyễn Thị Hà Danh	01/01/2003	74	62.5	
72	Hoàng Thị Dung	09/07/2002	77	55	
73	Hồ Thị Dung	26/02/2001	78	65.5	
74	Hồ Thị Dung	29/05/2002	79	54	
75	Hồ Thị Dung	18/08/2002	80	63.5	
76	Vương Thị Hương Dung	29/09/1995	81	50.5	
77	Lê Thị Dung	15/11/2003	82	38.5	
78	Nguyễn Thị Dung	02/09/1994	84	53.5	
79	Nguyễn Thị Dung	26/03/1995	85	59	
80	Nguyễn Thị Dung	06/05/1998	86	55	
81	Phan Thị Dung	23/12/1993	87	54	
82	Phan Thị Thùy Dung	13/04/2000	88	68	

Handwritten signature and date:
 22/05/13

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
83	Phạm Thị Thùy Dung	25/11/1999	89	35	
84	Trần Thị Thùy Dung	02/06/1999	90	65.5	
85	Trần Thị Dung	10/08/1988	91	68	
86	Trần Thị Dung	25/07/1993	92	60	
87	Trần Thị Dung	12/09/1994	93	84	
88	Trần Thị Dung	12/09/1996	94	67	
89	Vũ Thị Dung	02/02/1994	95	42	
90	Đinh Thị Lan Duyên	03/08/1997	96	72	
91	Nguyễn Thị Duyên	26/05/1993	97	67	
92	Nguyễn Thị Duyên	15/07/1995	98	83	
93	Nguyễn Thị Dương	05/05/1993	99	71	
94	Nguyễn Thị Đan	16/05/2001	100	73	
95	Hồ Thị Đào	30/12/1995	101	72.5	
96	Phan Thị Đạo	17/04/1994	102	69.5	
97	Hồ Thị Diệp	12/06/2003	104	51	
98	Lê Thị Đ Đông	28/01/1995	105	81	
99	Trần Thị Độ	19/06/1991	106	79.5	
100	Óc Thị Đức	04/02/1996	107	59	
101	Vương Thị Đức	22/03/1995	108	78.5	
102	Lê Thị Hà Giang	02/09/1998	109	54	
103	Vũ Thị Hà Giang	15/06/1990	110	79	
104	Cao Thị Hồng Giang	21/02/1996	112	71	
105	Nguyễn Thị Hồng Giang	12/06/1994	113	52	
106	Đậu Thị Hương Giang	27/04/1997	114	61.5	
107	Ngô Thị Giang	18/10/1992	116	52	
108	Nguyễn Thị Giang	28/07/1991	117	65	
109	Nguyễn Thị Giang	13/06/1997	118	63.5	
110	Nguyễn Thị Giang	26/07/1997	119	53	
111	Nguyễn Thị Giang	15/02/2002	120	67	
112	Hoàng Thị Thu Giang	07/10/2003	121	71	
113	Nguyễn Thị Trà Giang	22/03/2001	122	52	
114	Phạm Thị Trà Giang	20/04/2003	123	41	
115	Trần Thị Giang	30/06/1992	124	52.5	
116	Xông Y Giải	01/01/2003	126	41.5	
117	Võ Thanh Hà	12/12/1994	127	53	
118	Bùi Thị Hà	18/09/1999	128	66.5	
119	Đậu Thị Hà	04/11/1996	129	58.5	
120	Lê Thị Hà	13/01/1997	130	76.5	
121	Lương Thị Hà	24/05/1996	131	68.5	
122	Nguyễn Thị Hà	10/12/1993	133	52	
123	Nguyễn Thị Hà	02/05/1995	134	66.5	
124	Nguyễn Thị Hà	16/03/1996	135	67	
125	Nguyễn Thị Hà	02/07/1999	137	42.5	
126	Phan Thị Hà	18/05/1999	138	39	
127	Phạm Thị Hà	23/10/1993	139	51.5	

Handwritten signatures and initials in blue ink.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
128	Phạm Thị Hà	20/11/1999	140	66	
129	Lê Thị Thu Hà	03/06/1993	141	41.5	
130	Nguyễn Thị Thu Hà	03/09/1992	142	77.5	
131	Nguyễn Thị Thu Hà	08/10/1995	143	84.5	
132	Phan Thị Thu Hà	19/01/2000	144	60	
133	Võ Thị Thu Hà	14/09/2002	145	65.5	
134	Nguyễn Thu Hà	06/03/1997	146	68	
135	Bùi Thị Hải	02/11/1998	147	64	
136	Nguyễn Thị Hải	05/12/1994	148	63.5	
137	Nguyễn Thị Hải	03/08/1995	149	65	
138	Nguyễn Thị Hải	22/02/1998	150	69.5	
139	Nguyễn Thị Hải	24/07/2000	151	62	
140	Phạm Thị Hải	20/11/1989	152	54.5	
141	Cao Thị Hào	15/11/1991	153	50.5	
142	Nguyễn Thị Minh Hào	20/06/1993	154	75.5	
143	Trần Thị Hào	06/06/1990	155	60	
144	Trần Thị Hào	08/05/2000	156	46	
145	Trương Thị Hào	20/12/1995	157	28.5	
146	Nguyễn Hồng Hạnh	05/11/1997	158	60	
147	Võ Minh Hạnh	04/11/2003	159	28.5	
148	Hà Ngân Hạnh	31/07/2001	160	38.5	
149	Hồ Thị Hạnh	01/09/1998	161	67.5	
150	Văn Thị Hạnh	08/03/1996	162	38	
151	Hoàng Thị Hạnh	12/05/2001	163	45.5	
152	Mai Thị Hạnh	20/01/1994	164	35	
153	Trần Thị Mỹ Hạnh	02/11/1998	165	53	
154	Nguyễn Thị Hạnh	16/08/1989	166	48.5	
155	Nguyễn Thị Hạnh	20/03/1994	167	65	
156	Nguyễn Thị Hạnh	20/11/1997	168	71.5	
157	Nguyễn Thị Hạnh	05/10/2001	169	44	
158	Phan Thị Hạnh	20/09/1992	170	54	
159	Đào Thị Hằng	01/05/1999	171	37	
160	Hồ Thị Hằng	04/09/1996	172	57	
161	Lê Thị Hằng	02/02/1994	174	59	
162	Lê Thị Hằng	03/07/1999	175	43	
163	Mai Thị Hằng	12/02/2001	177	32	
164	Nguyễn Thị Hằng	12/05/1995	178	63	
165	Nguyễn Thị Hằng	05/05/1996	179	83.5	
166	Nguyễn Thị Hằng	07/03/1999	180	40	
167	Nguyễn Thị Hằng	11/03/2001	181	55.5	
168	Nguyễn Thị Hằng	03/04/2002	182	67	
169	Phạm Thị Hằng	06/06/1999	183	52.5	
170	Nguyễn Thị Thanh Hằng	02/07/2003	184	57	
171	Vi Thị Thu Hằng	19/03/2000	186	52.5	
172	Nguyễn Thị Thuý Hằng	16/05/2001	187	44.5	

al
2004
R

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
173	Nguyễn Thị Thúy Hằng	11/04/2002	189	52.5	
174	Trần Thị Hằng	06/06/1997	190	38	
175	Võ Thị Hằng	16/12/1994	191	50.5	
176	Đinh Thúy Hằng	26/01/2002	192	39	
177	Trần Thúy Hằng	22/12/2003	193	33	
178	Ngô Thị Hân	13/12/1989	194	35	
179	Bạch Thị Hiên	07/09/1991	195	47	
180	Hồ Thị Hiên	20/07/1991	196	50	
181	Lê Thị Hiên	26/11/1990	197	22.5	
182	Lê Thị Hiên	06/05/2001	198	51.5	
183	Nguyễn Thị Hiên	24/09/1997	199	63.5	
184	Chu Thị Hiên	01/08/1995	200	40.5	
185	Hồ Thị Hiên	04/11/2000	201	39.5	
186	Lê Thị Hiên	26/07/2001	202	60.5	
187	Hồ Thị Ngọc Hiên	23/11/2003	203	34	
188	Ngô Thị Hiên	01/08/1996	204	57.5	
189	Nguyễn Thị Hiên	22/08/1992	205	51.5	
190	Nguyễn Thị Hiên	15/02/1995	206	64.5	
191	Nguyễn Thị Hiên	02/10/1996	207	42.5	
192	Nguyễn Thị Hiên	26/03/2000	208	59.5	
193	Phạm Thị Hiên	24/10/1997	209	72.5	
194	Phạm Thị Hiên	27/04/2003	210	41.5	
195	Thái Thị Hiên	20/03/1997	211	52.5	
196	Lê Thị Thu Hiên	11/04/2003	212	52.5	
197	Trần Thị Hiên	15/09/1993	214	45.5	
198	Trần Thị Hiên	20/01/2002	215	58	
199	Hoàng Thị Hiếu	02/07/1990	216	24.5	
200	Trương Thị Hiếu	08/07/1990	217	36	
201	Hồ Thị Ngọc Hiệp	19/12/1998	218	74	
202	Lê Thị Hoa	01/06/1994	219	36.5	
203	Vi Thị May Hoa	05/02/1998	220	51	
204	Phan Thị Mỹ Hoa	09/07/1991	221	41.5	
205	Nguyễn Thị Hoa	05/09/1995	223	34.5	
206	Nguyễn Thị Hoa	23/09/1996	224	72.5	
207	Nguyễn Thị Hoa	26/01/2001	225	36.5	
208	Phạm Thị Hoa	07/06/1992	226	65	
209	Phan Thị Phương Hoa	30/10/2001	227	39	
210	Trần Thị Hoa	29/08/1994	228	26	
211	Trần Thị Hoa	12/08/1995	229	50	
212	Trần Thị Hoa	04/04/1997	230	50	
213	Mùa Y Hoa	30/06/2003	231	34	
214	Và Y Hoa	26/12/2002	232	36	
215	Đinh Thị Hoài	06/07/1997	234	38	
216	Hoàng Thị Hoài	07/10/1998	235	27	
217	Hồ Thị Hoài	04/03/1995	236	38	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
218	Lê Thị Hoài	30/07/2002	237	52	
219	Nguyễn Thị Lê Hoài	02/12/2002	238	51	
220	Nguyễn Thị Hoài	07/01/1991	239	45	
221	Nguyễn Thị Hoài	08/12/1992	240	37	
222	Nguyễn Thị Hoài	20/04/1994	241	31.5	
223	Trần Thị Hoài	12/10/1994	243	20.5	
224	Trần Thị Hoài	27/05/2003	244	43.5	
225	Nguyễn Thị Hoàn	12/10/1993	245	52	
226	Đào Thị Hoàng	30/09/1993	246	27.5	
227	Moong Thị Hom	11/01/2003	247	36.5	
228	Nguyễn Thị Hóa	15/10/1993	248	43	
229	Bùi Thị Hồng	17/11/1992	249	31.5	
230	Đào Thị Hồng	27/08/1997	250	50	
231	Hồ Thị Hồng	15/05/1987	251	29.5	
232	Lê Thị Hồng	30/07/1990	252	35.5	
233	Thái Thị Hồng	25/07/1990	253	50.5	
234	Trương Thị Hồng	15/10/1988	254	69.5	
235	Vũ Thị Hồng	05/01/1994	255	34	
236	Nguyễn Thị Hợi	15/05/1995	256	51.5	
237	Hoàng Thị Huệ	28/05/1996	257	72	
238	Nguyễn Thị Huệ	16/06/2003	259	70	
239	Hoàng Thanh Huyền	05/06/1987	260	59	
240	Cao Thị Huyền	27/04/2003	261	70	
241	Đào Thị Huyền	30/03/1997	262	74	
242	Hồ Thị Hồng	19/06/2001	263	60	
243	Đào Thị Hoàng Huyền	24/07/2003	264	50	
244	Hoàng Thị Khánh Huyền	02/08/1998	265	44.5	
245	Nguyễn Thị Khánh Huyền	13/07/2003	266	74.5	
246	Mai Thị Huyền	08/04/2001	267	33	
247	Mai Thị Ngọc Huyền	14/02/2003	269	41.5	
248	Trần Thị Ngọc Huyền	18/11/2000	270	66	
249	Nguyễn Thị Huyền	25/09/1987	271	50.5	
250	Nguyễn Thị Huyền	10/10/1998	272	73.5	
251	Nguyễn Thị Huyền	11/11/1999	273	39	
252	Nguyễn Thị Huyền	15/12/2000	274	42	
253	Nguyễn Thị Huyền	09/06/2002	275	64	
254	Nguyễn Thị Huyền	02/11/2002	276	46.5	
255	Phan Thị Huyền	10/09/1999	277	48	
256	Phạm Thị Huyền	19/09/1996	278	64.5	
257	Phạm Thị Huyền	01/01/1998	279	51.5	
258	Đinh Thị Thanh Huyền	24/11/1999	280	37	
259	Lê Thị Thanh Huyền	15/02/1999	281	55	
260	Nguyễn Thị Thu Huyền	07/09/1983	282	52	
261	Xông Y Hòa	25/05/2002	284	71	
262	Bùi Thị Hương	14/09/2002	285	69.5	

28
28
28

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
263	Đào Thị Hương	17/02/1998	286	47.5	
264	Hà Thị Hương	14/12/1996	288	75	
265	Hồ Thị Hương	05/10/1997	289	82	
266	Hồ Thị Hương	28/07/1998	290	45.5	
267	Lê Thị Hương	10/06/1997	292	40	
268	Nguyễn Thị Hương	23/04/1996	293	30	
269	Nguyễn Thị Hương	26/03/1999	294	62	
270	Nguyễn Thị Hương	09/05/2000	295	76	
271	Nguyễn Thị Hương	16/12/2000	296	48.5	
272	Phan Thị Hương	19/09/1995	297	65.5	
273	Nguyễn Thị Thanh Hương	20/06/1995	298	76.5	
274	Nguyễn Thị Thanh Hương	16/10/2003	299	22	
275	Thái Thị Hương	02/01/1996	300	54	
276	Lê Thị Thu Hương	11/09/1996	301	69	
277	Đinh Thị Hương	07/10/2002	303	70	
278	Lê Thị Hương	05/01/2000	304	55	
279	Ngô Thị Hương	05/12/2003	305	48	
280	Nguyễn Thị Hương	07/12/1994	306	57.5	
281	Nguyễn Thị Hương	26/03/1996	307	44	
282	Phan Thị Hương	05/01/1991	308	83	
283	Nguyễn Thị Thúy Hương	20/04/1998	309	84	
284	Nguyễn Thị Hòa	25/06/2000	311	66.5	
285	Trần Thị Hòa	28/05/1993	312	70	
286	Nguyễn Thị Khánh	21/03/1998	313	71	
287	Nguyễn Thị Lệ Huyền	09/06/2003	314	78	
288	Nguyễn Thị Lam	02/08/1996	315	73	
289	Nguyễn Thị Thanh Lam	06/10/2003	316	41.5	
290	Nguyễn Thị Hồng Lan	15/06/1994	317	61	
291	Phan Thị Lan	16/10/1994	318	60.5	
292	Nguyễn Hải Lê	02/09/1992	319	81.5	
293	Đậu Thị Hà Lê	24/10/1994	320	80.5	
294	Chu Thị Hoài Lê	18/12/1989	321	82	
295	Ngô Thị Lê	15/07/2001	322	59.5	
296	Nguyễn Thị Lệ	04/05/1998	323	60.5	
297	Bùi Thị Liên	09/04/2003	324	65	
298	Lê Thị Liên	01/03/1993	325	79	
299	Nguyễn Thị Liên	26/04/1995	326	71.5	
300	Trần Thị Liên	13/08/1992	328	50	
301	Trần Thị Liên	14/05/1996	329	67	
302	Cao Thị Thanh Liễu	26/07/1994	330	79	
303	Nguyễn Diệu Linh	16/09/2003	331	89	
304	Nguyễn Diệu Linh	24/01/2004	332	50.5	
305	Trần Nguyễn Thảo Linh	14/06/2003	333	53.5	
306	Nguyễn Phương Linh	23/06/1999	334	70.5	
307	Đặng Thị Hoài Linh	15/02/2001	335	73.5	

26
206
B

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
308	Lương Thị Hoài Linh	29/04/1998	336	76.5	
309	Nguyễn Thị Mỹ Linh	03/12/1997	337	67	
310	Nguyễn Thị Mỹ Linh	03/11/1999	338	72.5	
311	Trần Thị Mỹ Linh	01/06/1997	339	80	
312	Nguyễn Thị Ngọc Linh	28/06/2000	340	84.5	
313	Nguyễn Thị Linh	30/06/1998	341	62	
314	Nguyễn Thị Linh	04/07/1998	342	60.5	
315	Phạm Thị Linh	19/10/1999	343	83.5	
316	Phạm Thị Quỳnh Linh	10/05/1998	344	53	
317	Nguyễn Thị Tài Linh	22/01/2000	345	59.5	
318	Thái Thị Linh	08/04/1997	346	73.5	
319	Ngô Thị Thuý Linh	02/06/1996	347	59	
320	Đình Thị Thùy Linh	22/12/1997	348	51.5	
321	Ngô Thị Thùy Linh	18/08/1999	349	50.5	
322	Nguyễn Thị Thùy Linh	16/04/1995	350	55.5	
323	Nguyễn Thị Thùy Linh	07/02/2000	351	74	
324	Nguyễn Thị Thùy Linh	10/01/2001	352	45	
325	Nguyễn Thị Thùy Linh	08/08/2003	353	35	
326	Trần Thị Thùy Linh	16/10/1999	354	69.5	
327	Hồ Thị Thúy Linh	26/04/2002	355	51	
328	Hồ Thùy Linh	10/10/1995	356	65.5	
329	Nguyễn Thùy Linh	07/09/2001	357	66.5	
330	Tăng Thị Khánh Loan	26/09/2004	359	70	
331	Tô Thị Loan	03/04/2001	360	81.5	
332	Nguyễn Thị Long	06/08/1994	361	64	
333	Võ Thị Lộc	23/11/1995	362	62.5	
334	Lê Thị Lương	08/04/1992	363	24.5	
335	Nguyễn Thị Lương	21/08/1994	364	43	
336	Trần Thị Lương	30/03/1999	365	62	
337	Hồ Thị Lượng	28/08/1988	366	62	
338	Trương Thị Huyền Ly	05/10/2004	367	34	
339	Nguyễn Thị Ly Ly	03/02/1996	368	40	
340	Trương Thị Mai Ly	11/07/2002	369	41	
341	Nguyễn Thị Ly	22/09/1999	370	23	
342	Hồ Thị Thảo Ly	10/03/1998	371	19	
343	Lê Thị Thảo Ly	20/06/1998	372	53	
344	Doãn Trà Ly	05/07/2000	373	66	
345	Lê Thị Lý	18/03/1993	374	60	
346	Nguyễn Thị Lý	08/02/1996	375	61	
347	Phan Thị Lý	13/08/1991	376	80	
348	Xeo Thị Lý	06/10/1998	377	52	
349	Bùi Thị Mai	08/06/1986	378	40	
350	Lê Thị Mai	06/09/2000	379	47	
351	Nguyễn Thị Ngọc Mai	02/09/1991	380	59	
352	Phạm Thị Ngọc Mai	12/09/2003	381	21	

OK
2/2/2005
P3

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
353	Nguyễn Thị Mai	20/01/1997	382	65	
354	Phan Thị Mai	17/06/1991	383	64	
355	Trương Thị Mai	10/11/1989	384	52	
356	Xông Ý Mai	21/01/2000	385	40	
357	Già Y Mại	05/01/1997	386	36	
358	Hoàng Thị Mến	08/12/1992	387	72	
359	Đàm Thị Minh	08/08/1989	388	63	
360	Nguyễn Thị Minh	21/10/1997	390	55	
361	Nguyễn Thị Thanh Minh	20/06/1999	391	76	
362	Vi Thị Thu Minh	14/04/2003	392	70	
363	Vũ Thị Minh	19/12/2003	393	69	
364	Cao Thị Mơ	15/08/1989	394	59	
365	Đặng Thị Mơ	12/10/1997	395	48	
366	Lưu Thị Mùi	24/09/2003	396	73	
367	Nguyễn Thị Hoài My	26/03/1998	397	66	
368	Dương Thị Mỹ	13/08/1997	398	60	
369	Đậu Thị Mỹ	06/01/1999	399	76	
370	Và Y Mỹ	10/04/1998	400	55	
371	Phạm Thị Mừng	15/07/1992	401	62	
372	Lê Na	20/11/1998	402	70	
373	Nguyễn Lê Na	08/05/2001	403	67	
374	Đặng Thị Na	15/10/1988	404	56	
375	Lê Thị Na	13/02/1995	405	79.5	
376	Lê Thị Nam	06/11/2000	406	66	
377	Nguyễn Thị Nam	06/01/1994	407	63	
378	Nguyễn Thị N Năm	16/11/1995	408	50	
379	Hoàng Thị Nga	02/03/1989	409	68	
380	Lê Thị Nga	25/08/1995	410	59	
381	Nguyễn Thị Nga	05/07/2000	411	71	
382	Hồ Thị Quỳnh Nga	14/03/2001	412	77	
383	Trần Thị Quỳnh Nga	01/10/2004	413	51	
384	Sầm Thị Nga	24/09/1995	414	67	
385	Trần Thị Nga	20/06/1999	415	72	
386	Vàng Thị Nga	16/10/1994	416	65	
387	Quang Kim Ngân	28/02/2002	417	65	
388	Đặng Thị Ngân	18/01/1992	418	70	
389	Nguyễn Thị Hiếu Ngân	11/08/2003	419	84	
390	Lê Thị Ngân	07/09/1994	420	79	
391	Nguyễn Thủy Ngân	05/08/2002	421	82.5	
392	Nguyễn Thị Nghĩa	28/03/2003	423	37	
393	Hoàng Minh Ngọc	16/02/2003	424	45.5	
394	Nguyễn Thị Bích Ngọc	03/02/1994	425	73.5	
395	Bùi Thị Ngọc	24/01/1999	426	64.5	
396	Hồ Thị Ngọc	16/03/1995	428	50.5	
397	Hồ Thị Ngọc	06/05/1997	429	59	

22/11/2008

(Handwritten signature)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
398	Lê Thị Ngọc	28/10/1997	430	57.5	
399	Lê Thị Ngọc	24/09/2003	431	67	
400	Võ Thị Mỹ Ngọc	18/11/2001	432	59	
401	Hà Thị N Ngọc	27/06/1992	433	62	
402	Ngô Thị N Ngọc	26/03/1997	434	54	
403	Trần Thị N Ngọc	12/01/1990	435	34	
404	Nguyễn Thị Ngọc	21/10/2003	436	51	
405	Trần Thị Ngọc	08/09/1992	437	80.5	
406	Từ Thị Ngọc	12/07/2000	438	69.5	
407	Phạm Thị Nguyên	12/07/2003	439	63	
408	Chu Minh Nguyệt	19/03/2003	440	53.5	
409	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	20/03/2003	441	56.5	
410	Hồ Thị Minh Nguyệt	25/10/1990	442	64	
411	Nguyễn Thị Nguyệt	15/10/1989	443	65.5	
412	Nguyễn Thị Nguyệt	24/03/1994	444	60.5	
413	Nguyễn Thị Nguyệt	13/06/1995	445	48	
414	Nguyễn Thị Nguyệt	19/05/1998	446	52	
415	Phạm Thị Nguyệt	02/08/1991	447	66	
416	Lê Thanh Nhân	06/07/2002	449	32	
417	Trần Thanh Nhân	21/04/1999	450	50.5	
418	Lê Thị Nhân	15/03/1992	451	52	
419	Phan Thị Thanh Nhân	16/08/1996	453	60	
420	Phan Thị Thanh Nhân	22/09/2000	454	74.5	
421	Hàn Thị Linh Nhân	25/04/2001	456	53.5	
422	Bùi Thị Hồng Nhân	20/04/1997	457	54.5	
423	Kha Thị Nhân	07/04/1995	458	77	
424	Nguyễn Hiền Nhi	22/06/2003	459	50.5	
425	Hà Quỳnh Nhi	26/08/2003	460	66	
426	Đình Thị Hoài Nhi	26/03/2003	461	54	
427	Bùi Thị Linh Nhi	23/02/2003	462	51	
428	Nguyễn Thị Nhi	03/02/1991	463	50.5	
429	Nguyễn Thị Nhi	10/10/2002	464	71	
430	Nguyễn Thị Yến Nhi	05/12/2003	465	50.5	
431	Phùng Thị Yến Nhi	07/01/2003	466	57	
432	Nguyễn Hồng Nhung	05/09/2000	467	51	
433	Đào Ngọc Nhung	17/07/1999	468	59.5	
434	Bùi Thị Nhung	29/03/2002	469	60.5	
435	Cao Thị Nhung	09/09/1996	470	58	
436	Lê Thị Cẩm Nhung	22/04/2002	471	54	
437	Ngô Thị Hồng Nhung	01/12/1997	472	44.5	
438	Nguyễn Thị Hồng Nhung	25/08/2002	473	64.5	
439	Lê Thị Nhung	13/08/2000	475	70	
440	Lưu Thị Nhung	12/02/1984	476	69.5	
441	Nguyễn Thị Nhung	07/01/2002	477	82	
442	Nguyễn Thị Nhung	27/01/2003	478	53.5	

ok ok
2/2/18

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
443	Nguyễn Thị Nhung	06/03/2003	479	44	
444	Phạm Thị Nhung	25/10/1999	480	74	
445	Trần Thị Nhung	06/04/1990	481	50	
446	Trần Thị Nhung	11/10/1997	482	34	
447	Trương Thị Nhung	26/05/2003	483	77.5	
448	Trần Hoàng Quỳnh Như	03/10/2001	484	47	
449	Hoàng Thị Như	13/07/2003	485	65	
450	Nguyễn Thị Quỳnh Như	17/12/2003	486	52.5	
451	Nguyễn Thị Quỳnh Như	28/10/2004	487	55	
452	Thái Thị Quỳnh Như	26/10/1996	488	70.5	
453	Trần Thị Quỳnh Như	24/09/2002	489	59	
454	Trần Thị Như	17/07/1994	490	40	
455	Nguyễn Thị Nụ	26/08/1998	491	53.5	
456	Lô Thị Nương	15/07/2000	492	56	
457	Hoàng Thị Oanh	12/03/1991	493	69	
458	Nguyễn Thị Kiều Oanh	08/06/1989	495	74	
459	Mạnh Thị Oanh	02/03/1999	496	69	
460	Ngô Thị Oanh	12/04/2003	497	53	
461	Nguyễn Thị Oanh	20/12/1992	499	41	
462	Nguyễn Thị Oanh	02/09/1996	500	69	
463	Nguyễn Thị Oanh	02/03/1997	501	53	
464	Phan Thị Oanh	22/10/1997	502	60	
465	Phạm Thị Oanh	20/09/1996	503	83	
466	Chu Thị Quỳnh Oanh	16/12/1996	504	82	
467	Trần Thị Oanh	18/09/1994	505	37.5	
468	Trần Thị Oanh	18/08/2001	506	67.5	
469	Nguyễn Thị Phúc	01/08/1992	507	33	
470	Lê Hà Phương	27/08/2003	508	23.5	
471	Hồ Mai Phương	26/03/1995	509	33.5	
472	Nguyễn Thị Hà Phương	02/01/2000	511	33.5	
473	Lê Thị Hoài Phương	06/09/2000	512	51	
474	Hoàng Thị Phương	14/10/2003	513	36	
475	Đặng Thị Hồng Phương	12/06/1993	514	52	
476	Lê Thị Phương	18/12/1998	515	29	
477	Lê Thị Phương	04/07/2001	516	63	
478	Lô Thị Phương	28/09/2001	517	32	
479	Hoàng Thị Mai Phương	16/11/2000	518	53	
480	Nguyễn Thị Phương	15/07/1990	519	38.5	
481	Nguyễn Thị Phương	10/09/1995	520	64	
482	Nguyễn Thị Phương	20/02/1997	521	38.5	
483	Nguyễn Thị Phương	11/03/1998	522	60.5	
484	Nguyễn Thị Phương	02/11/1999	523	53	
485	Nguyễn Thị Phương	11/11/2002	524	36.5	
486	Phạm Thị Phương	29/12/2000	525	35	
487	Nguyễn Thị Thu Phương	15/08/2003	526	18.5	

Handwritten signatures and initials in blue ink.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
488	Võ Thị Phương	19/09/1998	527	35	
489	Đặng Thị Phương	25/09/2003	528	24.5	
490	Mai Thị Phương	06/01/1997	529	38.5	
491	Nguyễn Thị Phương	22/10/1988	530	30.5	
492	Hoàng Thị Hy Quang	15/12/2002	532	55	
493	Phùng Phương Quy	10/12/1995	533	36.5	
494	Nguyễn Thị Mai Quy	26/03/1986	534	53.5	
495	Phan Thị Quyên	02/02/2001	535	55.5	
496	Trương Thị Quyên	24/06/1998	536	51	
497	Nguyễn Anh Quyên	19/05/1982	537	58	
498	Vi Thị Bích Quỳnh	27/02/2001	538	52.5	
499	Chu Thị Quỳnh	26/07/1999	539	67.5	
500	Đặng Thị Quỳnh	30/06/1999	540	66	
501	Lê Thị Quỳnh	19/10/2003	541	55	
502	Nguyễn Thị Quỳnh	20/07/1998	543	76.5	
503	Nguyễn Thị Như Quỳnh	10/12/1995	544	68	
504	Nguyễn Thị Như Quỳnh	16/05/2001	545	60	
505	Trần Thị Như Quỳnh	26/09/2003	546	59	
506	Phan Thị Quỳnh	02/11/1997	547	65.5	
507	Trần Thị Q Quỳnh	01/12/2003	548	15.5	
508	Thái Thị Quỳnh	28/09/2003	549	51.5	
509	Hồ Thị Xuân Quỳnh	10/02/1998	550	78	
510	Đương Thị Quý	16/02/1993	551	71.5	
511	Lê Thị Quý	03/09/2003	552	79.5	
512	Nguyễn Thị Quý	20/07/1996	553	76	
513	Ngô Thị Sao	09/08/1989	554	60.5	
514	Vừ Y Sao	18/10/1998	555	35.5	
515	Trần Thị Sáng	06/06/1988	556	67	
516	Trần Thị Sáu	20/07/1988	557	30.5	
517	Lê Thị Ngọc Sâm	21/11/1993	558	76	
518	Cao Thị Sen	20/06/1993	559	63	
519	Cao Thị Sen	30/03/2000	560	62	
520	Bùi Thị Siêu	27/12/1998	561	61	
521	Trần Thị Sơn	26/08/1997	563	46	
522	Đặng Thị Sương	10/08/1992	564	52	
523	Nguyễn Thị Nguyệt Sương	23/05/1997	565	47.5	
524	Trương Thị Sương	24/10/2001	567	52	
525	Ngô Thị Tuyết Sương	12/09/1999	568	60.5	
526	Võ Thị Tài	18/05/1993	569	35	
527	Hoàng Thị Tâm	10/10/1993	570	50	
528	Nguyễn Thị Tâm	08/12/1986	571	38	
529	Nguyễn Thị Tâm	22/12/1994	572	53	
530	Nguyễn Thị Tâm	03/02/1995	573	58	
531	Phạm Thị Tâm	02/05/2003	574	54	
532	Quách Thị Tâm	08/09/2003	575	33	

at
2/2/05
Bz

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
533	Nguyễn Thị Thanh Tâm	12/07/1997	577	61	
534	Lâu Y Tâm	25/12/2003	578	54.5	
535	Cao Thị Thanh	01/06/1998	579	47	
536	Đặng Thị Hoài Thanh	01/02/1995	580	40.5	
537	Lê Thị Thanh	09/09/1991	581	69.5	
538	Nguyễn Thị Thanh	25/12/1992	582	52.5	
539	Nguyễn Thị Thanh	01/02/1997	583	67.5	
540	Lê Thị Thanh	24/10/1994	584	71	
541	Đinh Võ Phương Thanh	04/04/2003	585	62	
542	Nguyễn Thị Kim Thành	06/11/2001	586	66	
543	Nguyễn Thị Thành	13/12/1997	587	81	
544	Nguyễn Thị Thành	17/01/2000	588	63	
545	Cao Phương Thảo	10/07/1994	589	63	
546	Phạm Phương Thảo	13/04/1995	591	56	
547	Nguyễn Thị Bích Thảo	19/08/2001	592	72.5	
548	Cao Thị Thảo	02/03/2001	593	41.5	
549	Hồ Thị Thảo	01/11/1997	594	55.5	
550	Hồ Thị Thảo	25/05/1998	595	55	
551	Hồ Thị Thảo	27/08/2002	596	34	
552	Nguyễn Thị Thảo	25/12/2000	597	64	
553	Nguyễn Thị Thảo	18/03/2002	598	69.5	
554	Nguyễn Thị Thảo	26/05/2003	600	73.5	
555	Nguyễn Thị Thảo	27/05/2003	601	79.5	
556	Nguyễn Thị Thảo	04/10/2003	602	60	
557	Hồ Thị Phương Thảo	09/02/2003	603	80	
558	Lê Thị Phương Thảo	25/09/2000	604	56	
559	Lê Thị Phương Thảo	17/11/2002	605	60.5	
560	Nguyễn Thị Thu Thảo	08/02/1994	606	51	
561	Nguyễn Thị Thu Thảo	06/01/2002	607	70.5	
562	Trần Thị Thảo	28/04/2002	609	66	
563	Trương Thị Thảo	01/02/2000	610	53	
564	Võ Thị Thái	26/09/1994	611	76	
565	Hoàng Thị Thắm	06/11/1996	612	66	
566	Lê Thị Thắm	12/10/1984	613	51	
567	Nguyễn Thị Lệ Thắm	07/02/1997	614	79.5	
568	Nguyễn Thị Thắm	25/10/1989	615	54.5	
569	Nguyễn Thị Thắm	15/12/1997	616	80.5	
570	Lộc Thị Thắm	12/03/1998	617	55.5	
571	Trần Thị Thắm	20/04/1994	618	60.5	
572	Nguyễn Thị Thắng	11/05/2000	619	66.5	
573	Nguyễn Thị Thân	02/02/1992	620	57	
574	Phan Thị Thân	02/12/1993	621	62.5	
575	Hoàng Thị Thi	06/02/1989	622	48.5	
576	Nguyễn Thị Phương Thi	18/01/2001	623	61.5	
577	Cao Thị Thoa	02/10/2001	624	55.5	

3/12/2005
13

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
578	Đặng Thị Thoa	24/02/1993	625	42.5	
579	Hoàng Thị Thoa	11/09/1992	626	34.5	
580	Lang Thị Kim Thoa	03/05/1998	627	61.5	
581	Nguyễn Thị Thơ	12/09/1992	629	54.5	
582	Hồ Thị Quỳnh Thơ	04/04/2002	630	50.5	
583	Võ Thị Thơ	20/10/1985	631	61	
584	Nguyễn Thị Kim Thơm	22/05/1999	633	54.5	
585	Lê Thị Thơm	16/02/1999	634	58	
586	Nguyễn Thị Thơm	09/01/1991	635	75.5	
587	Vũ Thị Thơm	16/06/1994	636	52	
588	Nguyễn Thị Bích Thu	10/03/1995	637	65	
589	Nguyễn Thị Hoài Thu	09/05/1998	638	42.5	
590	Nguyễn Thị Thu	14/06/1993	639	66	
591	Nguyễn Thị Thu	02/10/1994	640	71.5	
592	Nguyễn Thị Thu	20/03/1995	641	73	
593	Trần Thị Thu	25/10/1992	642	67.5	
594	Trương Thị Thu	24/06/1996	643	57.5	
595	Vũ Thị Thuận	11/05/1997	645	71	
596	Phạm Thị Ngọc Thủy	30/05/2004	646	53	
597	Tơ Ngô Thủy	02/09/2000	647	70	
598	Nguyễn Thị Thu Thủy	19/10/2001	648	55	
599	Võ Thị Thủy	12/06/2003	649	83	
600	Nguyễn Thị Minh Thủy	09/03/2003	650	62	
601	Bùi Thị Thùy	17/09/1999	651	59	
602	Trần Thị Thùy	20/08/1995	652	74	
603	Cao Thị Thủy	08/09/2003	653	68.5	
604	Chu Thị Thủy	08/11/2002	654	52	
605	Hồ Thị Thủy	21/07/1998	655	55.5	
606	Nguyễn Thị Thủy	06/10/1984	656	50.5	
607	Nguyễn Thị Thủy	07/03/1993	657	41	
608	Nguyễn Thị Thủy	08/10/1993	658	84	
609	Nguyễn Thị Thủy	15/01/1996	659	52.5	
610	Nguyễn Thị Thủy	09/01/2001	660	80.5	
611	Cao Thị Thúy	27/01/2003	662	85.5	
612	Phạm Thị Ngọc Thúy	30/05/2004	663	56	
613	Nguyễn Thị Thúy	22/02/1989	665	71	
614	Nguyễn Thị Thúy	20/09/1996	666	67.5	
615	Phạm Thị Thúy	18/01/1997	668	76	
616	Phạm Thị Thúy	10/05/1997	669	84	
617	Lưu Thị Anh Thư	19/02/2001	672	81.5	
618	Trần Thị Vân Thư	06/10/1999	673	69.5	
619	Nguyễn Huyền Thương	02/09/1997	674	8	Bị xử lý cảnh cáo do vi phạm quy chế
620	Châu Thị Thương	05/09/2000	675	17.5	

aly
Thư
P3

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
621	Lương Thị Hoài Thương	04/06/1996	676	72	
622	Ngũ Thị Hoài Thương	02/06/2003	677	45.5	
623	Phan Thị Hoài Thương	21/01/2003	678	48	
624	Hoàng Thị Thương	20/03/1995	679	34	
625	Lê Thị Thương	20/10/2000	680	22.5	
626	Lê Thị Thương	01/08/2002	681	56.5	
627	Lương Thị Thương	08/07/2000	682	33	
628	Lê Thị Minh Thương	04/09/2001	683	57.5	
629	Phan Thị Thương	11/11/1998	684	41.5	
630	Nguyễn Thị Sông Thương	01/05/2002	685	77.5	
631	Trần Thị Thương	10/10/1997	686	59.5	
632	Kha Thị Cẩm Tiên	05/10/2002	687	67.5	
633	Đặng Thị Thủy Tiên	12/01/2001	688	51	
634	Cao Thị Tiến	20/10/1992	689	83	
635	Hồ Thị Tiến	04/08/1998	690	76	
636	Vi Thị Hồng Tiến	10/02/1999	691	82.5	
637	Nguyễn Thị Chung Tình	09/01/1999	693	80.5	
638	Đặng Thị Tình	02/07/1999	694	46	
639	Lê Thị Toàn	10/02/1994	695	76.5	
640	Rơ Chăm Hờ Tô	10/10/1996	696	55	
641	Đậu Hải Trang	08/10/1997	697	62.5	
642	Bùi Quỳnh Trang	25/05/2001	699	37	
643	Nguyễn Quỳnh Trang	18/08/2003	700	70.5	
644	Hà Thị Trang	26/03/2002	701	68	
645	Hoàng Thị Trang	15/06/1991	702	85	
646	Bùi Thị Huyền Trang	18/11/2003	703	53	
647	Đậu Thị Huyền Trang	03/10/2002	704	66	
648	Lữ Thị Huyền Trang	07/12/2001	705	40	
649	Nguyễn Thị Huyền Trang	03/01/1995	706	61.5	
650	Nguyễn Thị Huyền Trang	22/06/1998	707	52.5	
651	Nguyễn Thị Huyền Trang	22/10/2001	708	33	
652	Phạm Thị Huyền Trang	21/02/1998	709	78	
653	Trần Thị Huyền Trang	16/04/1999	710	45.5	
654	Lê Thị Trang	03/03/1991	712	69.5	
655	Lê Thị Trang	02/06/1994	713	65.5	
656	Nguyễn Thị Linh Trang	28/02/1998	714	39.5	
657	Nguyễn Thị Trang	29/09/1996	715	57	
658	Nguyễn Thị Trang	03/01/1998	716	61	
659	Nguyễn Thị Trang	04/04/1998	717	53	
660	Lê Thị Quỳnh Trang	30/07/1996	718	79.5	
661	Phan Thị Quỳnh Trang	08/10/1997	719	79	
662	Phan Thị Quỳnh Trang	23/12/2002	720	25.5	
663	Võ Thị Quỳnh Trang	10/04/1998	721	61	
664	Thái Thị Trang	10/06/1995	722	38	
665	Hoàng Thị Thu Trang	25/04/2000	723	71.5	

2/11/2003
B

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
666	Phạm Thị Thu Trang	11/11/1995	724	54.5	
667	Lê Thị Thùy Trang	29/05/1992	725	38	
668	Lê Thị Thùy Trang	20/11/2000	726	50	
669	Trần Thị Trang	05/05/2001	727	67	
670	Trần Thị Trang	28/12/2001	728	80	
671	Từ Thị Trang	08/04/1996	729	89	
672	Cao Thị Trà	11/04/2003	730	61	
673	Nguyễn Thị Trà	19/01/1996	731	61	
674	Vũ Thị Phương Trà	13/11/1997	732	52	
675	Nguyễn Thị Thanh Trà	30/06/1994	733	81.5	
676	Nguyễn Thị Thanh Trà	27/03/2002	734	72	
677	Trần Thị Thanh Trà	02/08/2001	735	41	
678	Nguyễn Thị Thu Trà	22/05/2002	736	52	
679	Trần Thị Trà	26/10/1999	737	81	
680	Văn Thị Trà	20/10/1989	738	79.5	
681	Đinh Thị Trâm	02/12/1996	739	76	
682	Lê Thị Trâm	08/08/1993	740	57	
683	Lê Thị Trâm	12/01/2002	741	76	
684	Dương Thị Ngọc Trâm	12/04/1997	742	62	
685	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	12/03/1995	743	73.5	
686	Phùng Thị Ngọc Trâm	27/09/2002	744	81	
687	Nguyễn Thị Trâm	25/11/1999	745	73	
688	Nguyễn Thị Kiều Trinh	04/02/2002	746	66.5	
689	Nguyễn Thị Trinh	01/10/2003	747	59	
690	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	23/01/2003	749	74.5	
691	Đặng Thị Minh Trúc	19/07/2003	750	67	
692	Đào Thị Trúc	01/01/1995	751	84.5	
693	Phạm Thị Tuấn	25/11/1984	752	52	
694	Trần Thị Ánh Tuyên	17/12/2002	753	72	
695	Thái Thị Kim Tuyên	01/07/1994	754	61.5	
696	Nguyễn Thị Tuyết	29/04/2003	755	82	
697	Phan Thị Tuyết	25/02/1995	756	39.5	
698	Cao Thị Tú	11/03/2000	759	74	
699	Nguyễn Thị Cẩm Tú	23/05/2003	760	74	
700	Nguyễn Thị Ngọc Tú	23/02/1995	761	45	
701	Nguyễn Thị Tú	05/03/1997	762	65.5	
702	Thái Thị Tư	18/06/1994	763	49	
703	Võ Thị Tư	20/05/1996	764	73	
704	Nguyễn Thị Tương	09/07/1996	765	64.5	
705	Nguyễn Thị Kim Uyên	01/10/2003	766	66	
706	Trần Thị Linh Uyên	04/03/2003	767	67	
707	Nguyễn Thị Thu Uyên	01/10/1999	768	44	
708	Võ Thị Uyên	04/10/2000	769	57.5	
709	Trần Khánh Vân	08/03/2003	770	69	
710	Hồ Thanh Vân	15/03/1997	771	57.5	

26/05/13

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
711	Bùi Thị Vân	11/08/2003	772	75	
712	Cao Thị Vân	18/02/1996	773	79.5	
713	Chu Thị Vân	06/08/1995	774	53.5	
714	Hoàng Thị Vân	13/10/1993	775	76	
715	Hoàng Thị Vân	12/06/1996	776	64	
716	Mai Thị Vân	27/07/1993	777	61.5	
717	Nguyễn Thị Vân	09/02/1985	778	52	
718	Nguyễn Thị Vân	20/07/1992	779	67	
719	Nguyễn Thị Vân	09/05/2003	780	66.5	
720	Nguyễn Thị Vân	13/10/2003	781	41.5	
721	Nguyễn Thị Thảo Vân	12/06/2003	782	67	
722	Đào Thị Thúy Vân	26/08/1991	783	55	
723	Trần Thị Vân	10/10/1998	784	58	
724	Võ Thị Vân	06/01/1990	785	42.5	
725	Lô Thị Kiều Vi	26/03/2004	787	26	
726	Nguyễn Thị Vinh	01/10/2003	789	59.5	
727	Thái Thị Vinh	28/10/1989	790	54	
728	Trần Thị Vinh	20/10/1992	791	44	
729	Trần Thị Vinh	05/07/1998	792	61	
730	Lương Thị Khánh Vy	20/08/2003	793	58.5	
731	Thái Thị Hồng Xiêm	07/01/2003	794	54	
732	Nguyễn Thị Xinh	20/11/2003	795	48	
733	Và Ý Xông	19/12/2002	796	68.5	
734	Lê Thị Xuân	21/11/1993	797	31.5	
735	Mai Thị Xuân	02/12/1994	798	50	
736	Phạm Thị Mỹ Xuân	14/02/1995	799	75	
737	Bùi Thị Thanh Xuân	01/08/1998	800	57	
738	Nguyễn Thị Thanh Xuân	17/07/2001	801	72.5	
739	Thái Thị Thanh Xuân	23/02/2000	802	67	
740	Trương Thị Xuân	20/10/1990	803	77	
741	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên	08/05/2003	804	73	
742	Nguyễn Thị Xuyên	12/06/2003	805	48.5	
743	Lê Hoàng Yên	10/12/1984	807	35.5	
744	Lê Thị Hải Yên	27/06/1995	808	66.5	
745	Nguyễn Thị Hải Yên	20/05/1995	809	64	
746	Nguyễn Thị Hải Yên	15/08/1995	810	76	
747	Trần Thị Hải Yên	29/05/2001	811	45.5	
748	Dương Thị Hoàng Y Yên	26/10/1996	812	58.5	
749	Hồ Thị Yên	24/07/2001	813	51.5	
750	Lê Thị Yên	20/02/2002	814	32.5	
751	Phạm Thị Yên	28/06/1991	816	45	
752	Vũ Thị Yên	14/05/1989	817	60.5	
753	Phạm Thị Y Yên	08/01/1995	818	53	
754	Cung Tiểu Yên	01/03/1999	819	60.5	
755	Nguyễn Thị An	05/11/2003	820	58	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
756	Phạm Hồng Anh	05/11/2003	821	58	
757	Lê Thị Huyền Anh	24/09/2003	822	64	
758	Lô Thị Lan Anh	24/08/1996	823	45.5	
759	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	07/12/1999	824	45	
760	Hồ Ngọc Ánh	04/11/2003	825	45	
761	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	30/10/2003	826	67	
762	Hồ Thị Thanh Bình	13/03/2003	827	71	
763	Trần Thị Ngọc Bích	04/09/2002	828	55	
764	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	07/10/2002	829	51	
765	Trần Khánh Chi	16/05/2002	830	68	
766	Hồ Phương Chi	02/04/2003	831	74	
767	Nguyễn Phương Chi	23/09/2003	832	56.5	
768	Lê Thị Khánh Chi	22/12/2003	833	94.5	
769	Phạm Thị Kim Chi	27/11/2000	834	73	
770	Vy Thị Hồng Dịu	01/12/2001	835	50.5	
771	Vũ Xuân Dịu	25/06/2002	836	72.5	
772	Dương Bảo Dung	07/02/2001	837	42.5	
773	Lăng Thị Mai Dung	05/09/2000	838	57.5	
774	Trần Thị Dung	01/08/2003	839	60.5	
775	Phan Trần Phương Dung	18/12/2003	840	59	
776	Lê Nguyễn Bảo Duy	04/03/2003	841	33.5	
777	Hồ Thị Hà Giang	15/03/2003	842	83.5	
778	Trịnh Thị Giang	07/08/2003	843	59.5	
779	Hồ Thị Hà	15/03/1996	844	70	
780	Phạm Thị Thái Hà	17/12/1999	845	47	
781	Trần Minh Hằng	14/04/2003	846	52	
782	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	23/12/2003	847	80	
783	Nguyễn Minh Hiền	11/11/2003	848	45.5	
784	Hoàng Thị Hiệp	01/06/2003	849	62	
785	Nguyễn Thị Hồng	10/10/2003	850	37	
786	Hoàng Văn Hợi	12/08/1983	851	46	
787	Vũ Trần Gia Huy	04/07/2003	852	53	
788	Võ Khánh Huyền	12/11/2003	853	54	
789	Hoàng Thị Huyền	31/10/2003	854	50	
790	Hồ Thị Huyền	20/07/2001	855	65	
791	Lô Thị Huyền	25/05/2003	856	51.5	
792	Đặng Thống Hưng	07/08/2003	857	45.5	
793	Phan Thị Khánh Hòa	02/10/2002	859	61	
794	Vi Thị Hòa	10/08/2001	860	47	
795	Trần Thị Tùng Lâm	13/10/1997	862	59	
796	Lê Thị Liệu	08/11/2003	863	63	
797	Hoàng Khánh Linh	06/08/2002	864	62	
798	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	14/04/2003	865	50	
799	Kiều Phương Linh	10/12/2003	866	69	
800	Vương Thị Khánh Linh	14/02/2003	867	67	

26/12/03 B3

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
801	Nguyễn Thị Nhật Linh	31/07/2003	868	53	
802	Phan Thị Thảo Linh	22/12/2001	869	54	
803	Nguyễn Thị Thùy Linh	17/02/2000	870	72	
804	Nguyễn Thị Thùy Linh	01/06/2003	871	69	
805	Nguyễn Thị Thùy Linh	29/08/2003	872	66	
806	Nguyễn Thị Cẩm Ly	15/07/2003	873	65	
807	Nguyễn Thị Khánh Ly	18/10/2003	874	70	
808	Võ Thị Khánh Ly	29/07/2003	875	57	
809	Phạm Thị Ngọc Mai	06/10/2003	877	70	
810	Hoàng Thị Trà My	11/11/2002	879	51	
811	Nguyễn Thị Trà My	23/12/2001	880	79	
812	Nguyễn Thị Trà My	01/06/2003	881	60	
813	Lê Thị Thúy Nga	23/05/2003	882	35	
814	Trịnh Thanh Nga	25/12/2003	883	85	
815	Võ Kim Ngân	28/06/2002	884	70	
816	Đặng Thảo Ngân	30/10/2002	885	76	
817	Lê Thị Kim Ngân	18/06/1999	886	68	
818	Nguyễn Bích Ngọc	09/09/2003	887	77	
819	Nguyễn Bích Ngọc	18/10/2003	888	54	
820	Thái Bích Ngọc	21/05/1999	889	60	
821	Lê Thị Bích Ngọc	20/02/2000	890	32	
822	Hồ Thị Như Ngọc	19/11/2003	891	52	
823	Thái Thị Ngọc	20/07/1996	892	53	
824	Nguyễn Bình Nguyên	24/02/2002	893	43	
825	Phan Thị Thanh Nhân	16/09/2003	894	78	
826	Phùng Thế Nhân	08/11/2001	895	72	
827	Phan Hà Nhi	17/09/2002	896	62.5	
828	Đặng Phương Nhi	20/10/2003	897	58	
829	Nguyễn Thị Bình Nhi	21/12/2003	898	72	
830	Nguyễn Tiểu Nhi	12/10/2003	899	45	
831	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01/07/2003	900	70	
832	Vũ Thị Hồng Nhung	04/03/2003	901	51	
833	Nguyễn Thị Nhung	18/02/2002	902	61	
834	Vương Thị Phương Nhung	16/09/2003	903	64	
835	Nguyễn Thị Ngọc Như	07/11/2001	904	77	
836	Trần Lê Quỳnh Nữ	25/04/2002	905	74	
837	Nguyễn Thị Kiều Oanh	03/02/2001	906	68	
838	Hoàng Thị Xuân Oanh	12/11/2003	907	81	
839	Tô Quỳnh Phương	10/01/2003	908	67	
840	Mai Thanh Phương	20/04/2002	909	71	
841	Ngô Thị Phương	10/10/1990	910	61	
842	Từ Thị Tú Phương	26/02/2003	911	58	
843	Nguyễn Xuân Minh Phương	10/09/1999	912	80	
844	Đặng Thị Ngọc Quế	25/06/2002	913	51	
845	Phạm Thị Lệ Quyên	14/04/2000	914	60	

Handwritten signatures and initials in blue ink.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
846	Lô Tú Quyên	17/06/2003	915	74	
847	Lưu Thị Quỳnh	05/05/2002	916	70	
848	Nguyễn Thị Như Quỳnh	16/11/2003	917	72	
849	Nguyễn Thị Vân Quỳnh	02/05/2003	918	76	
850	Đào Ngọc Quý	05/07/1985	919	45	
851	Hồ Thị Sang	25/06/1997	920	76	
852	Nguyễn Thị Hồng Sương	28/04/2003	921	61	
853	Biện Thị Thanh Tâm	10/01/2002	922	69	
854	Nguyễn Hà Thanh	03/02/2003	923	70	
855	Trần Thị Hoài Thanh	27/06/1990	924	78	
856	Nguyễn Phương Thảo	18/10/2002	925	63	
857	Hoàng Thị Phương Thảo	02/02/2002	926	58	
858	Bùi Thị Thơm	25/08/2000	927	54	
859	Lương Thị Thuý	12/12/2000	928	74	
860	Trần Thị Ngọc Thủy	08/01/2002	929	67	
861	Hoàng Thị Thanh Thủy	25/03/2000	930	67	
862	Trần Thị Diệu Thúy	18/02/2001	931	71	
863	Nguyễn Thị Thúy	11/07/1992	932	58	
864	Từ Thị Phương Thúy	26/10/2003	933	80	
865	Nguyễn Thị Thanh Thúy	29/09/2003	934	78	
866	Nguyễn Hà Trang	01/12/2001	935	60	
867	Nguyễn Quỳnh Trang	10/08/2003	936	90	
868	Trịnh Quỳnh Trang	27/03/2003	937	82	
869	Nguyễn Thị Trang	05/04/2003	938	90	
870	Bùi Thị Quỳnh Trang	16/08/2001	939	73	
871	Lê Thị Mai Trúc	04/08/2003	941	64	
872	Phạm Tú Uyên	27/11/2003	942	51	
873	Hoàng Thị Thảo Vân	05/10/2001	943	41	
874	Nguyễn Hoàng Yến Vy	26/10/2003	944	72	
875	Kha Lý Vi	25/11/2003	945	38	
876	Nguyễn Đặng Trà Vy	04/12/2003	946	51	
877	Mai Thảo Vy	07/04/2003	947	62	
878	Đặng Thị Hải Yến	12/01/2002	948	77	
879	Chu Thị Châu Anh	10/08/2002	949	59.5	
880	Bùi Thị Ngọc Anh	23/10/2001	950	64.5	
881	Hồ Thị Ngọc Anh	06/06/2001	951	51	
882	Trần Thị Ngọc Anh	26/11/2003	952	45.5	
883	Thái Thị Quế Anh	17/09/2000	953	57	
884	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	23/06/2000	954	82.5	
885	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	17/06/2002	955	71	
886	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	19/08/2002	956	61.5	
887	Nguyễn Thị Tú Anh	18/07/2003	957	57	
888	Trần Thị Tú Anh	25/04/1999	958	59.5	
889	Ngô Thị Vân Anh	28/10/2001	959	65.5	
890	Nguyễn Thục Anh	12/11/1997	960	71	

al
12/04/13

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
891	Nguyễn Lê Ngọc Ánh	12/07/2003	961	69.5	
892	Nguyễn Ngọc Ánh	13/08/2003	962	42.5	
893	Ngô Thị Ngọc Ánh	04/03/2003	963	50	
894	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/05/1999	964	71.5	
895	Lô Thị Cánh	13/07/1996	965	51.5	
896	Bùi Thị Hà Châu	06/09/2003	966	56	
897	Hoàng Thị Châu	12/05/1994	967	73.5	
898	Trương Thị Quỳnh Châu	02/09/2001	968	38.5	
899	Nguyễn Hà Kim Chi	09/08/2003	969	52.5	
900	Tạ Hồng Linh Chi	14/04/2002	970	63	
901	Lê Thị Quỳnh Chi	01/01/2003	971	59.5	
902	Trần Thị Diễm	07/09/2002	975	64.5	
903	Cao Thị Dung	01/09/1994	977	51	
904	Phan Thị Thùy Dung	02/08/2003	979	51	
905	Hoàng Thị Mỹ Duyên	20/10/1996	980	74.5	
906	Lưu Thị Thùy Dương	01/02/2001	981	59	
907	Viên Hoàng Giang	03/11/1999	983	69	
908	Hoàng Thị Giang	02/07/2003	984	63.5	
909	Phan Thị Giang	21/12/2003	985	60	
910	Võ Thị Giang	12/04/2001	986	54	
911	Kha Thị Diệu Hà	27/09/2003	987	74.5	
912	Nguyễn Thị Ngân Hà	06/02/2001	988	60	
913	Nguyễn Thị Hà	22/01/2002	989	66	
914	Nguyễn Thị Nguyệt Hà	16/01/2003	990	51	
915	Cao Thị Việt Hà	12/04/1985	991	55	
916	Nguyễn Việt Hà	15/12/2003	992	65.5	
917	Hồ Thị Hành	22/01/2002	993	85.5	
918	Trần Mai Hạnh	19/10/2003	994	42	
919	Nguyễn Thị Thúy Hằng	11/07/2003	995	83	
920	Tăng Thị Thúy Hằng	05/08/2003	996	67	
921	Nguyễn Thúy Hằng	27/07/2003	997	83	
922	Nguyễn Thị Thảo Hiền	15/09/2002	998	54	
923	Thái Thị Hiền	10/05/2002	999	50	
924	Hà Thị Thu Hiền	30/10/2003	1000	50.5	
925	Nguyễn Phương Hiếu	01/10/2003	1001	74	
926	Vũ Phương Hoa	14/10/1998	1002	51	
927	Đinh Thị Hoa	06/12/1982	1003	69	
928	Nguyễn Thị Thanh Hoài	02/09/1999	1004	85.5	
929	Trần Thị Hoài	29/03/1997	1005	66	
930	Nguyễn Thị Bích Hồng	10/06/1992	1006	72	
931	Lô Thị Hồng	11/08/1997	1007	56	
932	Hoàng Thị Ngọc Huệ	27/08/1997	1008	83	
933	Nguyễn Thị Khánh Huyền	15/08/2001	1009	81	
934	Nguyễn Thị Khánh Huyền	09/09/2002	1010	72.5	
935	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/05/2001	1011	59	

Handwritten signatures and initials in blue ink.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
936	Nguyễn Thị Huyền	03/02/2001	1012	57	
937	Bùi Thị Thu Huyền	12/04/1993	1013	67	
938	Nguyễn Thị Lan Hương	18/06/1978	1015	82.5	
939	Phạm Thị Hương	10/03/1994	1016	83	
940	Lô Thị Quỳnh Hương	17/07/2003	1017	71	
941	Đoàn Thanh Hương	01/06/1990	1018	61	
942	Nguyễn Thị Thu Hương	15/04/2002	1019	70	
943	Đặng Thị Khuê	03/02/2003	1020	86	
944	Phạm Thị Lai	05/01/2000	1021	70	
945	Bùi Phạm Ngọc Lam	26/03/2003	1022	84.5	
946	Kha Thị Lá	18/05/2000	1023	68	
947	Đoàn Thị Liệt	16/06/1991	1024	72	
948	Văn Thị Liệu	10/01/2002	1025	68	
949	Nguyễn Khánh Linh	22/02/2002	1026	79	
950	Nguyễn Khánh Linh	05/09/2003	1027	72	
951	Trần Khánh Linh	02/01/2000	1028	65	
952	Trần Nguyễn Khánh Linh	28/06/2001	1029	68	
953	Nguyễn Phạm Phương Linh	25/04/2002	1030	46	
954	Cao Phương Linh	07/11/2003	1031	61.5	
955	Vũ Phương Linh	31/10/2003	1032	71	
956	Hồ Thị Linh	22/09/2002	1033	50.5	
957	Hà Thị Khánh Linh	22/10/2003	1034	40	
958	Nguyễn Thị Khánh Linh	12/11/2003	1035	74.5	
959	Lê Thị Linh	27/07/2000	1036	88	
960	Trần Thị Nga Linh	25/08/2003	1037	62.5	
961	Võ Thị Phương Linh	30/10/2003	1038	81	
962	Nguyễn Thị Thùy Linh	03/07/1992	1039	42	
963	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/10/2003	1040	59.5	
964	Thái Thị Thùy Linh	25/04/2002	1041	56.5	
965	Nguyễn Thùy Linh	01/01/2000	1042	63.5	
966	Hồ Bích Loan	16/08/2003	1043	44	
967	Trần Thị Lợi	30/03/2003	1044	65	
968	Phạm Thị Khánh Ly	28/09/2001	1045	50.5	
969	Hồ Thị Lý	30/05/1998	1046	63	
970	Nguyễn Nữ Xuân Mai	03/11/2002	1047	73.5	
971	Trần Đức Mạnh	04/12/2003	1048	44	
972	Phan Thị Minh	20/10/1992	1049	54	
973	Bùi Hoàng Trà My	17/07/2002	1050	50.5	
974	Lê Huyền My	06/03/2002	1051	60	
975	Hoàng Thị Trà My	21/09/2003	1052	50.5	
976	Lê Thiên Nga	11/02/2002	1053	64	
977	Cao Thị Hằng Nga	06/10/2001	1054	63.5	
978	Nguyễn Huệ Ngân	22/01/1999	1055	63.5	
979	Nguyễn Thị Kim Ngân	17/12/2003	1056	39	
980	Trịnh Đoàn Bảo Ngọc	17/10/2001	1057	59	

26/05/13

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
981	Hồ Thị Bích Ngọc	27/02/2003	1058	77	
982	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	02/10/1997	1059	56.5	
983	Trần Hoàng Nhi	02/07/2001	1060	64	
984	Cao Thị Lan Nhi	20/10/1999	1061	65	
985	Nguyễn Thị Yến Nhi	21/11/2000	1062	70.5	
986	Trần Yến Nhi	16/12/2003	1063	53	
987	Nguyễn Thị Nhuận	27/10/2001	1064	68	
988	Trần Thị Hồng Nhung	12/10/2002	1065	46	
989	Nguyễn Thị Nhung	15/03/2001	1066	55	
990	Nguyễn Thị Nhung	08/01/2003	1067	35.5	
991	Lê Thị Như	07/09/2001	1068	63	
992	Nguyễn Nhi Nữ	02/08/2003	1069	44	
993	Lê Kiều Oanh	27/03/2003	1070	68	
994	Đặng Hà Phương	23/10/2003	1071	72.5	
995	Nguyễn Thị Hoài Phương	26/09/1997	1072	77	
996	Nguyễn Thị Phượng	17/06/1987	1073	52.5	
997	Nguyễn Thị Phượng	01/01/2003	1074	57	
998	Bạch Thị Quỳnh	28/03/1995	1075	30	
999	Bùi Thị Quỳnh	01/04/1995	1076	69	
1000	Trần Thị Diễm Quỳnh	28/01/2002	1077	40	
1001	Phạm Thị Quỳnh	06/09/1992	1078	51	
1002	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	23/03/2003	1079	43	
1003	Trương Thị Hồng Quý	16/07/1984	1080	63	
1004	Nguyễn Thị Sinh	05/04/2001	1081	42	
1005	Nguyễn Thị Tâm	06/09/1993	1082	51	
1006	Lê Thị Thanh Tâm	12/01/1994	1083	54	
1007	Trần Thị Tâm	09/11/1995	1084	64.5	
1008	Ngô Như Thảo	28/05/2003	1085	70.5	
1009	Hồ Phương Thảo	07/08/2002	1086	68	
1010	Phạm Lê Hồng Thái	08/12/1995	1087	67.5	
1011	Nguyễn Thị Thắm	03/04/1999	1088	45	
1012	Phạm Thị Hồng Thiết	15/10/1987	1089	70	
1013	Nguyễn Thị Kim Thoa	12/07/1988	1091	66.5	
1014	Nguyễn Thị Quỳnh Thơ	29/12/2003	1092	74.5	
1015	Nguyễn Cẩm Hoài Thu	01/11/1999	1093	92	
1016	Nguyễn Thị Thu	14/04/1991	1094	70.5	
1017	Xeo Thị Thu	10/08/1996	1095	64	
1018	Cao Thị Thùy	25/12/1997	1096	72	
1019	Nguyễn Thị Thùy	16/09/2002	1097	86	
1020	Phan Thị Thùy	21/08/2002	1098	77.5	
1021	Lê Thị Thúy	06/07/1998	1099	71.5	
1022	Nguyễn Thị Thúy	05/07/2003	1100	75.5	
1023	Dương Thị Thanh Thủy	26/06/2001	1101	57.5	
1024	Thái Thị Thu Thủy	23/05/2003	1102	77.5	
1025	Trần Thị Thúy	24/07/2002	1103	66	

Handwritten signature and initials in blue ink.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1026	Lê Anh Thư	18/12/2003	1104	75.5	
1027	Hoàng Bảo Thư	09/09/2003	1105	68	
1028	Từ Anh Thương	20/04/2002	1106	82.5	
1029	Trần Thị Ái Thương	06/11/2003	1107	67	
1030	Phan Thị Hoài Thương	18/09/2001	1108	68	
1031	Đặng Huyền Trang	25/02/2002	1109	77	
1032	Bạch Nguyễn Linh Trang	27/02/2002	1110	78.5	
1033	Nguyễn Thị Hiền Trang	30/05/1999	1111	60	
1034	Đặng Thị Huyền Trang	06/11/1999	1112	33.5	
1035	Đỗ Thị Huyền Trang	26/08/2003	1113	93	
1036	Hoàng Thị Huyền Trang	27/08/1993	1114	53	
1037	Lê Thị Huyền Trang	01/07/2003	1115	53.5	
1038	Nguyễn Thị Huyền Trang	26/05/2003	1116	44	
1039	Nguyễn Thị Trang	04/11/1999	1117	50.5	
1040	Nguyễn Thị Trang	11/07/2003	1118	75.5	
1041	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	29/04/1998	1119	54	
1042	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	22/12/2000	1120	63	
1043	Hà Thị Thu Trang	11/12/2003	1121	52	
1044	Trần Ngọc Anh Trâm	24/01/2003	1122	63.5	
1045	Đặng Ngọc Trâm	04/12/2000	1123	81.5	
1046	Dương Thị Tuyết	01/05/1996	1124	67	
1047	Trần Thị Cẩm Tú	18/01/2001	1126	65.5	
1048	Đinh Tú Uyên	08/03/2001	1127	45	
1049	Vũ Hồng Vân	28/07/2001	1128	45.5	
1050	Thái Phan Tú Vân	18/04/2003	1129	85	
1051	Hà Thị Vân	14/05/1997	1130	59.5	
1052	Nguyễn Thị Vân	28/06/1993	1131	56	
1053	Trần Thị Vân	24/07/2002	1132	64.5	
1054	Nguyễn Thị Xuân	15/11/1995	1133	61	
1055	Nguyễn Thị Xuyên	28/09/1988	1134	69.5	
1056	Nguyễn Kim Yến	21/08/2001	1135	41	
1057	Nguyễn Ngọc Yến	30/07/1994	1136	56	
1058	Trần Thị Hải Yến	03/02/2002	1137	59.5	
1059	Trần Thị Yến	12/10/2003	1138	45.5	
1060	Phạm Bình An	24/08/2002	1139	56.5	
1061	Đậu Lê Hoài An	22/01/2003	1140	43	
1062	Trương Mai An	28/06/1997	1141	51.5	
1063	Nguyễn Thị Hải An	25/10/2003	1142	38	
1064	Hồ Thị An	04/10/2003	1143	46.5	
1065	Đặng Thị Khánh An	17/05/2003	1144	67	
1066	Phan Thị An	05/07/1991	1145	50	
1067	Trần Thị Thùy An	22/07/2003	1146	46	
1068	Trần Thị An	15/02/2003	1147	71.5	
1069	Nguyễn Châu Anh	20/12/2003	1148	44	
1070	Nguyễn Hà Anh	16/03/2003	1149	62	

als
24/10/2003
B

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1071	Nguyễn Lan Anh	15/04/1998	1150	15.5	
1072	Võ Ngọc Anh	10/01/2003	1151	59	
1073	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	03/02/2003	1152	57	
1074	Nguyễn Quỳnh Anh	29/03/2003	1153	22	
1075	Vi Quỳnh Anh	23/10/2003	1154	42.5	
1076	Võ Quỳnh Anh	16/06/2003	1155	54.5	
1077	Hoàng Thị Cẩm Anh	03/12/1992	1156	80.5	
1078	Nguyễn Thị Cẩm Anh	27/05/2003	1157	63.5	
1079	Lô Thị Diệp Anh	16/07/1997	1158	51.5	
1080	Trần Thị Hải Anh	02/01/2003	1159	61	
1081	Nguyễn Thị Hoài Anh	25/02/2003	1160	55.5	
1082	Phan Thị Kim Anh	01/02/2003	1161	53.5	
1083	Phạm Thị Kim Anh	18/09/1988	1162	52.5	
1084	Chu Thị Lan Anh	11/11/2003	1163	36.5	
1085	Hoàng Thị Lan Anh	26/03/2003	1164	65.5	
1086	Nguyễn Thị Lan Anh	25/01/2003	1165	57	
1087	Hồ Thị Mai Anh	10/12/2003	1166	30.5	
1088	Cao Thị Minh Anh	07/02/2003	1167	56.5	
1089	Phạm Thị Minh Anh	22/11/2003	1168	76	
1090	Lương Thị Ngọc Anh	24/01/2003	1169	82	
1091	Hoàng Thị Phương Anh	22/02/2003	1170	60	
1092	Võ Thị Phương Anh	05/10/1994	1171	38	
1093	Đậu Thị Quỳnh Anh	07/04/2003	1172	67.5	
1094	Lê Thị Quỳnh Anh	09/04/2003	1173	47	
1095	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01/06/1999	1174	21	
1096	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	07/03/2000	1175	43	
1097	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	20/11/2002	1176	42	
1098	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	09/07/2003	1177	75	
1099	Trần Thị Quỳnh Anh	18/02/2002	1178	30	
1100	Cao Thị Thục Anh	06/04/2003	1179	54	
1101	Đậu Thị Trâm Anh	02/06/2003	1180	60.5	
1102	Hoàng Thị Tú Anh	19/02/2003	1182	62	
1103	Nguyễn Thị Tú Anh	04/03/2003	1183	39.5	
1104	Chu Thị Vân Anh	09/01/2003	1184	41	
1105	Lê Thị Vân Anh	10/05/2003	1185	66.5	
1106	Nguyễn Thị Vân Anh	20/11/2003	1187	43.5	
1107	Vi Thị Vân Anh	26/01/1994	1188	35.5	
1108	Nguyễn Tú Anh	12/10/2003	1189	37.5	
1109	Lương Văn Anh	05/10/1991	1190	39.5	
1110	Nguyễn Văn Anh	30/10/2001	1191	70.5	
1111	Hoàng Lê Ngọc Ánh	22/02/1999	1192	35	
1112	Vi Ngọc Ánh	30/06/2001	1193	21.5	
1113	Đinh Thị Ánh	29/01/2003	1194	58	
1114	Hoàng Thị Ánh	05/10/2002	1195	33.5	
1115	Hồ Thị Ánh	12/02/2003	1196	52	

Handwritten signatures and initials in blue ink.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1116	Đoàn Thị Ngọc Ánh	24/09/2002	1197	41.5	
1117	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	21/10/2002	1198	47.5	
1118	Phan Thị Ngọc Ánh	01/05/2003	1200	39.5	
1119	Nguyễn Thị Ánh	01/11/2003	1201	58.5	
1120	Phan Thị Ánh	27/06/2003	1202	37.5	
1121	Vũ Thị Ngọc Bảo	25/11/2003	1203	82	
1122	Nguyễn Thị Bình	10/09/1984	1204	72	
1123	Trần Ngọc Bảo Châu	11/11/2003	1206	73	
1124	Vi Quỳnh Châu	21/01/2003	1207	51	
1125	Ngô Thị Hà Châu	06/09/2003	1208	41	
1126	Trần Thị Minh Châu	31/01/2002	1209	44.5	
1127	Lê Hoàng Linh Chi	08/03/2003	1210	70.5	
1128	Võ Khánh Chi	15/04/2003	1211	53.5	
1129	Trần Lê Chi	10/03/2003	1212	62	
1130	Lê Lệ Chi	07/07/2003	1213	34.5	
1131	Võ Linh Chi	26/01/2003	1214	46.5	
1132	Trần Nữ Linh Chi	07/07/2002	1215	47	
1133	Hồ Phương Chi	24/02/2003	1216	71.5	
1134	Thái Quỳnh Chi	03/06/2003	1217	64.5	
1135	Vừ Sao Chi	11/10/2003	1218	51.5	
1136	Lê Thị Linh Chi	02/12/2001	1220	61	
1137	Nguyễn Thị Linh Chi	30/09/2003	1222	52.5	
1138	Vi Thị Linh Chi	14/05/2002	1223	51	
1139	Nguyễn Thị Mai Chi	04/10/2003	1224	71	
1140	Trần Thị Thùy Chi	31/10/2002	1225	71.5	
1141	Kha Trần Linh Chi	01/10/2002	1226	47	
1142	Lê Hồng Chiến	20/04/1999	1227	61	
1143	Lô Thị Chinh	01/07/2003	1228	65.5	
1144	Lê Thị Chính	02/09/2002	1229	56.5	
1145	Lương Thị Chung	23/03/1996	1230	65	
1146	Hoàng Thị Cúc	24/10/2003	1231	75.5	
1147	Nguyễn Thị Cúc	08/10/1991	1232	53	
1148	Thò Bá Dê	12/04/1993	1233	22.5	
1149	Võ Thị Diễm	15/12/2003	1234	71	
1150	Chế Thị Khánh Diệu	14/12/2003	1235	46.5	
1151	Sung Thị Dính	18/09/2002	1236	56	
1152	Võ Thị Hồng Dịu	17/04/2003	1237	54	
1153	Lê Thị Dịu	04/01/2003	1238	50	
1154	Lê Phương Dung	25/12/2003	1239	46.5	
1155	Kha Thị Dung	08/08/1993	1240	54	
1156	Nguyễn Thị Kim Dung	22/09/1998	1241	59	
1157	Võ Thị Kim Dung	20/10/2003	1242	56.5	
1158	Lương Thị Dung	11/02/2003	1243	45.5	
1159	Nguyễn Thị Dung	22/04/1996	1244	50	
1160	Lê Thị Phương Dung	18/11/2003	1245	80	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1161	Đặng Thị Thuỳ Dung	02/09/2003	1246	65	
1162	Trần Thị Thuỳ Dung	17/02/2003	1247	74	
1163	Đặng Thị Thuỳ Dung	29/06/2002	1248	51.5	
1164	Đinh Thị Thuỳ Dung	02/02/1999	1249	11	
1165	Lê Thuỳ Dung	30/04/2003	1250	30	
1166	Trần Đức Duy	03/07/1998	1251	21	
1167	Võ Thị Ánh Duyên	15/05/2003	1253	11.5	
1168	Đào Thị Duyên	14/03/2003	1254	26.5	
1169	Lê Thị Duyên	22/06/2002	1255	60.5	
1170	Lê Thị Duyên	12/12/2003	1256	13	
1171	Lương Thị Duyên	02/09/2000	1257	35	
1172	Nguyễn Thị Duyên	06/02/2002	1258	15	
1173	Nguyễn Thị Duyên	05/07/2003	1259	14	
1174	Cao Mạnh Dũng	03/02/2003	1261	10	
1175	Phan Thị Ánh Dương	03/07/1996	1262	61	
1176	Nguyễn Thị Dương	18/07/1987	1263	8	
1177	Dư Thảo Đan	18/10/2003	1264	52	
1178	Lâu Y Đi	15/10/2003	1265	33.5	
1179	Lang Hà Thu Diệp	25/01/2002	1266	21.5	
1180	Vi Thị Định	28/11/2003	1267	51.5	
1181	Cự Bá Đồng	26/12/1997	1268	13	
1182	Trần Thị Huyền Đức	22/07/2000	1269	25	
1183	Nguyễn Văn Đức	18/01/2002	1270	11.5	
1184	Nguyễn Châu Giang	25/06/2003	1271	35.5	
1185	Tạ Hà Giang	22/09/2003	1272	22	
1186	Bùi Thị Giang	28/08/2003	1274	24	
1187	Lô Thị Hà Giang	23/07/1999	1275	63.5	
1188	Nguyễn Thị Hà Giang	01/03/2003	1278	29.5	
1189	Trần Thị Hà Giang	21/01/2003	1279	60	
1190	Hoàng Thị Giang	23/06/2003	1280	53	
1191	Hồ Thị Giang	07/08/2002	1281	21	
1192	Lê Thị Hương Giang	30/07/2003	1283	32	
1193	Hoàng Thị Lệ Giang	25/06/2003	1284	54	
1194	Lô Thị Giang	15/09/2002	1285	51	
1195	Hồ Thị Mai Giang	29/08/2003	1286	58	
1196	Nguyễn Thị Giang	18/05/2003	1287	62	
1197	Nguyễn Thị Giang	02/06/2003	1288	32	
1198	Quán Thị Giang	10/01/2001	1289	39	
1199	Sầm Thị Giang	09/05/2003	1290	26.5	
1200	Lô Thị Sông Giang	19/04/2001	1291	12	
1201	Nguyễn Thị Trà Giang	20/04/2003	1292	15	
1202	Nguyễn Thị Trà Giang	19/08/2003	1293	48	
1203	Nguyễn Thị Trà Giang	23/11/2003	1294	64	
1204	Phạm Thị Trà Giang	27/10/2000	1295	77	
1205	Trần Thị Trà Giang	14/03/2002	1296	56	

Handwritten signature and initials in blue ink.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1206	Trần Thị Trà Giang	16/05/2002	1297	75	
1207	Trần Thị Giang	14/01/2003	1298	37	
1208	Nguyễn Trà Giang	05/09/2003	1300	33	
1209	Vy May Giáp	03/06/2000	1301	14	
1210	Nguyễn An Hà	22/05/2002	1302	36	
1211	Nguyễn Hồng Hà	10/02/2003	1303	35	
1212	Nguyễn Thị Hà	30/04/1993	1304	22	
1213	Nguyễn Thị Hà	17/03/1998	1305	31	
1214	Vi Thị Như Hà	21/06/2000	1306	17	
1215	Đâu Thị Thu Hà	26/02/2002	1307	21	
1216	Nguyễn Thị Thu Hà	01/11/2002	1309	41	
1217	Nguyễn Thị Thu Hà	07/09/2003	1310	23.5	
1218	Phạm Thị Thu Hà	29/07/2003	1311	37.5	
1219	Trần Thị Hà	20/04/2003	1312	22	
1220	Trần Thị Hà	13/08/2003	1313	36.5	
1221	Nguyễn Thu Hà	29/06/2000	1314	32.5	
1222	Nguyễn Việt Hà	10/08/2002	1315	66.5	
1223	Nguyễn Thị Hải	31/07/2003	1316	31	
1224	Vũ Thị Thanh Hải	06/01/2003	1317	48.5	
1225	Trần Thị Hải	10/03/2003	1318	47	
1226	Vũ Thị Hải	18/04/2002	1319	34.5	
1227	Nguyễn Thị Hào	26/03/1993	1322	50.5	
1228	Hồ Thị Mỹ Hạnh	04/10/1998	1323	16	
1229	Thái Thị Mỹ Hạnh	25/01/2003	1325	57.5	
1230	Nguyễn Thị Hạnh	26/02/2002	1326	15.5	
1231	Nguyễn Thị Hạnh	20/01/2003	1327	57	
1232	Vi Thị Hạnh	23/07/2003	1328	45	
1233	Võ Thị Hạnh	28/01/2001	1329	19	
1234	Đặng Thị Hằng	26/03/2003	1330	58.5	
1235	Hoàng Thị Hằng	02/06/2002	1331	26	
1236	Lê Thị Hằng	24/04/2002	1332	59.5	
1237	Lương Thị Hằng	16/05/2001	1333	42.5	
1238	Nguyễn Thị Hằng	17/12/1998	1334	36	
1239	Nguyễn Thị Hằng	18/10/2002	1335	51	
1240	Nguyễn Thị Hằng	02/01/2003	1336	42	
1241	Nguyễn Thị Hằng	29/01/2003	1337	55.5	
1242	Lương Thị Nhược Hằng	25/07/2003	1339	45	
1243	Lô Thị Thanh Hằng	22/11/1996	1340	38	
1244	Nguyễn Thị Thu Hằng	13/09/2001	1341	70.5	
1245	Hồ Thị Thúy Hằng	10/11/2003	1342	61.5	
1246	Hồ Thị Thúy Hằng	12/11/2003	1343	47.5	
1247	Vi Thị Thúy Hằng	26/07/2003	1344	21.5	
1248	Sầm Thúy Hằng	03/08/1998	1346	65	
1249	Lê Thúy Hằng	04/01/2001	1347	31	
1250	Hồ Việt Hằng	17/05/1993	1348	39	

2/6/2005 P5

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1251	Lương Thị Mai Hiền	07/10/2003	1349	31.5	
1252	Cao Nguyễn Thúy Hiền	08/09/2003	1350	34.5	
1253	Châu Thị Hiền	14/04/2003	1351	57.5	
1254	Đặng Thị Hiền	08/08/1996	1352	24	
1255	Hà Thị Hiền	05/01/2003	1353	24.5	
1256	Hồ Thị Hiền	17/01/2003	1354	47	
1257	Lương Thị Hiền	30/06/2002	1355	43.5	
1258	Nguyễn Thị Minh Hiền	01/09/2003	1356	61	
1259	Nguyễn Thị Hiền	19/03/1995	1357	32	
1260	Nguyễn Thị Hiền	08/05/2003	1359	41.5	
1261	Nguyễn Thị Hiền	13/09/2003	1360	34	
1262	Nguyễn Thị Hiền	21/11/2003	1361	77	
1263	Phan Thị Hiền	06/06/2003	1362	37	
1264	Nguyễn Thị Thanh Hiền	19/01/2003	1363	61	
1265	Hoàng Thị Thu Hiền	27/06/2003	1364	66	
1266	Lữ Thị Thu Hiền	29/09/2003	1365	59	
1267	Nguyễn Thị Thu Hiền	03/02/2003	1366	33.5	
1268	Phan Thị Thu Hiền	04/09/2003	1367	50.5	
1269	Thái Thị Thu Hiền	17/06/2003	1368	60	
1270	Trần Thị Thu Hiền	11/03/2003	1369	0	
1271	Lô Thị Thúy Hiền	27/11/2003	1370	39.5	
1272	Trương Thị Thúy Hiền	08/01/2003	1371	37.5	
1273	Nguyễn Phú Hiếu	12/12/1981	1373	50	
1274	Cao Thị Hiếu	10/04/2003	1374	66.5	
1275	Hoàng Thị Hiếu	22/05/2002	1375	80.5	
1276	Vi Thị Hồng Hiếu	25/11/2000	1376	78	
1277	Nguyễn Thị Hiếu	16/08/2003	1377	62.5	
1278	Nguyễn Thị Hiệp	04/04/2003	1378	50.5	
1279	Đặng Thị Hoa	11/03/2003	1379	54.5	
1280	Đoàn Thị Hoa	18/12/2003	1380	53	
1281	Hoàng Thị Hoa	02/12/1999	1381	58.5	
1282	Lê Thị Hoa	07/01/2003	1382	62.5	
1283	Võ Thị Mỹ Hoa	25/05/2003	1383	80.5	
1284	Nguyễn Thị Hoa	07/08/1996	1384	50	
1285	Nguyễn Thị Hoa	12/12/1996	1385	64.5	
1286	Nguyễn Thị Hoa	09/01/2003	1386	68	
1287	Nguyễn Thị Hoa	18/08/2003	1387	66.5	
1288	Nguyễn Thị Hoa	26/09/2003	1388	54.5	
1289	Phạm Thị Hoa	17/02/2003	1390	61	
1290	Dương Thị Quỳnh Hoa	01/04/2001	1391	45	
1291	Tạ Thị Hoa	17/01/1991	1392	44	
1292	Thò Thị Y Hoa	19/01/2002	1393	56	
1293	Nguyễn Thanh Hoài	26/04/2002	1394	71	
1294	Lê Thị Hoài	22/09/1995	1396	8	
1295	Lê Thị Hoài	10/08/2003	1397	58	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1296	Nguyễn Thị Thanh Hoài	02/01/2002	1398	7.5	
1297	Cao Thị Thu Hoài	01/02/1999	1399	32	
1298	Dương Thu Hoài	27/10/2003	1400	29.5	
1299	Nguyễn Thu Hoài	10/06/2003	1401	62.5	
1300	Hà Thuý Hoài	27/09/2003	1402	86	
1301	Lương Văn Hoàn	14/07/2001	1403	81	
1302	Bùi Trịnh Nguyên Hoàng	13/01/2002	1404	31.5	
1303	Lữ Hồng	15/09/2003	1405	41.5	
1304	Cao Thị Hồng	10/02/1989	1406	53.5	
1305	Phan Thị Hồng	13/06/2003	1407	89.5	
1306	Xeo Văn Hồng	18/08/2003	1409	63.5	
1307	Lữ Thị Hội	21/01/2003	1410	65	
1308	Thái Doãn Hợp	22/11/2001	1411	52	
1309	Chu Thị Huế	12/02/1987	1412	60.5	
1310	Hồ Thị Hồng Huế	03/11/2003	1413	80	
1311	Phạm Thị Huế	28/04/2003	1414	62.5	
1312	Lý Phương Huệ	16/10/2003	1415	54.5	
1313	Lê Thị Kim Huệ	16/10/2002	1416	77	
1314	Lang Thị Thu Huệ	18/08/2001	1417	34	
1315	Lô Thị Thu Huệ	16/06/2003	1418	41.5	
1316	Vi Thị Huệ	29/11/2003	1419	51.5	
1317	Bùi Hải Huy	05/05/2002	1420	28.5	
1318	Lô Hà Huyền	25/02/2003	1421	58.5	
1319	Cao Khánh Huyền	28/04/2003	1422	53.5	
1320	Hoàng Khánh Huyền	12/10/2003	1423	43.5	
1321	Nguyễn Khánh Huyền	23/07/2003	1424	81	
1322	Nguyễn Lan Huyền	13/09/2003	1425	62	
1323	Nguyễn Minh Huyền	08/06/2003	1426	72	
1324	Dương Thị Huyền	18/04/2003	1427	42.5	
1325	Đậu Thị Huyền	24/07/2003	1428	75	
1326	Hồ Thị Huyền	02/10/2002	1429	51	
1327	Lê Thị Khánh Huyền	20/02/2003	1430	77.5	
1328	Nguyễn Thị Khánh Huyền	28/08/2000	1431	59.5	
1329	Nguyễn Thị Khánh Huyền	08/10/2002	1432	72	
1330	Nguyễn Thị Khánh Huyền	07/01/2003	1433	49.5	
1331	Nguyễn Thị Khánh Huyền	06/03/2003	1434	66	
1332	Nguyễn Thị Khánh Huyền	20/05/2003	1435	56	
1333	Nguyễn Thị Khánh Huyền	19/09/2003	1436	58.5	
1334	Trần Thị Khánh Huyền	12/06/2001	1437	57	
1335	Lê Thị Huyền	09/12/2000	1439	84	
1336	Hồ Thị Minh Huyền	06/03/2003	1440	54.5	
1337	Trần Thị Ngọc Huyền	15/01/2003	1441	44.5	
1338	Nguyễn Thị Huyền	03/02/1989	1442	37.5	
1339	Nguyễn Thị Huyền	04/05/2003	1443	50	
1340	Nguyễn Thị Huyền	06/05/2003	1444	34	

Handwritten signature and date

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1341	Tạ Thị Huyền	17/11/1997	1445	40.5	
1342	Nguyễn Thị Thanh Huyền	25/04/2003	1446	50	
1343	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22/11/2003	1447	47	
1344	Phan Thị Thanh Huyền	13/08/2001	1448	48	
1345	Nguyễn Thị Thu Huyền	01/02/2003	1449	35.5	
1346	Trần Thị Huyền	05/07/2002	1450	44.5	
1347	Trần Thị Huyền	29/10/2003	1451	34.5	
1348	Nguyễn Thục Huyền	05/12/2003	1452	48	
1349	Hà Thị Hưng	24/07/2003	1453	29	
1350	Hoàng Thị Hưng	09/07/2003	1454	55.5	
1351	Cao Thị Hương	01/12/1984	1455	66	
1352	Hoàng Thị Hương	14/04/1993	1456	35.5	
1353	Lê Thị Lan Hương	26/06/2003	1457	54	
1354	Lương Thị Hương	09/06/1997	1458	42	
1355	Nguyễn Thị Hương	26/01/2003	1459	47	
1356	Phan Thị Hương	03/02/2002	1460	44.5	
1357	Phạm Thị Hương	05/05/2002	1461	62.5	
1358	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	10/03/1998	1462	69	
1359	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	25/11/2000	1463	38.5	
1360	Hoàng Thị Thu Hương	06/06/1994	1464	75.5	
1361	Võ Thị Hương	10/02/1993	1466	80.5	
1362	Bùi Thu Hương	05/03/2003	1467	70.5	
1363	Phạm Thị Khánh Hường	15/10/2000	1468	67	
1364	Nguyễn Thị Hường	12/09/2003	1469	26.5	
1365	Lữ Thị Thu Hường	20/11/2000	1470	47	
1366	Phạm Thị Thu Hường	27/04/2003	1471	29.5	
1367	Trần Thị Thu Hường	30/12/1998	1472	37.5	
1368	Nguyễn Thị Khanh	23/09/2003	1473	54.5	
1369	Võ Kim Khánh	11/08/2003	1474	36.5	
1370	Lê Thị Ngọc Khánh	03/09/2001	1475	50.5	
1371	Lô Thị Khuyến	03/08/2002	1476	59	
1372	Kha Thị Kiều	23/10/1994	1477	33	
1373	Trần Thị Kiều	10/11/2003	1478	49.5	
1374	Bạch Thị Lam	20/10/1995	1479	81	
1375	Đường Thị Ngọc Lam	25/12/2003	1480	34.5	
1376	Nguyễn Thị Thanh Lam	15/09/2003	1481	59	
1377	Ngô Thị Lan	23/01/2002	1482	60.5	
1378	Trần Thị Phương Lan	10/05/2002	1484	20	
1379	Nguyễn Thị Lại	15/06/2003	1485	50	
1380	Phan Thị Lâm	26/01/2003	1486	37	
1381	Trần Thị Đức Lập	02/04/2003	1487	48.5	
1382	Đặng Thị Lê	09/01/2002	1488	37	
1383	Nguyễn Thị Ngọc Lê	07/11/1989	1489	56	
1384	Phan Thị Tú Lê	29/07/2000	1490	52	
1385	Lữ Thị Minh Lễ	15/04/2003	1491	30.5	

26/01/2003
20/10/1995
13

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1386	Hoàng Thị Nhật Lệ	08/09/2003	1492	54.5	
1387	Phan Thị Thu Lệ	09/05/2003	1493	24.5	
1388	Vi Thị Lệ	11/05/1997	1494	40	
1389	Vi Thị Hồng Liên	12/08/1997	1496	48.5	
1390	Nguyễn Thị Liên	23/09/2003	1498	53	
1391	Nguyễn Thị Liên	14/10/2003	1499	57.5	
1392	Trần Hà Phương Linh	30/09/2003	1501	54	
1393	Hồ Khánh Linh	15/09/2003	1502	18	
1394	Nguyễn Khánh Linh	19/02/2003	1503	58	
1395	Phan Khánh Linh	21/03/2003	1504	16	
1396	Nguyễn Lê Ngọc Linh	09/10/1997	1506	43	
1397	Phạm Mai Linh	08/03/2003	1507	62	
1398	Lê Nguyễn Khánh Linh	07/11/2003	1508	63	
1399	Nguyễn Thảo Linh	30/10/2003	1509	60	
1400	Trần Thị Cẩm Linh	23/08/2003	1510	63	
1401	Phạm Thị Diệu Linh	04/09/2003	1511	83	
1402	Trần Thị Diệu Linh	16/09/2003	1512	54	
1403	Lê Thị Hoài Linh	16/10/2003	1513	84	
1404	Võ Thị Hoài Linh	01/04/2001	1514	65	
1405	Hoàng Thị Linh	12/04/2003	1515	75	
1406	Hồ Thị Linh	17/10/1997	1516	66	
1407	Hồ Thị Linh	19/03/2003	1517	53	
1408	Hoàng Thị Khánh Linh	24/01/2003	1518	65	
1409	Lô Thị Khánh Linh	21/12/2003	1519	28	
1410	Nguyễn Thị Khánh Linh	10/10/1998	1520	61	
1411	Trần Thị Khánh Linh	08/10/2003	1521	69	
1412	Trương Thị Lam Linh	03/01/2002	1522	43	
1413	Lang Thị Linh	29/11/2003	1523	54	
1414	Hoàng Thị Mai Linh	15/09/2002	1524	63	
1415	Lương Thị Mai Linh	16/03/2003	1525	77	
1416	Nguyễn Thị Mai Linh	04/02/1999	1526	78	
1417	Hà Thị Mĩ Linh	22/12/1996	1527	16	
1418	Bạch Thị Mỹ Linh	22/06/2003	1528	63	
1419	Phạm Thị Mỹ Linh	06/08/1995	1529	71	
1420	Vy Thị Ngọc Linh	21/07/2003	1530	51	
1421	Chung Thị Nhật Linh	26/01/2002	1531	50.5	
1422	Phan Thị Linh	13/04/2003	1532	56.5	
1423	Cao Thị Phương Linh	27/11/1996	1533	80	
1424	Đinh Thị Phương Linh	30/08/2003	1534	73	
1425	Lê Thị Phương Linh	28/07/2003	1535	77.5	
1426	Hoàng Thị Thủy Linh	18/04/2003	1536	40.5	
1427	Nguyễn Thị Thủy Linh	03/04/2003	1537	53.5	
1428	Phan Thị Thủy Linh	07/08/2003	1539	59.5	
1429	Đặng Thị Thùy Linh	04/03/2003	1540	64	
1430	Nguyễn Thị Thùy Linh	24/01/2003	1541	71	

28
22/05/03

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1431	Nguyễn Thị Thùy Linh	23/02/2003	1542	68	
1432	Nguyễn Thị Thùy Linh	21/10/2003	1543	64	
1433	Phan Thị Thùy Linh	18/08/2003	1544	73	
1434	Phạm Thị Thùy Linh	15/08/2001	1545	46	
1435	Trần Thị Thùy Linh	03/06/2003	1546	56	
1436	Trần Thị Linh	08/03/2003	1547	56	
1437	Lô Thùy Linh	12/01/2002	1548	43	
1438	Nguyễn Thùy Linh	08/12/2001	1549	62	
1439	Nguyễn Thùy Linh	14/07/2002	1550	64	
1440	Trần Thùy Linh	26/06/2003	1551	77	
1441	Lô Thủy Linh	10/02/2002	1552	50	
1442	Hồ Trang Linh	26/02/2003	1553	81	
1443	Hồ Vương Phương Linh	18/01/2003	1554	68.5	
1444	Lô Thị Bích Loan	23/07/2003	1556	59.5	
1445	Hồ Thị Loan	17/10/2003	1557	50	
1446	Trần Thị Thu Loan	28/01/2003	1558	75	
1447	Vi Thị Loan	27/03/1997	1559	40	
1448	Nguyễn Khắc Long	12/10/1996	1560	77	
1449	Ksor H' Lun	05/03/1998	1561	40.5	
1450	Bùi Thị Luyên	01/06/2003	1562	67.5	
1451	Thái Thị Hà Lương	10/04/1999	1563	39.5	
1452	Mong Thị Lương	13/06/2000	1564	26	
1453	Nguyễn Thị Lương	15/09/2003	1565	32	
1454	Phạm Thị Lựu	25/12/1999	1566	30.5	
1455	Lô Khánh Ly	01/06/1998	1567	0	Hủy kết quả thi do vi phạm quy chế thi
1456	Lê Thị Cẩm Ly	13/08/2001	1568	46	
1457	Lê Thị Cẩm Ly	22/12/2003	1569	21	
1458	Nguyễn Thị Cẩm Ly	24/02/2003	1570	29.5	
1459	Lê Thị Hoài Ly	05/11/1998	1571	16	
1460	Nguyễn Thị Khánh Ly	12/03/2003	1572	18	
1461	Nguyễn Thị Khánh Ly	29/11/2003	1573	20	
1462	Lang Thị Ly	22/06/2003	1574	58	
1463	Lê Thị Ly	17/04/2003	1575	53.5	
1464	Lê Thị Mai Ly	05/10/2003	1576	55	
1465	Phùng Thị Ly	21/01/2003	1577	38	
1466	Lương Thị Thảo Ly	06/12/2001	1578	31	
1467	Nguyễn Thị Thảo Ly	03/11/2003	1579	30.5	
1468	Trần Thị Trà Ly	25/11/2001	1580	75	
1469	Hà Thị Lý	15/05/1989	1581	66	
1470	Nguyễn Thị Thảo Lý	10/08/2002	1582	38	
1471	Vi Thị Lý	01/07/2003	1583	27	
1472	Phạm Ngọc Mai	18/10/2003	1584	36.5	
1473	Trần Nhật Mai	21/02/2003	1585	33.5	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1474	Trần Thanh Mai	08/03/2003	1586	39	
1475	Hoàng Thị Mai	18/09/2003	1587	79	
1476	Lê Thị Mai	16/03/1992	1588	75	
1477	Lê Thị Ngọc Mai	08/04/2003	1590	39	
1478	Nguyễn Thị Ngọc Mai	09/01/1996	1591	66.5	
1479	Nguyễn Thị Ngọc Mai	08/03/2003	1592	54	
1480	Nguyễn Thị Ngọc Mai	15/10/2003	1593	62	
1481	Nguyễn Thị Thanh Mai	23/01/1998	1594	70.5	
1482	Trần Thị Mai	27/12/2003	1595	64	
1483	Phan Tuyết Mai	14/07/2003	1596	31.5	
1484	Vi Thị May	20/08/1996	1597	42	
1485	Vi Văn May	13/01/1987	1598	39	
1486	Già Y Mái	11/02/2002	1599	37	
1487	Lô Văn Mạo	29/06/1987	1600	39.5	
1488	Sâm Thị Mẫn	24/08/2003	1601	79	
1489	Vũ Nhật Minh	17/05/2001	1602	43	
1490	Hồ Thị Ánh Minh	08/09/2003	1603	80.5	
1491	Đoàn Thị Minh	03/04/2003	1604	59	
1492	Nguyễn Thị Minh	27/07/2001	1605	69.5	
1493	Phan Thị Minh	15/01/1993	1606	68	
1494	Nguyễn Thị Mơ	08/06/2003	1607	63.5	
1495	Trần Thị Mơ	04/06/2003	1608	69.5	
1496	Hồ Thị Mùi	23/01/2003	1609	72	
1497	Lô Thị Mùi	29/11/2003	1610	53.5	
1498	Lương Thị Mùi	02/09/1993	1611	64.5	
1499	Hà Bảo My	20/03/2003	1612	71	
1500	Trương Hồ Huyền My	17/08/2003	1613	46	
1501	Hồ Thảo My	17/08/2001	1614	78	
1502	Lô Thị Trà My	03/10/2003	1616	43.5	
1503	Lương Thị Trà My	27/09/2003	1617	47.5	
1504	Trần Thị Trà My	10/02/2003	1618	62.5	
1505	Lê Trà My	16/10/2003	1619	66	
1506	Cụt Thị Mỹ	25/02/2003	1620	50	
1507	Nguyễn Thị Hoàn Mỹ	03/08/2003	1621	61.5	
1508	Nguyễn Thị Mỹ	07/07/2003	1622	63	
1509	Nguyễn Lê Na	06/03/2003	1623	82.5	
1510	Sâm Nữ Vi Na	26/03/2003	1624	57.5	
1511	Kha Thị Na	17/07/2001	1625	57	
1512	Hoàng Thị Lê Na	26/06/2003	1626	41	
1513	Lương Thị Lê Na	04/08/1998	1627	51	
1514	Nguyễn Thị Lê Na	01/06/2003	1628	69	
1515	Trần Thị Lê Na	04/04/2002	1629	46.5	
1516	Lữ Thị Mi Na	21/09/2001	1630	47	
1517	Nguyễn Thị Na	01/01/2003	1631	64	
1518	Võ Thị Nhược Nam	30/10/1997	1632	42	

ab
16/08/03
P8

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1519	Xã Thị Năm	16/06/1993	1633	78	
1520	Hoàng Thị Năng	12/04/1993	1634	50	
1521	Đinh Thị Nga	25/06/2002	1635	43	
1522	Hồ Thị Nga	10/01/1991	1636	26	
1523	Hồ Thị Nga	23/09/2002	1637	51.5	
1524	Hồ Thị Nga	07/06/2003	1638	64	
1525	Nguyễn Thị Kim Nga	10/06/2003	1639	61	
1526	Nguyễn Thị Nga	19/09/2003	1640	72	
1527	Vi Thị Thu Nga	18/02/2000	1641	65.5	
1528	Trần Thị Nga	28/08/1990	1642	89.5	
1529	Lô Thúy Nga	21/11/2000	1643	41	
1530	Nguyễn Võ Quỳnh Nga	15/04/2003	1644	71.5	
1531	Nguyễn Thị Thuý Nga	04/05/2003	1645	76	
1532	Lê Ánh Ngân	22/08/2003	1646	37.5	
1533	Trần Kim Ngân	30/07/2003	1647	69	
1534	Lô Thị Băng Ngân	15/05/2003	1648	55.5	
1535	Đặng Thị Ngân	09/06/1995	1649	61	
1536	Kiều Thị Hoài Ngân	15/01/2002	1650	61	
1537	Nguyễn Thị Ngân	12/06/2003	1651	70	
1538	Nguyễn Thị Ngân	19/12/2003	1652	28	
1539	Phạm Thị Ngân	25/04/1995	1653	49.5	
1540	Thái Thị Thanh Ngân	16/11/2003	1654	55	
1541	Biện Thị Thảo Ngân	27/11/2001	1655	62.5	
1542	Bùi Thị Thuý Ngân	30/03/2003	1656	61	
1543	Đinh Thị Yến Ngân	19/11/2003	1657	75.5	
1544	Vi Thị Nghi	26/04/1993	1658	30.5	
1545	Sầm Thị Ngoan	28/08/1994	1659	41	
1546	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	06/11/2003	1660	52.5	
1547	Trần Thanh Ngọc	17/08/1994	1661	54.5	
1548	Hồ Thị Bảo Ngọc	10/11/2003	1662	61.5	
1549	Đinh Thị Ngọc	13/04/2003	1663	32	
1550	Hoàng Thị Ngọc	24/11/2003	1664	51.5	
1551	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	30/08/2003	1665	62	
1552	Trần Thị Minh Ngọc	25/08/2003	1666	55.5	
1553	Nguyễn Thị Ngọc	17/02/2003	1667	79	
1554	Nguyễn Thị Ngọc	16/06/2003	1668	46	
1555	Nguyễn Thị Phượng Ngọc	23/02/2002	1669	25	
1556	Nguyễn Văn Ngọc	23/04/2003	1671	53.5	
1557	Chu Hạnh Nguyên	26/10/2000	1672	56	
1558	Trần Khánh Nguyên	24/10/2003	1673	62.5	
1559	Trần Thị Thảo Nguyên	16/02/2003	1674	72.5	
1560	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	19/04/2003	1675	41.5	
1561	Hồ Thị Nguyệt	16/02/2003	1676	60	
1562	Hồ Thị Nguyệt	01/11/2003	1677	77.5	
1563	Lô Thị Nguyệt	19/09/1995	1678	59.5	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1564	Trần Thị Minh Nguyệt	16/11/2003	1679	79	
1565	Nguyễn Thị Nguyệt	26/10/2003	1680	58.5	
1566	Lữ Thanh Nhân	02/03/2002	1683	55.5	
1567	Nguyễn Thị Nhân	23/04/2003	1684	71	
1568	Phan Thị Nhân	21/11/1995	1685	57	
1569	Nguyễn Thị Thanh Nhân	07/08/2003	1686	78.5	
1570	Trương Thị Linh Nhân	05/06/2003	1688	51	
1571	Lang Hoàng Nhật	22/05/2000	1689	56.5	
1572	Nguyễn Thị Hoài Nhi	27/06/2003	1691	44	
1573	Nguyễn Thị Mai Nhi	18/10/2003	1692	52.5	
1574	Nguyễn Thị Nhi	26/08/2003	1693	56	
1575	Nguyễn Thị Phương Nhi	01/09/2003	1694	45.5	
1576	Trịnh Thị Thảo Nhi	20/08/2002	1695	37	
1577	Trần Thị Nhi	07/10/2002	1696	56	
1578	Hồ Thị Yến Nhi	05/10/2003	1697	50	
1579	Võ Thị Yến Nhi	05/05/2002	1698	56	
1580	Đậu Uyên Nhi	19/06/2002	1699	81	
1581	Hoàng Yến Nhi	05/07/2003	1700	42.5	
1582	Hồ Yến Nhi	01/09/2003	1701	33	
1583	Lê Yến Nhi	26/01/2003	1702	59.5	
1584	Lê Thị Nhị	08/07/2002	1703	68	
1585	Tạ Thị Thuần Nho	02/01/2003	1704	57.5	
1586	Nguyễn Cẩm Nhung	17/05/2001	1705	59	
1587	Phạm Hồng Nhung	12/01/2002	1706	48.5	
1588	Đậu Thị Nhung	06/01/2003	1707	60	
1589	Trần Thị Hồng Nhung	20/10/2003	1708	59	
1590	Vi Thị Hồng Nhung	01/07/2002	1709	28.5	
1591	Lê Thị Nhung	02/11/2003	1710	59.5	
1592	Moong Thị Nhung	10/07/2003	1711	43	
1593	Phạm Thị Mỹ Nhung	11/04/2003	1712	68.5	
1594	Nguyễn Thị Nhung	16/07/1998	1713	66	
1595	Thái Thị Nhung	25/02/2002	1714	25	
1596	Trần Thị Nhung	21/01/2003	1715	63	
1597	Nguyễn Trang Nhung	20/10/2003	1716	12.5	
1598	Lê Quỳnh Như	22/08/2003	1717	76.5	
1599	Lô Thị Như	23/06/2002	1718	15	
1600	Nguyễn Thị Như	10/08/1992	1719	75.5	
1601	Vi Thị Nương	03/06/1993	1721	37.5	
1602	Hồ Thị Oanh	20/10/1992	1722	75	
1603	Lê Thị Kiều Oanh	24/01/2003	1723	43	
1604	Lê Thị Kiều Oanh	22/03/2003	1724	32	
1605	Bùi Thị Kim Oanh	16/06/2003	1725	67	
1606	Nguyễn Thị Kim Oanh	18/01/2000	1726	51.5	
1607	Trương Thị Kim Oanh	05/09/2003	1727	39	
1608	Trần Thị Lâm Oanh	26/06/2003	1728	61	

2/2/2013

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1609	Nguyễn Thị Oanh	19/01/2003	1729	50	
1610	Nguyễn Thị Oanh	21/09/2003	1730	50	
1611	Và Y Pà	06/02/2001	1731	51	
1612	Lang Thị Phân	22/10/1995	1732	50	
1613	Lương Thị Phiết	11/09/2002	1733	41	
1614	Phạm Thị Hồng Phúc	15/10/2002	1734	59	
1615	Nguyễn Hà Phương	02/11/2002	1735	51	
1616	Hồ Quỳnh Phương	01/08/2003	1736	52.5	
1617	Nguyễn Quỳnh Phương	03/08/2003	1737	51	
1618	Lương Thị Đan Phương	19/06/2003	1738	61	
1619	Nguyễn Thị Hoài Phương	18/04/2003	1740	36.5	
1620	Lê Thị Hồng Phương	02/02/2003	1741	34	
1621	Tôn Thị Huyền Phương	15/12/2002	1742	47	
1622	Hồ Thị Mai Phương	29/08/2003	1743	44	
1623	Nguyễn Thị Phương	19/03/1988	1744	61	
1624	Nguyễn Thị Phương	13/02/1999	1745	82.5	
1625	Nguyễn Thị Phương	26/07/2003	1746	44	
1626	Đặng Thị Thanh Phương	01/10/2003	1747	62	
1627	Đậu Thị Thu Phương	10/09/2003	1748	27	
1628	Hồ Thị Phương	01/09/2003	1749	41	
1629	Võ Thị Phương	11/08/2003	1750	59	
1630	Trần Lệ Quyên	14/01/2002	1751	31	
1631	Hoàng Ngọc Diệu Quyên	01/05/2003	1752	44	
1632	Trần Nguyễn Diệu Quyên	08/02/2003	1753	47	
1633	Nguyễn Thị Quyên	26/06/2003	1754	46.5	
1634	Ngô Tuệ Quyên	11/10/2001	1755	37	
1635	Thái Diễm Quỳnh	31/12/2003	1756	36.5	
1636	Nguyễn Hương Quỳnh	28/01/2002	1757	50	
1637	Nguyễn Khánh Quỳnh	06/04/2002	1758	50	
1638	Đặng Như Quỳnh	01/08/2003	1759	43.5	
1639	Đặng Như Quỳnh	17/12/2003	1760	68.5	
1640	Lê Như Quỳnh	21/12/2003	1761	67	
1641	Bùi Thị Quỳnh	01/10/2003	1762	64	
1642	Hoàng Thị Diễm Quỳnh	11/06/2000	1763	67.5	
1643	Lô Thị Diễm Quỳnh	13/12/2003	1764	74.5	
1644	Hà Thị Quỳnh	19/11/2003	1765	59	
1645	Lại Thị Quỳnh	17/07/2003	1766	58	
1646	Nguyễn Thị Quỳnh	16/06/1997	1767	62.5	
1647	Nguyễn Thị Quỳnh	04/04/2003	1768	51	
1648	Ngô Thị Như Quỳnh	28/11/2003	1769	50.5	
1649	Nguyễn Thị Như Quỳnh	24/10/1996	1770	36	
1650	Nguyễn Thị Như Quỳnh	20/03/2001	1771	30	
1651	Nguyễn Thị Như Quỳnh	03/11/2003	1772	53.5	
1652	Nguyễn Thị Như Quỳnh	22/12/2003	1773	17	
1653	Phan Thị Như Quỳnh	10/11/2003	1774	64	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1654	Trần Thị Như Quỳnh	02/09/2003	1775	79	
1655	Trịnh Thị Như Quỳnh	17/03/2003	1776	65.5	
1656	Võ Thị Như Quỳnh	06/08/2000	1777	35	
1657	Phan Thị Quỳnh	26/06/2003	1778	58	
1658	Hồ Thị Thảo Quỳnh	25/04/2002	1779	52	
1659	Chu Thị Thuý Quỳnh	01/04/1999	1780	25	
1660	Đặng Thị Thuý Quỳnh	22/04/2003	1781	58	
1661	Ngô Thị Thuý Quỳnh	16/10/1997	1782	55	
1662	Vũ Thị Quỳnh	04/01/1998	1783	59.5	
1663	Nguyễn Thuý Quỳnh	12/08/2000	1784	70.5	
1664	Trần Thuý Quỳnh	02/12/2003	1785	44	
1665	Nguyễn Thị Quý	08/04/2003	1786	37.5	
1666	Hồ Y Rê	28/07/1997	1787	24	
1667	Cù Thị Sâm	01/01/2002	1788	31	
1668	Lương Thị Sinh	26/05/1993	1789	25	
1669	Lâu Y Súa	10/03/2003	1790	56.5	
1670	Ngô Phan Ánh Sương	19/05/2003	1791	68	
1671	Đặng Thị Sương	06/03/2003	1792	64	
1672	Nguyễn Thị Huyền Sương	17/10/1992	1793	60.5	
1673	Lô Thị Mai Sương	20/09/2001	1794	32	
1674	Nguyễn Thị Mai Sương	28/09/2000	1795	44	
1675	Lang Thị Tuyết Sương	23/09/2003	1796	66.5	
1676	Vi Tuyết Sương	10/07/2003	1797	65.5	
1677	Nguyễn Thị Tám	25/03/2001	1798	27	
1678	Hoàng Nhật Tâm	13/02/2003	1799	63.5	
1679	Đặng Thị Tâm	27/10/2003	1800	46	
1680	Lê Thị Tâm	21/01/2002	1801	70	
1681	Lê Thị Tâm	21/04/2003	1802	67	
1682	Đào Thị Mỹ Tâm	05/07/2003	1803	51	
1683	Vũ Thị Ngọc Tâm	25/08/2003	1804	54	
1684	Nguyễn Thị Tâm	23/01/2003	1805	57.5	
1685	Nguyễn Thị Tâm	03/04/2003	1806	72	
1686	Nguyễn Thị Tâm	29/11/2003	1807	82.5	
1687	Lê Thị Thanh Tâm	18/07/2003	1808	72	
1688	Tạ Thị Thanh Tâm	07/11/2002	1809	62	
1689	Lê Anh Yến Thanh	23/07/2003	1811	76	
1690	Hồ Hoài Thanh	08/01/2003	1812	65	
1691	Nguyễn Thị Thanh	07/07/1992	1813	44.5	
1692	Phan Thị Thanh	14/02/2003	1814	83	
1693	Lê Thị Thành	05/07/2002	1815	83.5	
1694	Bùi Phương Thảo	03/05/2003	1816	54.5	
1695	Ngô Phương Thảo	25/03/2002	1817	59.5	
1696	Nguyễn Phương Thảo	30/10/2000	1818	84	
1697	Nguyễn Phương Thảo	21/09/2002	1819	75	
1698	Phan Phương Thảo	01/01/2001	1820	39	

36
26/05/03
B

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1699	Trần Phương Thảo	08/12/2003	1821	85	
1700	Chường Thị Thảo	28/01/2002	1822	65.5	
1701	Đặng Thị Thảo	29/05/2003	1823	41.5	
1702	Hà Thị Thảo	24/08/1993	1824	55.5	
1703	Hà Thị Thảo	09/02/2003	1825	52	
1704	Hồ Thị Thảo	30/06/1998	1826	59	
1705	Lê Thị Thảo	02/02/2003	1827	81	
1706	Nguyễn Thị Linh Thảo	24/12/2001	1828	45	
1707	Nguyễn Thị Mai Thảo	24/09/2002	1829	78.5	
1708	Nguyễn Thị Mai Thảo	05/09/2003	1830	56.5	
1709	Nguyễn Thị Thảo	15/10/1996	1831	36	
1710	Nguyễn Thị Thảo	22/10/2003	1832	60.5	
1711	Nguyễn Thị Thảo	19/11/2003	1833	75.5	
1712	Vương Thị Như Thảo	07/11/2002	1834	50	
1713	Phạm Thị Thảo	09/10/1993	1835	50	
1714	Bùi Thị Phương Thảo	10/01/2003	1836	31	
1715	Đặng Thị Phương Thảo	28/03/2003	1837	66	
1716	Đậu Thị Phương Thảo	04/01/2003	1838	40	
1717	Hồ Thị Phương Thảo	02/03/2002	1839	76.5	
1718	Lê Thị Phương Thảo	27/09/2003	1840	39	
1719	Lữ Thị Phương Thảo	01/02/2003	1841	71	
1720	Nguyễn Thị Phương Thảo	01/08/2001	1842	70	
1721	Nguyễn Thị Phương Thảo	26/12/2002	1843	68.5	
1722	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/01/2003	1844	75	
1723	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/09/2003	1845	61	
1724	Hà Thị Thanh Thảo	06/08/2002	1847	41	
1725	Hồ Thị Thanh Thảo	04/12/2003	1848	57.5	
1726	Trần Thị Thanh Thảo	15/01/2003	1849	62	
1727	Lê Thị Thu Thảo	29/03/2003	1850	21	
1728	Lô Thị Thu Thảo	12/04/2001	1851	66	
1729	Trần Thị Thảo	27/09/2003	1852	50.5	
1730	Trương Công Thái	21/06/2003	1853	30.5	
1731	Lô Văn Thái	05/10/1998	1854	22.5	
1732	Nguyễn Thị Hồng Thắm	14/07/2002	1855	35.5	
1733	Phan Thị Hồng Thắm	12/11/2003	1856	65.5	
1734	Thái Thị Hồng Thắm	02/08/2003	1857	65.5	
1735	Lê Thị Thắm	23/10/2003	1858	47	
1736	Ngô Thị Thắm	12/08/2003	1859	39.5	
1737	Nguyễn Thị Thắm	11/11/1994	1860	47	
1738	Lô Thị Thêm	22/12/2003	1861	49.5	
1739	Lương Thị Thìn	13/05/2000	1863	51.5	
1740	Hoàng Thị Thơ	25/05/1997	1865	59	
1741	Nguyễn Thị Thơ	04/04/2002	1866	32.5	
1742	Trần Thị Thơm	14/04/2003	1867	30	
1743	Hồ Diệu Thu	15/01/2003	1868	41	

Uk 24 200 Bz

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1744	Phạm Mai Thu	05/08/2003	1869	50.5	
1745	Ngô Phương Thu	06/08/2003	1870	40.5	
1746	Hoàng Thị Hoài Thu	16/10/2003	1871	28.5	
1747	Nguyễn Thị Thu	24/02/2003	1872	64	
1748	Nguyễn Thị Thu	18/03/2003	1873	54	
1749	Trần Thị Thu	09/01/1999	1874	35	
1750	Bùi Thị Thuận	23/04/1999	1875	20	
1751	Hồ Thị Thuận	10/11/2003	1876	41.5	
1752	Trần Ngọc Thủy	24/10/2002	1877	32.5	
1753	Nguyễn Thị Thủy	10/01/2001	1878	38	
1754	Hoàng Thị Thủy	22/09/2003	1879	61	
1755	Trần Thị Thu Thủy	21/08/2002	1880	57	
1756	Vũ Thị Thủy	20/01/2003	1881	36	
1757	Nguyễn Thị Xuân Thủy	02/11/2000	1882	51	
1758	Trần Thu Thủy	04/07/1997	1883	30.5	
1759	Nguyễn Phương Thủy	19/04/2003	1884	38	
1760	Lô Thị Thủy	03/09/1995	1885	36	
1761	Nguyễn Thị Thủy	16/02/2002	1886	38.5	
1762	Phạm Thị Thủy	28/02/2003	1887	37	
1763	Ngân Thị Bích Thùy	26/11/2001	1888	55.5	
1764	Đặng Thị Thùy	24/07/2003	1889	69.5	
1765	Vi Thị May Thùy	12/09/1996	1890	70	
1766	Lê Thị Thanh Thùy	21/03/2003	1891	58.5	
1767	Thái Thị Thu Thùy	20/11/2003	1892	70	
1768	Nguyễn Thị Diệu Thúy	11/12/2003	1893	70.5	
1769	Hà Thị Thúy	25/03/1993	1894	45	
1770	Hồ Thị Phương Thúy	22/10/2003	1896	63	
1771	Trần Thị Thúy	02/12/2003	1898	55.5	
1772	Trần Thị Anh Thư	20/06/2003	1899	44.5	
1773	Đặng Bùi Hà Thương	11/07/2003	1900	42	
1774	Nguyễn Hà Thương	06/10/1998	1901	43	
1775	Cao Thị Thương	25/07/2003	1902	66	
1776	Phan Thị Hà Thương	23/04/2002	1903	62	
1777	Dư Thị Hoài Thương	03/11/2003	1904	78.5	
1778	Hồ Thị Hoài Thương	08/12/1999	1905	53.5	
1779	Hứa Thị Hoài Thương	14/10/2003	1906	64	
1780	Lê Thị Hoài Thương	22/02/2003	1907	42	
1781	Nguyễn Thị Hoài Thương	03/11/2003	1908	43	
1782	Phan Thị Hoài Thương	07/04/2000	1909	54	
1783	Phạm Thị Hoài Thương	06/03/2002	1910	70	
1784	Võ Thị Hoài Thương	17/12/2003	1911	62	
1785	Hoàng Thị Thương	01/06/2002	1912	54.5	
1786	Hoàng Thị Thương	14/07/2003	1913	72.5	
1787	Vi Thị Huyền Thương	12/10/2000	1914	43	
1788	Vi Thị Huyền Thương	25/04/2001	1915	57.5	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1789	Nguyễn Thị Thương	13/01/2002	1916	49	
1790	Nguyễn Thị Thương	11/01/2003	1917	64	
1791	Nguyễn Thị Thương	18/05/2003	1918	57	
1792	Nguyễn Thị Thương	21/06/2003	1919	81	
1793	Nguyễn Thị Thương	04/11/2003	1920	46	
1794	Nguyễn Thị Thương	19/11/2003	1921	80	
1795	Trần Thị Thương	14/03/2003	1922	64	
1796	Trần Thị Thương	25/10/2003	1923	26	
1797	Vi Thị Thương	01/08/1997	1924	16.5	
1798	Nguyễn Thị Thương	21/12/2003	1926	59	
1799	Tạ Thị Tiên	23/08/2003	1927	53	
1800	Trần Thủy Tiên	26/10/2003	1928	66	
1801	Phan Thị Hồng Tiến	01/11/2002	1929	46	
1802	Nguyễn Thị Tiến	15/04/2003	1930	51	
1803	Lương Nhật Tim	31/01/2003	1931	55	
1804	Nguyễn Thị Toàn	22/04/1997	1932	72	
1805	Võ Hoàng Trang	16/05/2003	1933	47	
1806	Trần Huyền Trang	06/10/2000	1934	49	
1807	Võ Kiều Trang	14/07/2001	1935	64	
1808	Lữ Quỳnh Trang	13/08/2002	1936	43	
1809	Nguyễn Quỳnh Trang	04/08/2003	1937	69	
1810	Ca Thị Trang	28/03/2003	1939	45	
1811	Phạm Thị Cao Hà Trang	13/11/2002	1940	59.5	
1812	Hồ Thị Trang	04/07/1993	1941	33	
1813	Đặng Thị Huyền Trang	19/05/2003	1942	57	
1814	Lê Thị Huyền Trang	18/08/1997	1943	53	
1815	Ngô Thị Huyền Trang	26/06/2003	1944	52	
1816	Nguyễn Thị Huyền Trang	26/09/1992	1945	73.5	
1817	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/03/1998	1946	73.5	
1818	Nguyễn Thị Huyền Trang	19/08/2002	1947	65.5	
1819	Nguyễn Thị Huyền Trang	11/04/2003	1948	80.5	
1820	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/04/2003	1949	47	
1821	Nguyễn Thị Huyền Trang	07/10/2003	1950	4.5	
1822	Hoàng Thị Linh Trang	22/09/2003	1951	75	
1823	Mai Thị Trang	16/07/1995	1952	53	
1824	Trần Thị Mai Trang	01/02/2001	1953	67.5	
1825	Trần Thị Minh Trang	28/11/2003	1954	53	
1826	Nguyễn Thị Trang	20/01/2000	1955	62.5	
1827	Nguyễn Thị Trang	22/09/2002	1956	52.5	
1828	Nguyễn Thị Trang	02/03/2003	1957	43	
1829	Nguyễn Thị Trang	04/03/2003	1958	50.5	
1830	Nguyễn Thị Trang	20/05/2003	1959	70.5	
1831	Nguyễn Thị Trang	13/08/2003	1960	59.5	
1832	Lương Thị Phương Trang	20/08/2003	1962	41.5	
1833	Hoàng Thị Quỳnh Trang	17/04/2003	1963	51	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1834	Hoàng Thị Quỳnh Trang	19/12/2003	1964	78	
1835	Ngân Thị Quỳnh Trang	21/12/2003	1965	45	
1836	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	15/07/2003	1966	67.5	
1837	Thái Thị Thu Trang	17/10/2003	1968	50	
1838	Trần Thị Thu Trang	11/11/2003	1969	50.5	
1839	Lê Thị Thủy Trang	05/09/1999	1970	77.5	
1840	Phan Thị Thủy Trang	02/02/1998	1971	52.5	
1841	Vũ Thị Thủy Trang	14/03/2003	1972	61.5	
1842	Lộc Thị Thùy Trang	01/01/2003	1974	60	
1843	Lê Thị Hương Trà	13/06/2002	1975	51	
1844	Trần Thị Hương Trà	26/03/2003	1976	72	
1845	Nguyễn Thị Trà	10/06/2000	1977	74.5	
1846	Nguyễn Thị Phương Trà	11/03/2003	1978	66.5	
1847	Cao Thị Thanh Trà	22/08/2003	1979	77	
1848	Lô Ngọc Trâm	25/05/2003	1981	84.5	
1849	Đặng Thị Ngọc Trâm	10/11/2003	1982	76	
1850	Phan Thị Ngọc Trâm	10/04/2003	1983	63.5	
1851	Nguyễn Thị Trâm	28/07/2003	1985	68	
1852	Đặng Thị Quỳnh Trâm	24/04/2003	1986	74.5	
1853	Nguyễn Phạm Kiều Trinh	15/08/2003	1987	71.5	
1854	Hoàng Thị Trinh	25/06/1995	1988	65	
1855	Hà Thị Tuyết Trinh	26/09/2003	1989	68.5	
1856	Nguyễn Tú Trinh	08/01/2003	1990	47.5	
1857	Thò A Trinh	02/01/2000	1991	45.5	
1858	Lương Minh Trị	14/11/2001	1992	33	
1859	Trương Thị Trúc	17/10/2003	1993	63	
1860	Lang Sơn Trường	12/11/2000	1994	58	
1861	Đặng Thị Trường	13/09/2003	1995	48	
1862	Hà Minh Tuệ	16/01/2003	1996	42	
1863	Lương Thị Hồng Tuyết	26/09/2003	1997	38	
1864	Ngô Thị Ngọc Tuyết	23/03/1995	1998	76	
1865	Vy Thị Cẩm Tú	27/09/2002	1999	40.5	
1866	Nguyễn Thị Tú	05/11/2003	2000	50	
1867	Trần Thị Tú	15/07/2003	2001	58	
1868	Vi Thị Tý	03/09/2002	2002	42	
1869	Lô Đại Từ	11/10/2002	2003	50.5	
1870	Lương Thị Bé Uyên	17/01/2003	2004	38.5	
1871	Chích Thị Uyên	07/05/1998	2005	34	
1872	Lô Thị Uyên	11/06/2001	2006	59.5	
1873	Lưu Thị Uyên	22/12/1994	2007	36	
1874	Trần Thị Ngọc Uyên	20/06/2001	2008	39.5	
1875	Vi Thị Phương Uyên	09/07/2000	2009	71.5	
1876	Đinh Thị Thảo Uyên	25/10/2003	2010	61.5	
1877	Nguyễn Thị Thu Uyên	27/07/1997	2011	63	
1878	Đặng Thị Tú Uyên	28/12/2003	2012	71	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1879	Nguyễn Thị Tú Uyên	31/07/2003	2013	65	
1880	Nguyễn Thị Tú Uyên	06/11/2003	2014	65.5	
1881	Đinh Khánh Vân	16/07/2003	2015	39	
1882	Bùi Thị Cẩm Vân	24/11/2003	2016	62	
1883	Nguyễn Thị Cẩm Vân	27/08/2002	2017	62	
1884	Phan Thị Diệu Vân	30/04/2003	2018	84	
1885	Cao Thị Hồng Vân	07/02/2000	2019	60	
1886	Nguyễn Thị Hồng Vân	01/08/2002	2020	32.5	
1887	Nguyễn Thị Hồng Vân	13/08/2003	2021	81	
1888	Vi Thị Hồng Vân	17/02/1993	2022	42.5	
1889	Trần Thị Khánh Vân	22/06/2003	2023	77.5	
1890	Nguyễn Thị Linh Vân	16/09/2003	2024	58	
1891	Nguyễn Thị Thảo Vân	19/05/2002	2026	70	
1892	Thái Thị Vân	26/03/2003	2027	82	
1893	Vi Thị Vân	07/09/2002	2028	56	
1894	Phan Lê Thảo Vi	01/11/2003	2029	57.5	
1895	Bùi Thị Viện	10/10/1993	2030	62	
1896	Nguyễn Thị Vinh	12/12/1994	2032	60.5	
1897	Phạm Thị Vinh	01/01/1997	2033	62.5	
1898	Nguyễn Thảo Vy	06/01/2003	2034	59	
1899	Nguyễn Thảo Vy	22/10/2003	2035	33.5	
1900	Võ Thị Khánh Vy	22/03/2002	2036	52	
1901	Lô Thị Yến Vy	13/02/2003	2037	74	
1902	Vi Thùy Vy	10/02/2001	2038	71	
1903	Hà Yến Vy	23/08/2003	2039	72	
1904	Cụt Thị Xảo	24/09/1994	2040	45.5	
1905	Kha Thị Xoan	25/02/1996	2041	24	
1906	Nguyễn Thị Xoan	11/04/2003	2042	49.5	
1907	Moong Thị Xom	12/05/1998	2043	30	
1908	Cao Quỳnh Xuân	04/03/2003	2044	67.5	
1909	Hồ Thị Xuân	13/01/2002	2045	66	
1910	Lê Thị Xuân	11/12/2003	2046	71	
1911	Nguyễn Thị Thanh Xuân	18/07/2002	2047	62.5	
1912	Hoàng Hải Yến	18/01/2003	2048	59	
1913	Nguyễn Hải Yến	18/10/2003	2049	65	
1914	Lô Thị Quỳnh Anh	21/02/1988	2050	27	
1915	Võ Thị Vân Anh	13/09/1991	2052	35	
1916	Hoàng Thị Thủy Dương	14/06/1999	2054	41.5	
1917	Nguyễn Thị Hoài Giang	23/11/1991	2055	59	
1918	Nguyễn Thị Thu Hiền	04/05/1993	2056	44	
1919	Lê Thị Lộc	08/04/1989	2057	67	
1920	Trần Thị Kim Nga	20/09/1986	2058	47	
1921	Trần Thị Trang Nhung	10/10/1989	2059	56.5	
1922	Hồ Thị Cẩm Tú	06/08/2000	2060	46	
1923	Phan Thị Vân	10/04/1983	2061	73	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1924	Trần Thị Vân	25/12/1985	2062	46	
1925	Phạm Hải Yến	04/12/2003	2063	50	
1926	Cao Hoàng Yến	01/03/2000	2064	21	
1927	Lê Phi Yến	09/11/2003	2065	35	
1928	Bùi Thị Yến	04/07/2003	2066	42	
1929	Dương Thị Hải Yến	15/12/2003	2067	34	
1930	Nguyễn Thị Hải Yến	22/03/2002	2068	35	
1931	Phan Thị Hải Yến	05/10/2001	2069	51	
1932	Sầm Thị Hải Yến	02/05/2003	2070	32.5	
1933	Trần Thị Hải Yến	28/09/2003	2071	70	
1934	Trần Thị Hải Yến	29/09/2003	2072	65	
1935	Lê Thị Ngọc Yến	12/11/2003	2073	55.5	
1936	Phạm Thị Yến	19/10/2003	2074	36.5	
1937	Nguyễn Thị Phi Yến	04/06/2003	2075	54	
1938	Trần Thị Yến	05/08/2002	2076	50.5	
1939	Đậu Quỳnh Chi	14/03/2003	2077	36	
1940	Nguyễn Thị Thu Hiền	27/10/1987	2078	48.5	
1941	Nguyễn Thị Khôi	15/11/1988	2079	59	
1942	Hoàng Đức Anh	04/09/1999	2081	54	
1943	Dương Thị Chiến	07/12/1994	2082	69	
1944	Nguyễn Thị Thủy Dung	17/01/2003	2083	64.5	
1945	Nguyễn Công Dũng	01/02/2003	2084	81.5	
1946	Phan Thị Hiếu	16/05/1991	2085	79	
1947	Hoàng Thị Hoà	10/12/1987	2086	77	
1948	Nguyễn Thị Hòa	05/09/1990	2087	66.5	
1949	Hà Văn Long	01/04/1992	2088	75.5	
1950	Nguyễn Quỳnh Lương	28/06/2001	2089	80.5	
1951	Phạm Thị Nga	11/08/1988	2090	68.5	
1952	Lang Thị Hoài Nhi	07/01/2003	2091	58	
1953	Nguyễn Thị Hồng Nhung	17/12/2003	2092	82	
1954	Hoàng Đình Phương	01/12/2003	2093	78	
1955	Nguyễn Minh Quân	01/10/2003	2094	75.5	
1956	Nguyễn Thị Kim Sang	24/01/2001	2095	74.5	
1957	Nguyễn Văn Sỹ	15/06/1988	2096	72	
1958	Phạm Thị Thanh	04/04/1985	2097	84.5	
1959	Hà Minh Thống	04/08/2003	2098	80.5	
1960	Lê Thị Thu Trang	15/12/2003	2099	81.5	
1961	Hà Huy Tuấn	27/03/1996	2100	79	
1962	Lô Sầm Thu Uyên	18/12/2002	2101	82	
1963	Lương Thị Hoàng Yến	10/02/1995	2102	64	
1964	Nguyễn Quốc Bảo	15/02/1990	2103	25	
1965	Trương Anh Dũng	01/09/2001	2105	42	
1966	Lê Thị Dương	05/02/1987	2106	59	
1967	Phan Ngọc Đức	19/01/2000	2107	41.5	
1968	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	06/03/2000	2108	23.5	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
1969	Lê Thị Hiền	26/01/2001	2109	36.5	
1970	Thái Minh Hiếu	31/03/2000	2110	30.5	
1971	Cảnh Thị Mai Hương	30/10/1994	2111	43.5	
1972	Hoàng Thị Sao Mai	04/11/1998	2113	34	
1973	Nguyễn Hữu Mạnh	24/04/1996	2114	23	
1974	Ngũ Thị Oanh	05/04/1993	2115	27.5	
1975	Phan Đình Quang	28/03/2001	2116	24	
1976	Thái Hữu Cảnh Quang	02/05/1995	2117	25	
1977	Cao Thị Quang	11/05/1991	2118	57.5	
1978	Nguyễn Thế Quyết	20/05/1991	2119	43	
1979	Trương Văn Sơn	18/06/1995	2121	29	
1980	Lê Cảnh Tài	26/07/1995	2122	41.5	
1981	Nguyễn Thị Phương Thảo	28/09/1995	2123	51.5	
1982	Võ Thị Thu	02/06/1989	2125	74.5	
1983	Hoàng Nghĩa Trường	14/02/1989	2126	70	
1984	Xeo Văn Uyển	19/10/2003	2127	15	
1985	Nguyễn Quang Vĩnh	16/07/1984	2128	55	
1986	Hoàng Tuấn Anh	20/08/2003	2129	37	
1987	Nguyễn Việt Anh	31/08/2003	2130	23	
1988	Phạm Thị Ánh	01/03/2003	2131	41	
1989	Nguyễn Kim Bình	15/02/1997	2132	20	
1990	Nguyễn Văn Chung	12/04/1990	2133	24	
1991	Võ Anh Đức	01/02/2003	2135	27.5	
1992	Trịnh Thị Thu Hằng	15/02/1990	2137	27	
1993	Nguyễn Mai Hiền	02/02/2002	2138	51	
1994	Dương Đình Hoàng Hiệp	17/10/2003	2139	30	
1995	Bùi Đức Hoà	25/03/2002	2140	36	
1996	Nguyễn Quang Huy	21/12/2003	2141	35	
1997	Lê Mạnh Hùng	19/08/1981	2142	32.5	
1998	Phan Vũ Sơn Lâm	26/01/2003	2143	39	
1999	Nguyễn Lê Khánh Linh	02/02/2001	2144	59.5	
2000	Tăng Thị Linh	01/10/1995	2145	53	
2001	Lê Sỹ Long	07/08/1990	2146	25.5	
2002	Trần Sơn Nam	27/10/2002	2147	24.5	
2003	Nguyễn Thị Việt Phương	07/06/2003	2148	15.3	Đị xử lý cam cáo do vi phạm quy chế thi
2004	Trần Văn Phương	15/07/1994	2149	52.5	
2005	Trương Đắc Bảo Quốc	07/05/2003	2150	25	
2006	Lê Sỹ Sơn	14/10/2003	2151	23	
2007	Đặng Bá Tài	02/03/2001	2152	39	
2008	Tô Duy Tài	28/08/2003	2153	35	
2009	Nguyễn Đình Anh Tài	28/02/2001	2154	7.5	
2010	Cao Thị Quỳnh Anh	30/10/1998	2155	72	
2011	Nguyễn Thị Thu Hà	28/07/1987	2156	36.5	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2012	Hoàng Thị Hạnh	19/09/1992	2157	46	
2013	Nguyễn Thị Huyền	13/04/2000	2158	57	
2014	Phan Thị Hương	10/07/1985	2159	64	
2015	Cao Thị Thu Hương	27/08/1996	2160	50	
2016	Đào Thị Lụa	20/11/1991	2161	41	
2017	Nguyễn Thị Lụa	11/05/1999	2162	57.5	
2018	Nguyễn Cảnh Anh	06/08/2002	2163	66.5	
2019	Phạm Thị Thu Hoài	06/08/1992	2166	48.5	
2020	Hoàng Văn Huy	05/09/1993	2167	60.5	
2021	Phùng Ngọc Minh	19/12/2003	2168	54	
2022	Nguyễn Thị Thắm	26/01/1993	2169	55	
2023	Nguyễn Thị Thuỳ	18/04/1991	2170	53	
2024	Lê Thị Hoàng Trang	03/08/2001	2171	26	
2025	Nguyễn Văn Tân	24/02/1991	2173	41	
2026	Hoàng Đạt Thành	23/03/1987	2174	34	
2027	Đình Văn Thiện	06/07/1988	2175	59	
2028	Hồ Thị Thơm	08/04/1991	2176	32.5	
2029	Bùi Thị Cẩm Trúc	06/08/2002	2177	27.5	
2030	Vi Nguyễn Trường	09/10/2003	2178	35	
2031	Nguyễn Văn Tuấn	10/09/1986	2179	56	
2032	Đặng Đình Tý	07/12/1996	2180	48.5	
2033	Phạm Thị Quỳnh Anh	21/11/1991	2181	57	
2034	Chu Đình Dũng	10/11/1977	2182	44	
2035	Trần Duy Đức	24/08/2003	2183	66	
2036	Hoàng Thị Giang	06/10/2000	2184	76	
2037	Đỗ Thị Hương	04/01/1988	2186	84	
2038	Nguyễn Thị Nga	18/08/1992	2187	62	
2039	Nguyễn Sông Ngân	08/12/2000	2188	72	
2040	Hồ Thị Hồng Ngọc	30/04/1998	2189	53.5	
2041	Chu Thị Nguyệt	06/04/1997	2190	79	
2042	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/11/1987	2191	78	
2043	Trương Minh Phương	25/12/2003	2192	75.5	
2044	Lê Quốc Sang	08/02/1994	2193	79.5	
2045	Nguyễn Thị Tâm	28/02/1994	2194	51	
2046	Hoàng Thị Thanh	06/02/1997	2195	52.5	
2047	Nguyễn Thị Lan Thanh	12/12/1982	2196	50.5	
2048	Lê Thị Thảo	17/05/1986	2197	66	
2049	Phan Thị Thảo	06/06/1990	2198	66.5	
2050	Bùi Đình Thắng	04/08/1998	2199	52	
2051	Võ Thị Thơm	04/10/1992	2200	73.5	
2052	Nguyễn Thị Anh Thu	12/06/2003	2201	73	
2053	Hoàng Thị Huyền Trang	22/01/1991	2202	61.5	
2054	Phạm Thị Thanh Trà	03/05/1991	2203	75	
2055	Nguyễn Bá Tùng	08/11/1991	2204	76	
2056	Nguyễn Thị Hồng Vân	28/07/1981	2205	80.5	

Handwritten signature and initials in blue ink.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2057	Nguyễn Thị An	27/08/2003	2208	35	
2058	Nguyễn Thị Thùy An	21/12/1995	2209	55.5	
2059	Lê Hồ Quỳnh Anh	30/04/2003	2210	50	
2060	Ngô Lê Vũ Anh	20/06/2003	2211	19	
2061	Giản Mai Anh	28/06/2003	2212	29.5	
2062	Phạm Quỳnh Anh	10/01/2003	2214	56.5	
2063	Đặng Thị Ngọc Anh	31/12/2002	2215	86.5	
2064	Lê Thị Ngọc Anh	28/08/2000	2216	24	
2065	Đinh Thị Quỳnh Anh	06/05/2003	2217	54	
2066	Trần Thị Quỳnh Anh	26/04/2003	2218	17	
2067	Hoàng Thùy Anh	24/11/2003	2219	52	
2068	Hồ Thục Anh	24/09/2003	2220	45	
2069	Nguyễn Thục Anh	01/12/2003	2221	67	
2070	Nguyễn Ngọc Ánh	01/08/2002	2222	56.5	
2071	Trần Thị Hoài Ánh	10/09/2001	2223	29	
2072	Hồ Thị Bình	06/08/1997	2224	57.5	
2073	Hồ Thị Thanh Bình	10/11/2003	2225	29	
2074	Bùi Thị Thu Bình	12/01/2002	2226	31.5	
2075	Trần Thị Bình	26/08/2003	2227	64.5	
2076	Phạm Minh Châu	02/05/2003	2228	40.5	
2077	Hồ Thị Lương Châu	19/10/1999	2229	41	
2078	Văn Thị Khánh Chi	04/01/2003	2230	25.5	
2079	Lê Thị Linh Chi	02/03/2003	2231	47.5	
2080	Nghiêm Thị Mai Chi	25/08/2003	2232	59	
2081	Lê Thị Ngọc Dung	30/05/1996	2233	54	
2082	Hoàng Thị Duyên	01/05/2001	2234	58.5	
2083	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	21/04/2003	2235	30.5	
2084	Nguyễn Khánh Dương	18/11/2000	2236	53.5	
2085	Nguyễn Thị Thuý Dương	08/07/2003	2237	53.5	
2086	Nguyễn Phan Linh Đan	03/10/2003	2238	70.5	
2087	Nguyễn Quỳnh Giang	26/09/2003	2239	64.5	
2088	Phạm Thị Hương Giang	04/03/2003	2240	34.5	
2089	Nguyễn Thị Hoàng Hà	03/06/2003	2241	35.5	
2090	Nguyễn Thị Nhật Hạ	12/10/2003	2242	66.5	
2091	Phan Thị Mỹ Hạnh	16/07/2003	2243	35.5	
2092	Nguyễn Thị Hạnh	20/11/1994	2244	50.5	
2093	Nguyễn Thị Hạnh	10/10/2001	2245	58	
2094	Nguyễn Thị Hạnh	16/10/2001	2246	60.5	
2095	Trần Thị Hạnh	20/10/1997	2247	65.5	
2096	Nguyễn Thị Kim Hằng	22/09/2002	2248	78.5	
2097	Lê Thúy Hằng	17/08/2003	2249	50.5	
2098	Trần Thị Thu Hiền	23/09/2003	2250	52.5	
2099	Đặng Thị Hiền	14/04/1997	2251	45.5	
2100	Hồ Thị Hiền	28/09/2002	2252	50.5	
2101	Nguyễn Thị Hiền	12/06/1996	2253	57.5	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2102	Nguyễn Thị Hiền	09/04/2003	2254	50.5	
2103	Hồ Thị Thu Hiền	03/05/2003	2255	55.5	
2104	Lê Thị Thu Hiền	23/07/2003	2256	54.5	
2105	Hoàng Thị Thúy Hiền	20/12/2002	2257	60.5	
2106	Phan Thị Thúy Hiền	06/08/2003	2258	63.5	
2107	Phan Thúy Hiền	19/09/2003	2259	30	
2108	Bùi Thị Hiệp	10/05/1996	2260	70.5	
2109	Hồ Thị Hoa	11/04/2001	2262	53.5	
2110	Nguyễn Thị Hoa	03/03/1992	2263	60.5	
2111	Nguyễn Thị Hoài	16/02/2003	2264	58	
2112	Trần Thị Hoàn	08/03/2003	2265	36	
2113	Nguyễn Thái Hoàng	17/01/1999	2266	43.5	
2114	Nguyễn Thị Thu Hồng	06/06/2001	2267	41	
2115	Nguyễn Thị Hợi	19/05/1995	2268	50.5	
2116	Hồ Thị Huệ	03/01/2002	2269	69.5	
2117	Hồ Ngọc Huyền	30/06/2003	2270	30.5	
2118	Dương Thị Khánh Huyền	25/06/2001	2271	64.5	
2119	Phan Thị Khánh Huyền	08/02/2003	2272	44.5	
2120	Nguyễn Thị Huyền	02/02/1996	2273	76.5	
2121	Nguyễn Thị Huyền	02/08/1997	2274	66.5	
2122	Nguyễn Thị Huyền	18/11/2003	2275	64	
2123	Lương Thị Thanh Huyền	20/11/2003	2277	59.5	
2124	Nguyễn Thị Thanh Huyền	07/04/2003	2278	45.5	
2125	Nguyễn Diệu Hương	25/04/2003	2279	40.5	
2126	Đậu Thị Hương	04/04/1998	2280	70.5	
2127	Nguyễn Thị Linh Hương	27/02/2003	2281	23.5	
2128	Nguyễn Thị Hương	15/11/2002	2282	62.5	
2129	Phạm Thị Hương	02/07/1994	2283	65.5	
2130	Nguyễn Thị Thu Hương	24/02/2001	2284	72.5	
2131	Lê Thu Hương	27/10/1998	2285	44.5	
2132	Nguyễn Thị Hường	22/01/2002	2286	62.5	
2133	Bùi Thị Lan Kiều	23/01/2003	2287	54.5	
2134	Phan Thị Thanh Lam	19/07/1993	2288	64.5	
2135	Trần Thị Lan	03/01/1992	2289	63.5	
2136	Nguyễn Thị Hoa Lê	07/11/1990	2290	65.5	
2137	Nguyễn Thị Liên	10/01/1987	2291	46.5	
2138	Dương Khánh Linh	21/08/2003	2292	50	
2139	Lê Mai Linh	01/09/2003	2293	45.5	
2140	Mai Thị Linh	08/12/2002	2295	82.5	
2141	Nguyễn Thị Mai Linh	23/06/2003	2296	38	
2142	Trần Thị Ngọc Linh	22/12/2003	2297	63	
2143	Ngô Thị Thủy Linh	08/06/1985	2298	64.5	
2144	Nguyễn Thị Thùy Linh	09/02/2002	2299	35.5	
2145	Phạm Thị Tiên Linh	17/09/1998	2300	33	
2146	Lê Thị Tú Linh	19/04/2003	2301	11.5	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2147	Nguyễn Vũ Thuỳ Linh	08/03/2002	2302	40.5	
2148	Cao Thị Loan	09/02/1989	2303	45.5	
2149	Nguyễn Hồng Khánh Ly	22/10/2003	2304	50.5	
2150	Hà Khánh Ly	17/08/2003	2305	28.5	
2151	Nguyễn Thị Ly	30/08/1997	2307	25.5	
2152	Nguyễn Phương Mai	01/06/2003	2308	54.5	
2153	Nguyễn Thị Mai	20/06/2003	2309	81.5	
2154	Nguyễn Thị Mến	09/04/2002	2311	58.5	
2155	Cù Diệu Minh	01/10/1995	2312	63.5	
2156	Hồ Thị Minh	21/07/1992	2313	38.5	
2157	Nguyễn Hà An Na	19/01/2003	2314	45.5	
2158	Trần Lê Na	18/07/2003	2315	44.5	
2159	Hà Thị Na	25/01/2002	2316	54.5	
2160	Hồ Diệu Nga	17/10/2003	2317	51.5	
2161	Lê Thị Nga	24/07/2003	2318	41.5	
2162	Lương Thị Nga	20/11/1997	2319	78	
2163	Nguyễn Thị Nga	01/09/2003	2320	65.5	
2164	Đặng Thị Quỳnh Nga	25/07/2003	2321	30.5	
2165	Nguyễn Thị Ngân	10/09/2003	2322	77.5	
2166	Trần Thị Ngân	15/08/2003	2323	45.5	
2167	Nguyễn Thị Hồng Nghĩa	17/03/2002	2324	76	
2168	Hồ Thị Ngọc	08/02/1994	2325	36	
2169	Nguyễn Thị Nhân	04/09/2001	2328	47	
2170	Tổng Hạ Nhi	01/06/2003	2329	63	
2171	Phan Nguyễn Yến Nhi	19/09/2003	2330	31.5	
2172	Trần Thị Khánh Nhi	25/01/2003	2332	45	
2173	Nguyễn Thị Uyên Nhi	26/03/2002	2333	41	
2174	Nguyễn Thị Yến Nhi	30/04/1998	2334	43	
2175	Trần Lê Thảo Nhung	15/11/2003	2335	43.5	
2176	Lưu Thị Nhung	10/08/2003	2337	45	
2177	Nguyễn Thị Nhung	26/04/1999	2338	39.5	
2178	Nguyễn Thị Nhung	09/10/2003	2339	81	
2179	Hồ Thị Thùy Nhung	20/09/2003	2340	75.5	
2180	Bùi Thị Tố Như	09/09/1994	2341	67	
2181	Hồ Thị Kim Oanh	03/07/2003	2342	50.5	
2182	Nguyễn Thị Kim Oanh	30/11/2003	2343	43	
2183	Đinh Mai Phương	01/12/2002	2345	68	
2184	Nguyễn Ngọc Hà Phương	07/10/2003	2346	39.5	
2185	Hồ Thị Phương	14/11/2002	2347	33.5	
2186	Nguyễn Thị Linh Phương	15/02/2003	2348	65	
2187	Lê Thị Thu Phương	18/11/2003	2349	37.5	
2188	Nguyễn Việt Phương	06/09/1995	2350	13.5	
2189	Phạm Thị Kim Phương	28/08/2003	2351	50	
2190	Lê Thị Quế	16/09/2003	2352	44.5	
2191	Lô Thị Hồng Quyết	05/10/1992	2353	70.5	

th 26 25
B.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2192	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	13/03/2003	2354	45.5	
2193	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	08/11/2003	2355	57.5	
2194	Nguyễn Thị Diệu Quỳnh	19/07/2003	2357	29	
2195	Nguyễn Thị Sen	14/10/2003	2359	69	
2196	Lưu Nguyên Sương	12/12/2003	2360	15.5	
2197	Nguyễn Thị Sương	09/05/2002	2361	51	
2198	Hồ Thị Tâm	06/11/1994	2362	71	
2199	Nguyễn Thị Tâm	26/03/1983	2363	51	
2200	Bùi Thị Thanh Tâm	02/04/2003	2364	53	
2201	Nguyễn Thị Thanh Tâm	21/05/2003	2365	13	
2202	Vi Thị Tâm	12/01/1994	2366	40.5	
2203	Hoàng Thị Thanh	01/10/2002	2367	45.5	
2204	Nguyễn Thị Thanh	24/10/1983	2368	32	
2205	Phạm Thị Thành	30/10/2002	2369	59.5	
2206	Nguyễn Phương Thảo	27/11/2002	2370	34	
2207	Cao Thị Thảo	26/06/2003	2371	71	
2208	Đậu Thị Thảo	22/02/1995	2372	39.5	
2209	Nguyễn Thị Hoàng Thảo	26/02/1998	2373	22	
2210	Hồ Thị Thảo	07/11/2002	2374	51	
2211	Thái Thị Hương Thảo	08/05/2002	2375	41.5	
2212	Lê Thị Minh Thảo	02/04/2002	2376	33.5	
2213	Nguyễn Thị Thảo	09/07/2003	2377	53.5	
2214	Dương Thị Phương Thảo	18/01/2002	2378	55.5	
2215	Lê Thị Phương Thảo	06/09/2002	2380	24	
2216	Trần Thị Phương Thảo	21/03/2003	2381	56.5	
2217	Đinh Thị Thu Thảo	06/02/2003	2382	52	
2218	Giao Thị Thu Thảo	12/12/1995	2383	36.5	
2219	Vi Thị Kim Thoan	14/09/2003	2384	46.5	
2220	Vi Thị Thơ	14/04/1993	2385	35.5	
2221	Lương Kim Thơm	22/08/1997	2386	63.5	
2222	Lê Thị Thơm	26/10/1997	2387	50.5	
2223	Trần Thị Thu	08/04/1988	2388	50.5	
2224	Lê Thị Thủy	06/04/1994	2389	35.5	
2225	Nguyễn Thị Lệ Thủy	25/11/2000	2390	46.5	
2226	Lê Thị Thúy	09/08/2003	2391	40.5	
2227	Dương Thị Thanh Thúy	30/03/1992	2392	46.5	
2228	Nguyễn Khánh Thư	14/11/2003	2393	37.5	
2229	Nguyễn Thị Anh Thư	27/06/2003	2394	83.5	
2230	Nguyễn Cảnh Huyền Thương	13/10/2002	2395	19.5	
2231	Nguyễn Thị Thương	27/10/2001	2396	46.5	
2232	Bùi Thị Tiến	12/10/1997	2397	74.5	
2233	Lò Thị Tính	23/02/1995	2398	51.5	
2234	Hoàng Quỳnh Trang	27/04/2003	2399	24.5	
2235	Hoàng Thị Trang	11/11/1998	2400	19	
2236	Đặng Thị Phương Trang	01/01/2003	2401	30.5	

2/2/2003

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2237	Bùi Thị Quỳnh Trang	07/08/2003	2402	30.5	
2238	Nguyễn Thị Thu Trang	26/08/1997	2403	74	
2239	Trần Thị Thu Trang	15/04/2002	2404	56.5	
2240	Nguyễn Thị Hương Trà	17/04/2003	2405	44.5	
2241	Nguyễn Thị Trúc	28/07/2003	2406	44	
2242	Lê Thị Tuyết	04/02/1993	2407	50.5	
2243	Nguyễn Thị Tuyết	28/02/1997	2408	21.5	
2244	Bùi Thị Cẩm Tú	23/10/2002	2409	64.5	
2245	Trần Khánh Tú Uyên	19/12/2003	2410	63.5	
2246	Nguyễn Ngọc Uyên	28/06/2003	2411	45.5	
2247	Nguyễn Thị Thu Uyên	11/05/2003	2412	50.5	
2248	Nguyễn Thị Uyên	15/08/2003	2413	50.5	
2249	Nguyễn Thị Cẩm Vân	05/03/2002	2414	39.5	
2250	Lê Thị Vân	19/08/2003	2415	44	
2251	Lê Thị Vân	15/09/2003	2416	69.5	
2252	Nguyễn Thị Vân	28/09/1996	2417	38.5	
2253	Nguyễn Thị Vân	01/12/1998	2418	47.5	
2254	Sầm Thị Vân	01/10/1992	2419	40.5	
2255	Cao Thị Hà Vi	25/09/2003	2420	58.5	
2256	Mai Thị Hà Vi	13/05/2002	2421	55.5	
2257	Phạm Khánh Vy	20/07/2003	2422	45.5	
2258	Trần Thị Tường Vy	28/04/2003	2423	51.5	
2259	Kiều Yến Vy	09/01/2004	2424	63.5	
2260	Lê Thị Xuân	24/08/1999	2425	66.5	
2261	Lê Thị Xuân	17/05/2001	2426	42.5	
2262	Vi Hải Yến	01/07/1984	2428	66.5	
2263	Đỗ Thị Yến	23/01/2003	2429	32.5	
2264	Vũ Hải An	07/02/2002	2430	59	
2265	Lê Hoàng Hoài An	13/09/2003	2431	76.5	
2266	Hồ Ngọc Bảo An	09/03/2003	2432	52.5	
2267	Hồ Thị Hoài An	10/12/2001	2433	66	
2268	Bùi Thị Thuý An	16/01/2003	2434	61	
2269	Nguyễn Trần Hải An	01/11/2003	2435	57	
2270	Nguyễn Hà Hoài Anh	25/11/2003	2436	46	
2271	Nguyễn Hà Anh	21/05/2002	2437	36.5	
2272	Phan Hiền Anh	29/09/2002	2438	80	
2273	Nguyễn Kim Việt Anh	20/06/2003	2439	54	
2274	Phạm Linh Anh	01/09/2003	2440	60	
2275	Phan Nhật Mai Anh	23/01/2003	2441	73	
2276	Hồ Phương Anh	01/01/2003	2442	53	
2277	Trần Phương Anh	04/07/2003	2443	65	
2278	Võ Thảo Anh	09/03/2003	2444	66	
2279	Trần Thị Hoàng Anh	08/07/2003	2445	38	
2280	Lê Thị Hồng Anh	09/12/2003	2446	56	
2281	Tô Thị Ngọc Anh	29/11/2003	2448	66	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2282	Nguyễn Thị Anh	22/08/2003	2449	52	
2283	Nguyễn Thị Phương Anh	09/03/2003	2450	60	
2284	Lê Thị Ngọc Ánh	07/08/2003	2451	65	
2285	Lê Thị Ngọc Ánh	08/10/2003	2452	57	
2286	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/07/2002	2453	53	
2287	Trần Trương Ngọc Ánh	06/04/2003	2454	65.5	
2288	Phan Văn Bắc	10/01/1992	2456	35	
2289	Phan Thị Y Bình	20/11/2003	2457	65	
2290	Phạm Thúy Bình	20/12/2003	2458	51.5	
2291	Lý Quỳnh Châu	19/01/2003	2459	41	
2292	Nguyễn Thị Linh Chi	08/09/1997	2460	54	
2293	Nguyễn Thị Linh Chi	08/05/2002	2461	47	
2294	Nguyễn Thị Linh Chi	27/10/2003	2462	69	
2295	Trần Tiến Công	23/04/2003	2463	59	
2296	Phạm Văn Công	27/03/2001	2464	61.5	
2297	Đông Vinh Công	07/10/1997	2465	51	
2298	Đậu Hồ Hoàng Dung	23/11/2003	2467	50.5	
2299	Vi Nguyễn Phương Dung	29/06/2003	2468	44	
2300	Nguyễn Thị Thủy Dung	26/08/2003	2469	43.5	
2301	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	06/11/2003	2471	41	
2302	Phan Văn Dũng	22/08/2002	2472	31	
2303	Lê Đăng Dương	08/05/2003	2473	57	
2304	Lê Đoàn Thủy Dương	23/08/2003	2474	73	
2305	Ngô Thanh Quý Dương	09/09/2003	2475	54	
2306	Hoàng Thị Thủy Dương	28/11/2003	2476	46	
2307	Nguyễn Thị Thủy Dương	03/09/2003	2477	48	
2308	Phan Thị Thủy Dương	24/06/2002	2478	52	
2309	Nguyễn Thị Phương Đan	19/07/2003	2479	39	
2310	Nguyễn Xuân Đạo	04/01/2002	2480	56	
2311	Đinh Tuấn Đạt	23/11/2003	2482	58.5	
2312	Dương Đình Điền	11/02/2003	2483	55	
2313	Phạm Lý Đức	21/11/2000	2484	79.5	
2314	Trần Hương Giang	24/08/2003	2485	80	
2315	Nguyễn Ngọc Hương Giang	27/07/2003	2486	82	
2316	Hồ Thị Hà Giang	19/11/2003	2487	68	
2317	Phạm Thị Hà Giang	18/06/2003	2488	88.5	
2318	Nguyễn Thị Linh Giang	10/11/2002	2490	60	
2319	Nguyễn Thị Giang	19/08/2003	2491	90.5	
2320	Phan Nhật Hà	07/03/2003	2492	85	
2321	Nguyễn Thị Việt Hà	14/10/1997	2493	87	
2322	Nguyễn Thương Hà	02/07/2002	2494	69	
2323	Bùi Thị Hồng Hải	22/02/2003	2496	57.5	
2324	Phạm Hồng Hạnh	07/11/2002	2498	55	
2325	Hồ Thị Hạnh	15/01/2003	2499	51	
2326	Hoàng Thị Bích Hằng	22/12/2003	2500	50.5	

3/2/2004

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2327	Thái Thị Diệu Hằng	19/02/1997	2501	85	
2328	Nguyễn Thị Hằng	13/10/1993	2502	67	
2329	Nguyễn Thị Hằng	28/02/2001	2503	56	
2330	Nguyễn Thị Hằng	03/05/2003	2504	78	
2331	Phan Thị Hằng	15/01/2000	2505	57.5	
2332	Nguyễn Thị Thu Hằng	19/05/1996	2506	57.5	
2333	Trần Thị Hằng	28/02/1994	2507	83	
2334	Nguyễn Thuý Hằng	26/10/2003	2508	77	
2335	Nguyễn Thị Hậu	20/10/1988	2509	84	
2336	Trần Hoàng Hiền	15/08/2001	2510	55	
2337	Nguyễn Thị Hiền	19/12/2003	2511	56	
2338	Nguyễn Thị Thảo Hiền	07/03/2003	2512	70.5	
2339	Nguyễn Thị Thuý Hiền	09/09/2003	2513	52.5	
2340	Nguyễn Thu Hiền	07/12/2003	2514	68	
2341	Ngô Xuân Hiếu	10/08/1996	2515	51	
2342	Lý Thị Khánh Hoà	11/03/2003	2516	58	
2343	Lê Thị Hoà	03/08/2002	2517	42	
2344	Nguyễn Thị Hoà	24/06/2003	2518	70	
2345	Chu Thị Hoài	06/07/2001	2519	63	
2346	Ngô Thị Hoài	14/11/2003	2520	86	
2347	Lê Ngọc Hoàng	24/12/2002	2521	64.5	
2348	Hoàng Thị Hồng	07/09/1999	2522	78	
2349	Hồ Thị Hồng	05/11/2003	2523	55	
2350	Nguyễn Thị Hồng	26/10/2003	2524	38.5	
2351	Trần Thị Hợp	13/05/1998	2525	64	
2352	Phạm Thị Huế	03/11/2000	2526	55	
2353	Đặng Quang Huy	15/08/2003	2527	21	
2354	Nguyễn Khánh Huyền	18/10/2002	2529	46	
2355	Cao Minh Huyền	03/03/2003	2530	74	
2356	Lữ Thanh Huyền	25/04/1999	2531	53.5	
2357	Nguyễn Thị Khánh Huyền	23/12/2002	2532	59	
2358	Phùng Thị Khánh Huyền	28/02/2003	2533	61	
2359	Trần Thị Khánh Huyền	09/09/2003	2534	95.5	
2360	Nguyễn Thị Mai Huyền	16/11/2002	2535	74	
2361	Đặng Thị Tâm Huyền	17/08/2003	2536	59.5	
2362	Trần Thị Thanh Huyền	20/10/1995	2537	40	
2363	Vi Thị Thanh Huyền	03/12/2001	2538	43.5	
2364	Hoàng Như Hùng	25/11/2002	2539	40	
2365	Trần Thanh Hùng	08/09/2002	2540	43	
2366	Nguyễn Cảnh Hưng	18/12/2002	2541	63.5	
2367	Hồ Thị Hương	31/10/2003	2543	74	
2368	Trần Thị Quỳnh Hương	30/03/2000	2544	63	
2369	Đặng Thị Thanh Hòa	11/08/1997	2545	28	
2370	Phan Thị Kiều Khanh	28/04/2003	2546	45.5	
2371	Nguyễn Thị Khanh	15/06/2003	2547	52	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2372	Bùi Thị Lan	03/11/1993	2548	37	
2373	Phan Thị Ngọc Lan	27/04/2003	2549	42	
2374	Hoàng Thị Kim Liên	19/11/1997	2551	60.5	
2375	Lê Ái Linh	18/09/2003	2553	47	
2376	Nguyễn Bảo Linh	26/02/2000	2554	54	
2377	Mạnh Bùi Trang Linh	10/10/2003	2555	56.5	
2378	Nguyễn Hà Linh	20/11/2003	2556	72	
2379	Lê Khánh Linh	30/10/2001	2557	55	
2380	Trần Khánh Linh	26/08/2003	2558	55	
2381	Hồ Lê Mai Linh	29/12/2002	2559	31	
2382	Lê Mỹ Linh	07/02/2003	2560	35	
2383	Trần Nguyên Đức Linh	18/04/2002	2561	32	
2384	Hồ Phạm Khánh Linh	03/06/2003	2562	67.5	
2385	Nguyễn Phương Linh	18/07/2001	2563	51	
2386	Lê Thị Khánh Linh	06/12/2003	2565	58	
2387	Lê Thị Ngọc Linh	09/08/2003	2566	66	
2388	Nguyễn Thị Linh	08/05/1997	2567	61	
2389	Nguyễn Thị Linh	18/01/2001	2568	42	
2390	Nguyễn Thị Phương Linh	02/09/2001	2570	31	
2391	Nguyễn Thị Thủy Linh	03/08/2003	2571	59	
2392	Phạm Thủy Linh	02/10/1998	2572	77.5	
2393	Đào Thị Loan	20/08/2002	2573	39.5	
2394	Hồ Lê Hữu Long	28/09/2003	2574	60.5	
2395	Nguyễn Thị Lộc	15/03/2003	2575	74.5	
2396	Nguyễn Thị Lợi	14/01/1994	2576	51.5	
2397	Phan Thị Hà Ly	20/02/2003	2577	78	
2398	Lê Thị Mai	16/03/1992	2579	76	
2399	Phạm Thị Ngọc Mai	02/01/2003	2580	50.5	
2400	Nguyễn Thị Xuân Mai	31/03/2003	2581	67	
2401	Trần Hữu Mạnh	15/05/2002	2582	53.5	
2402	Bùi Thị Minh	20/06/1996	2583	57	
2403	Hồ Thị Hồng Minh	06/05/2003	2584	88.5	
2404	Nguyễn Xuân Minh	05/01/1996	2585	34	
2405	Nguyễn Thị Mơ	10/10/2003	2586	65.5	
2406	Phạm Thị Mùi	08/03/2003	2587	59.5	
2407	Nguyễn Thị Hà My	05/11/2003	2588	32	
2408	Hồ Thị Trà My	04/02/2003	2589	64	
2409	Ngô Thị Trà My	22/02/2003	2590	56	
2410	Nguyễn Thị Mỹ	05/05/1996	2591	67	
2411	Lê Na	25/08/2002	2592	62	
2412	Lê Thị Na	05/08/2001	2593	65	
2413	Thái Thị Ly Na	04/08/2003	2594	44	
2414	Nguyễn Trần Lê Na	23/04/2003	2595	44	
2415	Nguyễn Đình Nam	19/01/2003	2596	46.5	
2416	Võ Hoài Nam	08/09/2003	2597	48	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2417	Nguyễn Thị Nga	28/03/2003	2600	53.5	
2418	Phan Thị Nga	10/02/1995	2601	69	
2419	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	25/10/2002	2602	43.5	
2420	Trần Hoàng Ngân	17/01/2003	2603	66	
2421	Trần Thanh Ngân	15/05/2003	2604	62	
2422	Lê Thị Ngân	18/08/1994	2605	59.5	
2423	Nguyễn Thị Ngân	22/01/2003	2607	85.5	
2424	Nguyễn Thủy Ngân	01/11/1995	2608	39.5	
2425	Hoàng Minh Ngọc	08/02/2003	2609	72.5	
2426	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	15/11/2003	2610	76.5	
2427	Phạm Thị Minh Ngọc	11/01/2001	2611	74.5	
2428	Nguyễn Thị Ngọc	10/04/1994	2612	55.5	
2429	Nguyễn Thị Ngọc	06/12/1994	2613	45.5	
2430	Bùi An Thịnh Nguyên	06/02/2002	2614	50.5	
2431	Trần Thị Thảo Nguyên	09/01/2002	2615	59	
2432	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	03/01/2003	2616	86	
2433	Nguyễn Thị Nhân	15/03/2003	2617	73	
2434	Phạm Thị Linh Nhi	17/09/2003	2618	91.5	
2435	Bùi Thị Yến Nhi	27/08/2003	2619	46.5	
2436	Nguyễn Vũ Lâm Nhi	07/10/2003	2620	41	
2437	Nguyễn Phương Nhung	16/11/2003	2621	51	
2438	Lưu Thị Cẩm Nhung	25/10/2003	2622	56	
2439	Trương Thị Hồng Nhung	20/02/2002	2623	90.5	
2440	Nguyễn Thị Trang Nhung	22/11/2002	2624	31.5	
2441	Hồ Thị Quỳnh Như	19/10/2003	2625	80	
2442	Phan Thị Quỳnh Như	03/04/2001	2626	66	
2443	Bùi Thị Oanh	23/04/2001	2627	64.5	
2444	Đàm Thị Kiều Oanh	16/08/2003	2628	77	
2445	Nguyễn Thị Kiều Oanh	18/02/2003	2629	84.5	
2446	Phạm Thị Oanh	25/08/2002	2630	52	
2447	Trần Thị Thảo Oanh	12/02/2002	2631	65	
2448	Nguyễn Trọng Phong	01/05/1995	2632	5	
2449	Nguyễn Văn Phùng	20/11/2003	2633	61.5	
2450	Phan Văn Phú	05/12/2002	2634	58	
2451	Phan Xuân Phú	30/03/2003	2635	50.5	
2452	Nguyễn Khắc Phúc	22/08/2002	2636	24.5	
2453	Nguyễn Hà Phương	23/05/2003	2638	72.5	
2454	Hồ Nguyễn Xuân Phương	26/02/2003	2639	60.5	
2455	Nguyễn Thị Huyền Phương	12/08/2003	2640	75	
2456	Nguyễn Thị Phương	26/11/2002	2641	50.5	
2457	Lê Thị Quỳnh Phương	16/12/2003	2642	71	
2458	Võ Trọng Phước	06/09/1998	2643	69	
2459	Lê Thị Phượng	02/06/1997	2644	58	
2460	Trần Thị Phượng	17/10/2003	2645	65	
2461	Phan Anh Quân	07/11/2001	2646	39	

Thị 25 20
P3

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2462	Đình Việt Quân	18/08/2002	2647	43.5	
2463	Nguyễn Việt Quân	23/10/1998	2648	35.5	
2464	Trần Tú Quyên	26/09/2003	2649	54	
2465	Bùi Ngân Quỳnh	28/04/2002	2650	68	
2466	Nguyễn Như Quỳnh	03/04/2003	2651	74	
2467	Vũ Như Quỳnh	23/11/2002	2652	63.5	
2468	Nguyễn Thị Quỳnh	16/08/2001	2653	81	
2469	Hồ Thị Như Quỳnh	27/12/2002	2654	65	
2470	Nguyễn Thị Thanh Quý	23/03/2003	2655	51	
2471	Nguyễn Đắc Sơn	11/04/2003	2658	84	
2472	Nguyễn Hữu Sơn	28/11/1996	2659	75	
2473	Hoàng Văn Sỹ	17/05/2001	2660	50	
2474	Phan Văn Tài	28/08/2003	2661	30.5	
2475	Đỗ Thanh Tâm	11/04/2003	2662	52	
2476	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	02/11/2003	2663	66	
2477	Bùi Thị Thanh Tâm	23/11/2003	2664	54	
2478	Lê Thị Thanh Tâm	30/08/1996	2665	66	
2479	Nguyễn Thị Thanh Tâm	14/06/2003	2666	39	
2480	Phan Thị Kim Thanh	07/10/2003	2667	42	
2481	Hồ Thị Phương Thanh	22/08/2003	2668	60	
2482	Luyện Văn Thành	02/08/1989	2669	94	
2483	Hồ Phương Thảo	21/03/2003	2670	25	
2484	Nguyễn Phương Thảo	12/04/2003	2671	84	
2485	Hồ Thị Phương Thảo	17/11/2003	2672	66	
2486	Nguyễn Thị Phương Thảo	24/08/1999	2673	50	
2487	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/02/2003	2674	51	
2488	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/03/2003	2675	52	
2489	Cao Thị Thắm	05/09/2003	2676	56	
2490	Nguyễn Thị Thắm	19/04/1995	2677	48	
2491	Lô Thị Thiếp	15/10/2003	2679	71	
2492	Nguyễn Mai Thoa	14/02/2002	2680	67	
2493	Lê Anh Thọ	11/05/2002	2681	24	
2494	Lê Thị Thu	20/05/1997	2682	38	
2495	Trần Thị Phương Thủy	31/05/2002	2683	43	
2496	Lê Thị Thủy	17/09/1999	2684	48.5	
2497	Nguyễn Minh Thủy	10/01/2002	2685	38	
2498	Chu Thị Thủy	23/06/1998	2686	31	
2499	Vũ Thị Thanh Thủy	28/02/2002	2687	50	
2500	Lê Hoàng Thủy	29/01/2003	2688	70.5	
2501	Nguyễn Anh Thư	21/11/2001	2689	48.5	
2502	Võ Anh Thư	29/06/2003	2690	45.5	
2503	Trịnh Thị Minh Thư	11/06/2003	2691	42.5	
2504	Vi Thị Minh Thư	03/01/1998	2692	68.5	
2505	Phạm Thị Hoài Thương	31/05/2003	2693	75.5	
2506	Nguyễn Thị Thương	25/10/1997	2694	44	

Handwritten signature/initials in blue ink.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2507	Trần Thị Thương	20/04/2003	2695	51	
2508	Nguyễn Đức Tiệp	11/11/1999	2696	46	
2509	Đặng Thị Tình	17/01/1998	2697	48.5	
2510	Lê Bá Khánh Toàn	28/07/2000	2698	64.5	
2511	Hồ Hà Trang	08/09/2002	2699	57	
2512	Lê Hà Trang	09/09/2003	2700	53	
2513	Phạm Quỳnh Trang	28/08/2003	2701	65	
2514	Dương Thị Hà Trang	07/10/2003	2702	65	
2515	Hồ Thị Trang	26/07/2003	2704	56	
2516	Đào Thị Huyền Trang	06/07/2001	2705	63	
2517	Phạm Thị Huyền Trang	19/06/1997	2706	70	
2518	Lê Thị Trang	18/04/2001	2707	82	
2519	Mai Thị Trang	27/06/2003	2708	51.5	
2520	Nguyễn Thị Trang	28/09/2002	2709	60.5	
2521	Trần Thị Quỳnh Trang	18/10/2003	2710	64	
2522	Văn Thị Quỳnh Trang	05/02/2003	2711	82	
2523	Ngô Thị Thu Trang	18/03/1997	2712	70.5	
2524	Phan Thị Thu Trang	04/09/2001	2713	38	
2525	Nguyễn Thị Thủy Trang	26/11/2002	2714	47	
2526	Nguyễn Thị Thủy Trang	06/04/2003	2715	55	
2527	Ngô Thu Trang	17/09/2003	2716	61	
2528	Phạm Đặng Hồng Trà	04/04/2003	2717	44	
2529	Nguyễn Thanh Thanh Trà	06/09/2003	2718	33.5	
2530	Ngô Thị Trà	27/11/1990	2719	63	
2531	Nguyễn Thị Xuân Trà	12/04/2003	2720	37	
2532	Hoàng Thanh Trâm	07/02/2003	2721	51.5	
2533	Nguyễn Thị Bảo Trâm	01/11/2002	2722	66	
2534	Vương Tú Trinh	18/09/2002	2723	47	
2535	Nguyễn Thị Trúc	26/02/1997	2725	72	
2536	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	17/09/2003	2726	37	
2537	Nguyễn Hoàng Cẩm Tú	12/02/2003	2727	63	
2538	Trần Thị Tương	01/08/2003	2728	61	
2539	Lê Thị Thu Uyên	15/11/2003	2729	65	
2540	Nguyễn Thị Thu Uyên	05/04/2003	2730	43	
2541	Nguyễn Thị Tố Uyên	22/01/2003	2731	64	
2542	Trần Cẩm Vân	06/04/2003	2732	84	
2543	Lê Thị Vân	17/07/2000	2733	65	
2544	Nguyễn Thị Thanh Vân	25/10/2003	2734	55	
2545	Trần Thị Vân	02/11/2000	2735	50	
2546	Nguyễn Việt Vũ	15/04/2002	2737	55	
2547	Vũ Phan Bảo Anh	10/05/2002	2738	68.5	
2548	Nguyễn Thế Anh	18/12/2001	2739	51.5	
2549	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	30/05/2002	2740	70.5	
2550	Trần Tuấn Anh	20/09/1993	2741	53	
2551	Lào Văn Châu	12/08/2003	2742	45	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2552	Đặng Văn Công	26/09/2003	2743	57	
2553	Nguyễn Mạnh Cường	05/08/2003	2744	51.5	
2554	Trần Thị Diệp	19/09/1991	2745	34	
2555	Và Bá Địa	08/03/1993	2746	32	
2556	Trần Thị Anh Đào	23/10/1997	2747	40	
2557	Nguyễn Thị Đào	15/02/1991	2748	32.5	
2558	Trương Thị Diệp	26/07/1993	2749	27	
2559	Đình Thị Giang	15/10/2003	2751	52	
2560	Nguyễn Thị Hạnh	17/08/1986	2752	26	
2561	Phạm Thị Hoà	02/03/1988	2753	65.5	
2562	Bùi Thị Thu Hoài	01/06/1992	2754	57	
2563	Hồ Thị Hồng	16/06/1988	2755	52	
2564	Nguyễn Hồ Khánh Huyền	31/12/2003	2756	40.5	
2565	Ngô Quang Hùng	24/06/2002	2757	30	
2566	Lê Thị Vy	10/05/2002	2758	47.5	
2567	Nguyễn Thị Xuân	01/01/2003	2759	45	
2568	Nguyễn Thị Xuân	30/01/2003	2760	56	
2569	Nguyễn Thị Cẩm Xuyên	27/05/1990	2761	50	
2570	Đặng Hoàng Yến	03/12/2003	2762	34	
2571	Đương Thị Yến	19/05/2002	2763	56	
2572	Hồ Thị Hải Yến	25/11/1999	2764	72.5	
2573	Nguyễn Thị Hải Yến	17/10/2003	2765	54	
2574	Lô Thị Dương	20/03/1992	2766	53	
2575	Nguyễn Thị Huyền	28/12/1982	2767	53	
2576	Nguyễn Thị Nguyệt	11/12/1989	2769	32.5	
2577	Trần Thị Hồng Nhung	24/05/1985	2770	67	
2578	Lại Thị Sen	29/08/1982	2771	50.5	
2579	Cao Thị Phương Thuý	25/04/1993	2772	60	
2580	Nguyễn Thị Trương	15/10/1992	2773	45.5	
2581	Trần Thị Hương	15/10/1988	2774	55	
2582	Nguyễn Thị Lành	05/02/1993	2775	51	
2583	Nguyễn Thị Lân	02/01/2001	2776	55	
2584	Phan Thị Quỳnh Mai	16/04/2003	2777	52.5	
2585	Trần Thị Mai	04/11/1984	2778	53	
2586	Nguyễn Văn Mạnh	03/09/1998	2779	51	
2587	Bùi Diễm Huyền My	12/02/2003	2780	45	
2588	Nguyễn Lâm Hà My	11/05/2002	2781	50.5	
2589	Nguyễn Thị Hồng Nhung	31/01/2003	2782	59	
2590	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	15/05/2003	2783	50.5	
2591	Lương Thị Hồng Quý	18/01/2003	2784	64.5	
2592	Võ Mạnh Sơn	31/03/2003	2785	52	
2593	Nguyễn Minh Sương	08/10/2003	2786	53.5	
2594	Hồ Thị Thanh	26/03/1987	2787	52	
2595	Lê Thị Phương Thảo	17/08/2000	2788	52.5	
2596	Trần Thị Thanh Thuý	24/06/1999	2789	51	

2/2/2013

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2597	Lê Thị Thúy	04/09/1996	2790	53	
2598	Bùi Nguyễn Huyền Trang	08/06/2003	2791	25	
2599	Lê Thị Huyền Trang	29/03/1986	2792	52	
2600	Vũ Thị Ngọc Trâm	10/01/1997	2793	52.5	
2601	Ngô Sỹ Việt Anh	23/10/2003	2794	87	
2602	Nguyễn Thị Hoàng Anh	04/03/1997	2795	87.5	
2603	Hoàng Thị Kim Anh	14/08/1999	2796	50.5	
2604	Thái Nguyễn Ngọc Ánh	20/12/2003	2797	56	
2605	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	09/01/2003	2798	59	
2606	Vũ Thị Ánh	12/04/2003	2799	79	
2607	Trương Thị Bé	01/03/1997	2800	87	
2608	Hoàng Thị Bình	05/07/1991	2801	87	
2609	Lê Thị Bình	01/05/2003	2802	54	
2610	Ngô Thị Quỳnh Châu	29/03/2003	2803	60	
2611	Nguyễn Thị Kim Dung	22/09/1998	2804	59	
2612	Trần Thị Thùy Dương	12/05/1995	2806	54	
2613	Phạm Thị Giang	14/04/1989	2807	32	
2614	Ngô Thị Hằng	29/10/1989	2808	96.5	
2615	Trần Thị Hiền	10/09/1994	2809	96.5	
2616	Nguyễn Văn Hiến	02/11/1989	2810	40	
2617	Nguyễn Thị Hoài	04/07/1996	2811	41.5	
2618	Vi Thị Hoàng	12/06/1986	2812	42.5	
2619	Trần Thị Minh Huyền	25/02/1994	2813	80.5	
2620	Phan Thị Huyền	10/02/1989	2814	71	
2621	Đặng Thị Hương	05/07/1995	2815	50	
2622	Nguyễn Thị Khuyên	29/03/2003	2817	65	
2623	Lê Khánh Linh	14/04/2003	2818	52	
2624	Lưu Thị Khánh Linh	17/11/1995	2819	50	
2625	Nguyễn Thị Thảo Linh	27/05/2003	2820	47.5	
2626	Hồ Thị Mây	10/09/2001	2822	89	
2627	Nguyễn Thị Minh	19/11/1994	2823	58	
2628	Nguyễn Thị Minh	20/07/1997	2824	30	
2629	Trương Thị Nga	10/05/1995	2825	63	
2630	Ngô Thị Nguyệt	14/08/1994	2826	43	
2631	Nguyễn Thị Nhật	10/07/1989	2827	71	
2632	Trần Ái Nhi	26/06/2002	2828	51.5	
2633	Hà Thị Việt Phương	16/02/1996	2831	65	
2634	Lê Thị Hồng Quyên	15/02/1997	2832	91	
2635	Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	23/10/1997	2833	88	
2636	Vương Thị Hải Sang	27/02/1999	2834	78	
2637	Nguyễn Thị Soa	13/09/1989	2835	40	
2638	Nguyễn Thị Thao	02/02/1997	2837	87	
2639	Lê Phương Thảo	15/12/2002	2838	43	
2640	Nguyễn Thị Thảo	08/04/2003	2839	70	
2641	Bùi Thị Thắm	25/07/1994	2840	56	

Handwritten signature and mark

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2642	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	22/05/1994	2841	59	
2643	Lê Thị Hoài Thu	12/07/1989	2842	50	
2644	Lê Thị Thủy	05/12/1993	2843	41.5	
2645	Nguyễn Minh Thúy	10/02/2001	2844	75	
2646	Ngô Thị Hà Thương	02/11/2003	2845	71	
2647	Hồ Thị Huyền Thương	10/11/2003	2846	46.5	
2648	Ngô Thị Tình	10/07/1988	2847	68	
2649	Nguyễn Quỳnh Trang	20/10/2003	2848	75	
2650	Ngô Thị Bình	15/08/1979	2849	52	
2651	Nguyễn Thị Bình	20/04/1988	2850	86	
2652	Ngô Thị Hồng Chính	15/01/1984	2851	70	
2653	Hoàng Thị Hà	11/03/1988	2852	60	
2654	Lê Thị Thanh Hà	08/02/1984	2853	49	
2655	Phan Minh Hải	20/04/1983	2854	36.5	
2656	Thái Thị Huyền	10/09/1990	2855	31.5	
2657	Nguyễn Thị Hương	22/11/1986	2856	67	
2658	Lưu Thị Nga	20/02/1989	2858	36.5	
2659	Thái Thị Ngân	26/02/1990	2859	41	
2660	Lê Thị Phượng	10/10/1987	2860	67	
2661	Trần Thị Thế	06/03/1987	2861	39	
2662	Lê Thị Thủy	03/07/1988	2862	63	
2663	Nguyễn Công Tuấn	18/04/1982	2863	37	
2664	Nguyễn Thị Huyền Trang	09/09/2001	2865	82	
2665	Phan Thị Huyền Trang	16/05/2003	2866	82	
2666	Phạm Thị Trang	15/10/1994	2867	69.5	
2667	Lê Thị Quỳnh Trang	19/09/2003	2868	27	
2668	Nguyễn Thị Trinh	02/02/1996	2870	82	
2669	Trần Thị Trinh	02/02/1996	2871	86	
2670	Nguyễn Thị Phương Uyên	08/08/2003	2872	42.5	
2671	Lê Thị Thu Uyên	28/07/2003	2873	50	
2672	Nguyễn Khánh Vy	06/10/2003	2874	44	
2673	Dương Thị Xuân	20/04/1984	2875	72	
2674	Nguyễn Xuân Bình	01/04/1986	2876	71	
2675	Võ Dương Thu Hà	14/01/2002	2877	68.5	
2676	Nguyễn Thị Hậu	28/06/1997	2878	71.5	
2677	Phan Thị Mỹ Huyền	26/02/2002	2879	84.5	
2678	Cao Xuân Quang	10/12/1995	2880	92	
2679	Hồ Thị Ngọc Quỳnh	10/09/1996	2881	81	
2680	Lê Văn Thảo	09/02/1982	2882	55	
2681	Nguyễn Lâm Thư	04/01/1998	2883	80	
2682	Phạm Thị Thu Trang	09/10/2003	2884	66	
2683	Lê Quang Trung	28/08/2003	2885	68.5	
2684	Trần Thị Lan Anh	15/12/1992	2886	43	
2685	Võ Thị Anh	17/04/1988	2888	63	
2686	Cao Thị Thu Hà	10/07/1983	2891	69	

Handwritten signature/initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2687	Đào Thị Hiền	11/09/1984	2892	64	
2688	Hoàng Thị Hoa	05/07/1988	2893	67.5	
2689	Bùi Thị Lan Hương	31/01/1974	2894	56	
2690	Đậu Thị Hòa	10/06/1988	2895	51	
2691	Nguyễn Thị Hòa	29/05/1988	2896	73	
2692	Nguyễn Thị Linh	24/11/1993	2897	57.5	
2693	Phạm Thị Kiều Oanh	15/06/1988	2898	53.5	
2694	Lê Thị Thương	26/05/1981	2900	65	
2695	Võ Thị Xuân Tình	01/02/1989	2901	68	
2696	Phan Thị Huyền Trang	02/10/1993	2902	32.5	
2697	Dương Thị Tùng	23/01/1980	2903	55.5	
2698	Ngô Thúy An	28/04/1991	2904	66	
2699	Đào Thị Anh	13/01/1988	2905	55.5	
2700	Phan Thị Quỳnh Anh	15/05/2000	2907	31	
2701	Cao Thị Dung	28/02/1987	2910	40.5	
2702	Nguyễn Thị Phương Dung	18/05/1987	2911	37.5	
2703	Trịnh Hoàng Mỹ Duyên	10/09/1991	2912	52	
2704	Võ Thị Đào	08/11/1987	2913	64	
2705	Hoàng Thị Hà	23/04/1993	2914	44	
2706	Hoàng Thị Thúy Hạnh	16/11/1988	2916	50.5	
2707	Nguyễn Thị Hiền	12/05/1998	2919	7.5	
2708	Nguyễn Thị Hoa	20/12/1992	2921	31.5	
2709	Nguyễn Thị Tú Hoa	02/08/1992	2922	7	
2710	Phạm Thị Hoài	06/12/1984	2923	45	
2711	Nguyễn Thị Thu Hoài	27/07/1992	2925	20	
2712	Dương Huy Hoàng	12/02/1994	2926	7	
2713	Bùi Thị Hồng	29/03/2000	2927	55	
2714	Trương Thị Hồng	27/07/1990	2928	61.5	
2715	Phùng Thị Thanh Huyền	07/03/1984	2929	26.5	
2716	Trương Thị Thanh Huyền	01/01/1995	2930	51	
2717	Trương Chu Vân Anh	14/12/2003	2932	49	
2718	Nguyễn Thị Lam Anh	28/02/2002	2933	59	
2719	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	27/03/2002	2934	27	
2720	Lê Thị Vân Anh	12/09/2003	2935	79	
2721	Nguyễn Thị Thanh Hương	20/02/1983	2936	30	
2722	Cao Thị Lan	26/05/1982	2937	39.5	
2723	Nguyễn Thị Thùy Linh	14/07/1989	2938	40	
2724	Nguyễn Hà My	01/04/1999	2939	20	
2725	Võ Thị Quỳnh Nhi	16/10/2002	2941	71	
2726	Nguyễn Thị Quỳnh Như	20/10/1982	2942	63.5	
2727	Hồ Thị Ninh	28/08/1997	2944	64.5	
2728	Đậu Thị Oanh	23/09/1992	2945	43	
2729	Lê Thị Hà Phương	12/10/1991	2946	46	
2730	Hoàng Thu Phương	07/08/1999	2947	16	
2731	Võ Thị Thúy Quyên	10/08/1991	2948	21	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2732	Nguyễn Thị Như Quỳnh	09/07/1992	2949	44.5	
2733	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	05/10/1989	2950	54.5	
2734	Nguyễn Thị Hoài Thanh	02/11/1989	2951	81.5	
2735	Trần Vũ Phương Thảo	18/11/2001	2952	21.5	
2736	Lê Thị Hồng Thắm	02/12/2000	2953	30	
2737	Nguyễn Thị Thiện	06/10/1978	2955	30	
2738	Nguyễn Thị Thoa	24/08/1990	2956	50.5	
2739	Hồ Thị Trang	18/10/1993	2957	47	
2740	Phan Thị Anh Vân	24/03/1998	2958	27	
2741	Lê Thị Ngọc Ánh	28/03/2003	2959	65	
2742	Nguyễn Thị Bình	21/06/1995	2960	64	
2743	Nguyễn Linh Chi	09/07/1999	2961	40	
2744	Đậu Thị Diệu	08/03/1998	2962	61	
2745	Nguyễn Thị Hà	25/06/1992	2963	61	
2746	Cao Thị Hiệp	03/09/1992	2964	56	
2747	Hồ Trọng Hiệp	26/02/1994	2965	58	
2748	Nguyễn Thị Hòa	10/05/1992	2966	75	
2749	Nguyễn Thị Khôi	12/07/1983	2967	66	
2750	Nguyễn Thị Kính	06/05/1996	2968	41	
2751	Phan Thị Lý	03/09/1995	2970	80	
2752	Lê Thị Ánh Nguyệt	06/03/2002	2971	54	
2753	Lê Yến Nhi	05/12/2003	2972	65	
2754	Phạm Thị Hồng Phương	01/06/2003	2973	57	
2755	Nguyễn Thị Phương Thảo	17/10/1987	2975	61	
2756	Ngô Thị Thúy	29/07/1991	2979	70	
2757	Trần Thị Minh Thương	03/11/1982	2981	69	
2758	Cao Xuân Tiến	13/01/1981	2982	80	
2759	Nguyễn Thanh Tôn	05/10/1999	2983	36	
2760	Trần Thị Thanh Vân	07/10/1987	2984	76	
2761	Vi Trung Vĩnh	01/02/2000	2985	41	
2762	Trần Thị Thanh An	30/09/2003	2986	70	
2763	Nguyễn Hồng Anh	18/05/1994	2987	50.5	
2764	Cao Nguyễn Hoàng Anh	27/05/2003	2988	65	
2765	Nguyễn Thị Lan Anh	01/03/2003	2989	65	
2766	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	16/10/2003	2990	39	
2767	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	13/11/2003	2991	37	
2768	Lê Thị Khánh Chi	01/08/2003	2992	40	
2769	Nguyễn Thị Diệp	27/08/2003	2993	56.5	
2770	Vũ Thị Ngọc Dung	03/07/2003	2994	36	
2771	Nguyễn Thị Dung	24/07/2003	2995	51.5	
2772	Phan Thị Thảo Dung	16/10/2003	2996	71	
2773	Nguyễn Hữu Đạt	03/01/2003	2998	34	
2774	Nguyễn Hải Giang	20/03/2001	2999	44	
2775	Nguyễn Thị Trà Giang	13/11/2000	3000	50	
2776	Hồ Thị Hà	13/10/1993	3002	71.5	

2/2/08/08

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2777	Nguyễn Thị Hà	18/06/1993	3003	51.5	
2778	Nguyễn Thị Hà	23/03/2002	3004	23	
2779	Trần Mỹ Hạnh	13/11/2003	3005	33.5	
2780	Hồ Thị Hạnh	26/03/1999	3006	50.5	
2781	Vi Thị Hồng Hạnh	12/08/1999	3007	62	
2782	Lương Thị Hạnh	03/07/2002	3008	55.5	
2783	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	06/01/2002	3009	51	
2784	Đoàn Thị Hằng	09/05/1993	3010	62.5	
2785	Nguyễn Thị Thanh Hằng	16/05/1994	3011	79	
2786	Thái Thị Hằng	15/04/1995	3012	67.5	
2787	Trần Thị Thu Hằng	17/01/2003	3013	54	
2788	Hoàng Thị Hiền	12/02/2001	3015	53.5	
2789	Thái Thị Hiền	18/09/2003	3016	64.5	
2790	Phan Đăng Minh Hiền	26/10/2003	3017	62	
2791	Hồ Đình Hiếu	10/12/2002	3018	39	
2792	Lê Thị Hoa	10/03/1995	3019	42.5	
2793	Tô Thị Hoài	24/10/1997	3020	74.5	
2794	Vũ Thị Hoài	01/04/1996	3021	46.5	
2795	Hoàng Thị Ngân Hồng	10/10/1995	3022	33	
2796	Nguyễn Thị Huyền	04/09/2003	3024	37.5	
2797	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22/07/2003	3025	47	
2798	Trần Thị Huyền	20/11/1997	3026	68	
2799	Lê Văn Huỳnh	24/10/2003	3027	46.5	
2800	Nguyễn Văn Hùng	10/06/1996	3028	71.5	
2801	Nguyễn Ngọc Lê	09/07/2003	3029	28	
2802	Nguyễn Diệu Linh	04/12/2002	3030	57.5	
2803	Nguyễn Khánh Linh	12/02/2003	3031	22.5	
2804	Hoàng Ngọc Diệu Linh	03/04/2001	3032	70.5	
2805	Hoàng Ngọc Yến Linh	01/11/2002	3033	61	
2806	Đặng Thị Diệu Linh	15/08/1996	3034	70.5	
2807	Bùi Thị Khánh Linh	23/02/2003	3035	38	
2808	Nguyễn Thị Thùy Linh	31/10/2001	3036	62.5	
2809	Nguyễn Trúc Linh	11/11/2003	3037	33.5	
2810	Nguyễn Khánh Ly	24/02/2002	3038	50	
2811	Lê Thị Cẩm Ly	03/05/2002	3039	68	
2812	Nguyễn Thị Thảo Mây	27/10/2001	3040	51	
2813	Lưu Trà My	01/11/2002	3041	73	
2814	Nguyễn Thị Mỹ	29/01/2000	3042	50	
2815	Đậu Thị Quỳnh Nga	03/12/2003	3043	62.5	
2816	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân	01/09/2001	3044	72	
2817	Trần Thị Ngân	20/12/2001	3045	72.5	
2818	Đậu Thị Kim Ngọc	28/10/2003	3046	52	
2819	Đinh Thị Thảo Nguyên	04/04/2002	3047	66	
2820	Phan Thị Ánh Nguyệt	21/05/2003	3048	50.5	
2821	Trần Thị Nguyệt	04/10/2002	3049	82.5	

Handwritten signature and initials

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2822	Nguyễn Thị Nhân	14/08/2003	3050	68	
2823	Lê Doãn Nhân	05/08/2003	3051	50	
2824	La Thị Nhất	28/10/1992	3052	61	
2825	Ngô Thị Nhung	02/03/1995	3054	47	
2826	Nguyễn Thị Nhung	25/03/1991	3055	62.5	
2827	Nguyễn Thị Yên Như	20/09/2003	3056	41.5	
2828	Nguyễn Thị Oanh	23/07/2003	3057	77.5	
2829	Đương Thế Phi	28/11/2002	3058	41	
2830	Nguyễn Hữu Phú	23/10/1995	3059	68.5	
2831	Vũ Thị Lan Phương	01/04/1998	3060	48.5	
2832	Nguyễn Thị Linh Phương	01/01/2000	3061	76.5	
2833	Trần Đức Quân	13/03/2003	3062	55	
2834	Hoàng Diễm Quỳnh	02/07/2003	3063	40.5	
2835	Lê Thị Thanh Tâm	07/09/1997	3065	64.5	
2836	Trần Thị Tâm	26/04/2003	3066	47.5	
2837	Nguyễn Thị Hoài Thanh	06/04/1995	3067	57	
2838	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/12/2000	3068	63.5	
2839	Trần Thị Phương Thảo	06/09/2003	3069	63	
2840	Hồ Thị Thắm	07/01/2003	3070	61	
2841	Hồ Thị Thơ	10/03/1998	3071	72.5	
2842	Nguyễn Thị Thuý	22/08/2002	3072	50	
2843	Nguyễn Thị Thủy	27/06/1996	3073	82	
2844	Trần Thị Thanh Thúy	29/10/2003	3074	36.5	
2845	Đào Thị Thương	22/02/2002	3075	41.5	
2846	Hoàng Thị Thương	02/06/2003	3076	58	
2847	Nguyễn Trọng Toàn	05/07/2002	3078	60.5	
2848	Nguyễn Thị Trang	25/11/1994	3080	78	
2849	Cung Thị Quỳnh Trang	01/11/2003	3081	56	
2850	Trần Thị Quỳnh Trang	13/07/1999	3082	53	
2851	Trần Thị Quỳnh Trang	10/10/2003	3083	51	
2852	Võ Thị Quỳnh Trang	15/10/2002	3084	38	
2853	Trương Thị Trang	15/09/2003	3085	52.5	
2854	Nguyễn Thu Trang	28/08/1988	3086	70.5	
2855	Nguyễn Thị Thùy Trâm	14/09/2003	3087	64	
2856	Bùi Thị Tuyền	06/11/1989	3088	43	
2857	Kiều Thị Thanh Tú	01/01/2002	3089	52	
2858	Lê Thị Cẩm Vân	18/04/2002	3090	52	
2859	Nguyễn Thị Hà Vân	18/12/1991	3091	52	
2860	Hoàng Thị Vân	07/04/2003	3092	77.5	
2861	Vừ Y Xi	04/04/2003	3093	60	
2862	Đinh Thị Yên	15/04/1997	3094	71	
2863	Nguyễn Thị Hải Yên	21/05/1992	3095	44.5	
2864	Thái Thị Yên	21/07/1995	3096	80	
2865	Nguyễn Kim Linh Chi	20/07/2003	3097	52	
2866	Nguyễn An Cường	12/01/1996	3098	63	

Handwritten signature and date: 2/2/2013

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2867	Nguyễn Văn Đàn	22/05/2003	3099	28	
2868	Lê Thị Hà	26/03/1993	3100	43	
2869	Nguyễn Thanh Hằng	10/10/2002	3101	50	
2870	Hoàng Thị Hằng	07/12/1996	3102	55	
2871	Phạm Thị Thúy Hằng	16/02/1999	3103	65	
2872	Nguyễn Thị Hiền	10/06/1991	3104	65.5	
2873	Nguyễn Thị Thanh Hoài	06/05/1996	3106	49	
2874	Đậu Văn Hoạt	02/10/2002	3107	74	
2875	Nguyễn Thị Hồng	07/02/1996	3108	62	
2876	Đặng Khánh Huyền	04/12/2002	3109	46.5	
2877	Phan Thị Ngọc Huyền	16/10/1997	3110	43	
2878	Phạm Thị Huyền	21/06/1990	3111	56	
2879	Ngô Tiến Hùng	27/10/2003	3112	42	
2880	Nguyễn Thanh Lam	18/11/2003	3113	47.5	
2881	Phạm Thị Mai Lan	11/03/1995	3114	52	
2882	Hoàng Thị Linh	08/11/1995	3115	62	
2883	Cao Văn Linh	30/09/2003	3116	28.5	
2884	Trần Thanh Long	20/09/1996	3117	67	
2885	Nguyễn An Ly	01/12/2002	3118	80	
2886	Ngô Thị Tuyết Mai	16/04/2003	3119	29	
2887	Phan Thị Tuyết Mai	24/02/1985	3120	66	
2888	Thái Thị Hoa Mơ	10/04/2003	3121	65	
2889	Phan Thị Trà My	30/11/2003	3122	54	
2890	Trần Thị Lê Na	19/06/2002	3123	52	
2891	Nguyễn Thị Nguyệt	03/06/1995	3124	39	
2892	Phạm Thị Nhâm	06/06/2002	3125	59	
2893	Hồ Thị Yến Nhi	05/11/2002	3126	51	
2894	Nguyễn Thị Nhung	05/01/2003	3127	49	
2895	Phan Thị Kim Oanh	14/03/2001	3128	51.5	
2896	Trần Thị Oanh	15/03/1996	3129	46.5	
2897	Tăng Thị Phúc	15/03/1995	3130	44	
2898	Nguyễn Thị Hoài Phương	06/04/1998	3131	73	
2899	Nguyễn Ngọc Quỳnh	29/08/2001	3132	67	
2900	Chu Thị Quỳnh	05/04/2002	3133	70	
2901	Nguyễn Thị Quỳnh	02/02/2001	3134	49	
2902	Phan Thị Xuân Quỳnh	08/03/2001	3135	64	
2903	Nguyễn Huy Quý	10/05/2001	3136	26	
2904	Phan Thanh Thanh	26/01/2003	3137	77	
2905	Lê Trương Hải Thanh	08/05/1997	3138	73	
2906	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/05/2003	3139	66	
2907	Nguyễn Văn Thắng	15/06/1996	3140	52	
2908	Nguyễn Thị Hoài Thu	14/09/1998	3141	67	
2909	Trần Thị Thu	22/08/1995	3142	56	
2910	Hồ Thị Thủy	14/08/1996	3143	40	
2911	Nguyễn Thị Thủy	20/03/1989	3144	65	

Handwritten signature and number 13

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2912	Nguyễn Thị Huyền Trang	19/11/1997	3147	36	
2913	Hồ Thị Hồng Trà	03/09/1996	3148	62	
2914	Lê Thị Hương Trà	28/08/2002	3149	56	
2915	Bùi Thị Hồng Trinh	22/01/1996	3150	81	
2916	Nguyễn Thị Kim Tú	22/11/2003	3151	59	
2917	Nguyễn Thị Vân	26/05/1991	3152	53	
2918	Nguyễn Phương Anh	08/03/1996	3153	49	
2919	Phan Thị Ngọc Anh	26/11/2003	3154	39	
2920	Lê Thị Quỳnh Anh	09/06/2002	3155	65.5	
2921	Nguyễn Thị Vân Anh	23/09/1997	3156	55	
2922	Vũ Thị Vân Anh	16/06/2002	3157	73	
2923	Hồ Thị Ngọc Ánh	12/08/1999	3158	61	
2924	Trần Lương Bằng	16/07/2002	3159	66	
2925	Đinh Thị Ngọc Bé	15/01/1987	3160	63.5	
2926	Lo Thị Chi	14/11/1991	3161	51.5	
2927	Cao Thị Chung	10/03/1988	3162	64.5	
2928	Nguyễn Thị Chung	06/02/1997	3163	63.5	
2929	Nguyễn Thị Giang	12/01/2002	3164	76	
2930	Lê Thị Hà	24/02/2003	3165	83	
2931	Bùi Thị Thu Hà	16/01/2001	3166	66	
2932	Nguyễn Thị Hải	13/09/2003	3167	62	
2933	Lô Thị Ngọc Hân	28/12/2001	3168	41	
2934	Võ Thị Hậu	19/08/2003	3169	45.5	
2935	Trần Thị Mai Hiên	01/10/2003	3170	48	
2936	Hoàng Thị Hiền	18/03/1993	3171	56	
2937	Lê Thị Hiền	21/11/1993	3172	55.5	
2938	Trần Thị Hiền	29/01/2003	3173	54	
2939	Võ Thị Phương Hoa	27/10/1997	3174	83	
2940	Vũ Thị Hoa	16/11/2003	3175	69.5	
2941	Nguyễn Thị Hoài	10/06/1985	3176	58.5	
2942	Lê Thị Thu Hoài	05/09/2003	3177	68	
2943	Trần Thị Ánh Hồng	18/08/2003	3178	63.5	
2944	Đặng Thị Huệ	25/11/1995	3180	60	
2945	Võ Thị Kim Huệ	02/09/1998	3181	76	
2946	Lê Thị Huệ	04/06/1987	3182	64	
2947	Đặng Phan Ngọc Huy	20/07/2003	3183	38	
2948	Nguyễn Thị Thanh Huyền	15/11/1984	3184	62	
2949	Trần Huyền Linh	02/07/2002	3186	70	
2950	Lê Thị Linh	28/01/2001	3187	55	
2951	Bùi Tuấn Linh	13/05/2003	3188	45	
2952	Nguyễn Duy Lịch	16/09/2001	3189	30	
2953	Trần Thị Lộc	16/03/1993	3190	79	
2954	Lê Thị Cẩm Ly	06/11/2003	3191	47	
2955	Nguyễn Thị Mai	28/02/1995	3194	69	
2956	Đặng Thị Mùi	18/05/2003	3195	84	

th 26 *2013*

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
2957	Moong Trà My	01/09/2001	3197	47	
2958	Chu Thị Nga	21/10/2003	3199	51	
2959	Lang Thị Hồng Ngọc	17/04/1993	3200	50	
2960	Hồ Thị Nguyệt	11/12/2003	3201	49	
2961	Phạm Thị Linh Nhi	20/04/2003	3202	48.5	
2962	Đào Thị Nhung	04/03/1994	3203	44.5	
2963	Phạm Thị Kiều Oanh	20/12/2002	3205	41.5	
2964	Lương Thị Hồng Phú	02/01/1994	3206	48	
2965	Tăng Thị Quỳnh Phương	23/10/2003	3207	38	
2966	Phan Đình Quang	17/05/2003	3208	61	
2967	Nguyễn Thị Quyên	02/01/2000	3209	58	
2968	Nguyễn Thị Quỳnh	30/12/1991	3210	53.5	
2969	Trần Thị Như Quỳnh	21/08/2003	3211	62	
2970	Kha Văn Tài	13/05/2002	3212	57.5	
2971	Trần Văn Tài	26/01/2003	3213	71.5	
2972	Đặng Thị Thanh	20/10/1993	3215	43.5	
2973	Phan Thị Thanh	07/04/1999	3216	59	
2974	Hồ Thị Tuyết Thanh	17/02/2003	3217	44	
2975	Trần Thạch Thảo	26/03/2002	3218	70	
2976	Lê Thị Phương Thảo	07/09/2003	3220	48.5	
2977	Nguyễn Thị Phương Thảo	17/06/2003	3221	61.5	
2978	Phạm Thị Phương Thảo	27/12/2003	3222	43.5	
2979	Tăng Thị Thảo	23/07/1995	3223	85.5	
2980	Thái Thị Thoa	23/08/2002	3224	52	
2981	Nguyễn Thị Thuý	26/02/1995	3225	48.5	
2982	Ngô Thị Thu Thuý	02/02/1996	3226	55.5	
2983	Hồ Thị Thuý	02/04/2003	3227	43	
2984	Nguyễn Thị Thuý	01/06/2002	3228	45.5	
2985	Võ Thị Thương	15/10/1996	3229	60.5	
2986	Trần Thị Trang	06/02/1989	3230	53	
2987	Phan Đức Trí	13/08/2003	3231	39.5	
2988	Vi Văn Tuất	16/09/1992	3232	60	
2989	Trương Thị Vân	16/10/1995	3233	51.5	
2990	Ngô Thị Vinh	25/07/1994	3234	64.5	
2991	Nguyễn Thị Yến	19/11/2003	3235	49.5	
2992	Hoàng Thị Ánh	14/06/1999	3237	85	
2993	Nguyễn Thị Hiên	26/10/1998	3238	71	
2994	Lê Thị Hồng	19/05/1990	3240	93.5	
2995	Trần Thị Minh Huyền	03/03/1999	3241	63	
2996	Hoàng Thùy Linh	01/06/1985	3242	80	
2997	Trần Thị Lý	06/10/1982	3243	70.5	
2998	Nguyễn Thị Hạnh	10/10/1989	3244	41	
2999	Nguyễn Thị Hằng	22/07/1981	3245	15.5	
3000	Võ Thị Thúy Hằng	04/06/1988	3246	81.5	
3001	Võ Thị Hằng	16/09/1988	3247	24	

Handwritten signature and mark

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi	Ghi chú
3002	Nguyễn Thị Hiền	07/10/1986	3248	21	
3003	Đặng Thị Hương	22/04/1983	3249	43	
3004	Kha Thị Thu Hương	08/08/1988	3250	51	
3005	Hoàng Thị Lâm	13/05/1982	3251	54.5	
3006	Đặng Thị Luận	26/12/1987	3253	79	
3007	Lê Thị Nghĩa	06/10/1988	3254	54.5	
3008	Nguyễn Thị Nhung	03/03/1991	3255	65.5	
3009	Đặng Thị Phương	02/09/1984	3256	74	
3010	Nguyễn Thị Thương	03/09/1983	3257	57	
3011	Trần Thị Thương	13/01/1989	3258	75.5	
3012	Nguyễn Thị Xen	17/04/1986	3259	66	
3013	Nguyễn Thị Hải Yến	01/09/1980	3260	91	

Handwritten signature or initials in blue ink.